

THÔNG TIN
LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ
SỐ: 49/2024

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TS. NGUYỄN TRỌNG TÚ

Ban biên tập:
TS. NGUYỄN TRỌNG TÚ
TS. NGUYỄN QUANG NGỌC
THS. TRẦN ÁNH DƯƠNG
THS. NGUYỄN XUÂN BÉ
THS. TRẦN THỊ QUỲNH NGÀ
THS. NGUYỄN THẮNG MỸ
THS. NGUYỄN TRỌNG VINH
THS. NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

Thư ký:
Ths. NGUYỄN THỊ THẢO LINH

Trình bày:
THS. LÊ ĐÌNH HÙNG

Địa chỉ: TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TRẦN PHÚ HÀ TĨNH
Số 14, Đường Hoàng Xuân Hãn,
Phường Đại Nài, Thành phố Hà Tĩnh
Điện thoại: 02393 885073
Fax: 02393 885073

Email: phongkhoahoc.tcttp@gmail.com
Website: http://www.truongchinhtrihatinh.gov.vn

Bìa 1: Sơ tư

Bìa 2,3,4: Ảnh: Tư liệu trường

In 150 cuốn, khuôn khổ 19 x 26,5 cm
Tại Công ty CP in Hà Tĩnh. Số 153
- Hà Huy Tập - TP. Hà Tĩnh. Giấy
phép xuất bản số: 56/GP-STTTT do
Sở Thông tin và Truyền thông Hà
Tĩnh cấp ngày 13/8/2024. In xong và
nộp lưu chiếu tháng 8/2024

MỤC LỤC

KỶ NIỆM 120 NĂM NGÀY SINH TỔNG BÍ THƯ TRẦN PHÚ; 118 NĂM NGÀY SINH TỔNG BÍ THƯ HÀ HUY TẬP		
TS. Nguyễn Trọng Tú Ths. Phan Bá Linh	Đồng chí Tổng Bí thư Trần Phú với giai cấp công nhân và phong trào công nhân	2
TS. Nguyễn Quang Ngọc	"Hãy giữ vững chí khí chiến đấu" - Lời hiệu triệu và chí khí cách mạng của đồng chí Trần Phú	9
Ths. Trần Thị Quỳnh Nga	Phát huy tinh thần, chí khí cách mạng của đồng chí Trần Phú trong xây dựng con người Hà Tĩnh	15
Ths. Nguyễn Thắng Mỹ	Tu dưỡng, rèn luyện theo tấm gương của đồng chí Trần Phú - Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng	19
Ths. Nguyễn Thị Thảo Linh	Phát huy chí khí cách mạng của Tổng Bí thư Trần Phú trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc giai đoạn hiện nay	25
Ths. Dương Thị Vân Linh	Tổng Bí thư Hà Huy Tập với cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng	31
BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG		
Ths. Nguyễn Duy Long	Phản bác các luận điệu sai trái về bình đẳng giới ở Việt Nam dưới góc độ pháp lý	35
Ths. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phát huy vai trò của đội ngũ học viên hệ đào tạo Trung cấp lý luận chính trị tại các trường chính trị cấp tỉnh trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng	40
Ths. Phan Thị Ái Vân	Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc về tôn giáo ở Việt Nam	45
Ths. Nguyễn Hà Giang	Đấu tranh, phản bác một số luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch về tư tưởng Hồ Chí Minh	49
NGHIÊN CỨU, TRAO ĐỔI		
Ths. Nguyễn Trọng Vinh	Nâng cao kỹ năng hoạt động cho đại biểu HĐND cấp xã góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị của chính quyền cấp xã trên địa bàn Hà Tĩnh trong giai đoạn hiện nay	52
Ths. Thái Thị Hiến	Phát huy thế mạnh của công tác tuyên truyền miệng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác tư tưởng trong tình hình mới	57
Ths. Nguyễn Thị Phương Thủy	Một số vấn đề đặt ra trong chuyển đổi tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp tại Hà Tĩnh trong giai đoạn hiện nay	62
Ths. Lê Thị Thùy Dung	Bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 18 - NQ/TU về xây dựng, phát triển văn hóa và con người Hà Tĩnh trong giai đoạn mới	68
Ths. Nguyễn Thị Lam	Phát huy vai trò của nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng	71
Ths. Nguyễn Quỳnh Nga	Chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế biển và thực trạng phát triển các ngành kinh tế biển ở tỉnh Hà Tĩnh	75
Ths. Trần Thị Bích Thủy	Nâng cao năng lực thực hiện kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của Đảng bộ cấp xã, góp phần xây dựng một nền nông nghiệp phát triển bền vững ở Hà Tĩnh	80
Nguyễn Trọng Minh Quân	Tăng cường công tác quản lý an ninh mạng trong giai đoạn hiện nay	84
THỰC TIỄN, KINH NGHIỆM		
Ths. Nguyễn Xuân Bé	Gắn nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng với công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học đối với khoa lý luận cơ sở, Trường Chính trị Trần Phú - một số vấn đề cần quan tâm	88
Ths. Hồ Thanh	Tăng cường công tác bồi dưỡng chuẩn mực đạo đức, văn hóa truyền thống, con người Hà Tĩnh tại các trung tâm chính trị cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh	93
Ths. Phan Chí Quyết	Phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực góp phần thực hiện việc học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, chuyên đề năm 2024 ở Hà Tĩnh	96
Ths. Trần Thị Thúy Hương	Đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị - giải pháp góp phần xây dựng Trường Chính trị Trần Phú đạt chuẩn	101

KỶ NIỆM 120 NĂM NGÀY SINH TỔNG BÍ THƯ TRẦN PHÚ;
118 NĂM NGÀY SINH TỔNG BÍ THƯ HÀ HUY TẬP

ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ TRẦN PHÚ VỚI GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ PHONG TRÀO CÔNG NHÂN

❖ TS. NGUYỄN TRỌNG TÚ
UVBCH Đảng bộ tỉnh, Hiệu trưởng

❖ ThS. PHAN BÁ LINH
Phó trưởng Khoa Lý luận cơ sở

Tóm tắt: Được sinh ra trong gia đình có cha làm quan tri huyện, nhưng từ tuổi ấu thơ, Trần Phú phải chịu nhiều thiệt thòi, vất vả. Với chí hướng “trả thù nhà, đền nợ nước”, lại sẵn mang trong mình dòng máu yêu nước của quê hương Hà Tĩnh, Trần Phú đã sớm chọn con đường hiến thân cho lý tưởng cao đẹp là chiến đấu vì sự nghiệp giải phóng quê hương, đất nước; gắn bó với đời sống nhân dân lao động, hòa mình trong phong trào công nhân. Được Chủ nghĩa Mác - Lênin soi đường, Trần Phú trở thành người cộng sản - Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng, người lãnh đạo giai cấp công nhân và phong trào công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp mình.

1. Hòa mình vào đời sống người lao động, thâm nhập thực tế phong trào công nhân Việt Nam

Năm 1922, Trần Phú giành thủ khoa Thành Chung ở Trường Quốc học Huế khi vừa bước sang tuổi 19. Với tài năng và ý chí của tuổi trẻ được hun nóng bởi tinh thần yêu nước, đồng chí Trần Phú đã bước khỏi con đường vinh thân, phì gia để lựa chọn con đường đấu tranh vì sự tồn vong của giống nòi, dân tộc. Đồng chí chọn nghề thầy giáo, bởi đó là cơ hội “làm thầy” để tạo ra lớp người có ích cho dân, cho nước, lớp người dám hy sinh mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Trở thành thầy giáo Trường Tiểu học Cao Xuân Dục, Vinh, Nghệ An là điều kiện đầu tiên quan trọng dẫn tới sự chuyển biến trong cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Trần Phú.

Lúc bấy giờ Vinh là một trung tâm kinh tế, văn hóa của phía bắc Trung Kỳ, là nơi có truyền thống yêu nước và khoa bảng, vừa là một trong những cái nôi hình thành giai cấp công nhân Việt Nam và phong trào đấu tranh của công nhân. Tại Trường Cao Xuân Dục, ngoài những giờ trên lớp truyền thụ cho kiến thức, tinh thần yêu nước, yêu quê hương, lòng căm thù giặc cho các em học sinh, đồng chí Trần Phú đã dành thời gian đến với gia đình những người lao động, với anh chị em công nhân ở các xóm thợ đang sống và làm việc tại các nhà máy, xí nghiệp, bến cảng ở khu vực Vinh - Bến Thủy - Trường Thi, công nhân Nhà máy Diêm, Nhà máy Cưa, Nhà máy Điện... Ở đây, Trần Phú có dịp tìm hiểu tâm tư, tình cảm, ước nguyện của các giai tầng người lao động. Trần Phú trực tiếp chứng kiến sự cơ cực, thiếu thốn của những gia đình người

công nhân trong các túp lều tranh vách đất ẩm thấp, tối tăm. Họ phải phải chịu vất vả, lương thấp, cúp phạt để lấy miếng ăn qua ngày... Thông cảm và thương yêu những người công nhân nghèo khổ, Trần Phú đã chia sẻ với họ từng đồng lương giáo viên ít ỏi của mình, mong giúp họ giảm bớt khó khăn, nhất là trong những ngày công nhân đình công.

Điều mà đồng chí Trần Phú bất bình nhất chính là hậu quả chính sách ngu dân của thực dân Pháp đã khiến cho đại đa số người dân bị mù chữ. Trong các nhà máy, hơn 80% công nhân không biết ký tên mình khi nhận lương mà chỉ điểm chỉ... Sự thật đó đã tác động mạnh mẽ đến tâm tư, tình cảm của Trần Phú. Đồng chí đã quyết định phải giác ngộ quyền lợi cho người công nhân bằng chính sự hiểu biết cho họ. Vì vậy, Trần Phú đã quyết định mở các lớp học chữ vào buổi tối ngoài giờ lao động tại nơi cư trú của những người công nhân. Không những vậy, đồng chí còn vận động các đồng chí, đồng nghiệp tham gia hưởng ứng hoạt động của mình. Trường Cao Xuân Dục trở thành cơ sở đầu tiên, công khai của các lớp học vào tất cả những buổi tối.

Từ mùa hè năm 1925, đồng chí Trần Phú trở thành thành viên sáng lập tổ chức cách mạng có tên Hội Phục Việt - tổ chức yêu nước có tôn chỉ: đánh đổ thực dân Pháp và Chính phủ Nam triều, khôi phục nền độc lập cho Tổ quốc. Trần Phú đã cùng một số đồng chí hội viên đã tổ chức được nhiều lớp học hơn. Các lớp học càng ngày càng đón nhận nhiều anh chị em công nhân ở Vinh - Bến Thủy - Trường Thi và quần chúng lao động khác. Anh thực sự trở thành chỗ dựa tinh thần, niềm tin của phong trào công nhân và những người công nhân yêu nước, tiêu biểu như Lê Mao, Lê Viết Thuật, Nguyễn Viết Lục, Nguyễn Phúc... từ đó thu hút, lôi kéo hàng ngàn công nhân

khác tham gia phong trào. Hoảng sợ trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào, bọn thực dân Pháp ra lệnh giải tán và đóng cửa tất cả các lớp học.

Tháng 7/1926, Hội Hưng Nam (tiên thân là Hội Phục Việt) quyết định cử Trần Phú sang Quảng Châu (Trung Quốc) để gặp Nguyễn Ái Quốc và Tổng bộ Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên. Tại Quảng Châu, được Nguyễn Ái Quốc đem hết nhiệt tình để trao đổi, giảng giải, Trần Phú nhanh chóng nắm được những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, hiểu sâu sắc rằng con đường duy nhất để cách mạng Việt Nam giành được thắng lợi hoàn toàn là đi theo chủ nghĩa Mác - Lênin, sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp phải được đặt vào quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội... Với sự tin tưởng tuyệt đối của mình, Trần Phú đã quyết định gia nhập “Hội Việt Nam cách mạng thanh niên” và được kết nạp vào Cộng sản Đoàn - hạt nhân của Đảng cộng sản tương lai.

Sau ba tháng học chính trị, Trần Phú và một số đồng chí được Nguyễn Ái Quốc giao nhiệm vụ trở về nước xây dựng cơ sở cách mạng và thực hiện “vô sản hóa”. Từ đây, Trần Phú lại hòa mình vào phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động ở Vinh. Đồng chí tận dụng mọi thời gian bám sát cơ sở, đến tận các địa phương, các nhà máy vừa tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa xã hội, vừa phổ biến kiến thức vận động cách mạng theo chương trình “Thanh niên”, thực hiện “vô sản hóa” nhận thức và phong trào đấu tranh ở trong nước...

Tháng 1/1927, Trần Phú trở lại Liên Xô vào học tại trường Đại học Phương Đông. Đến tháng 4/1930 Trần Phú về nước, sau đó được bổ sung vào Ban Chấp hành Trung ương lâm thời (7/1930) và được giao nhiệm vụ dự thảo Luận cương Chính trị của Đảng.

Đồng chí Trần Phú là người có trình độ tư duy về lý luận cách mạng, lại được tiếp thu những kinh nghiệm từ phong trào công sản và công nhân quốc tế, song vì xa đất nước đã lâu, nên khi trở về, thực hiện chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Trần Phú đã đi khảo sát phong trào công nhân, nông dân Hải Phòng, Quảng Ninh, Nam Định và Thái Bình. Lúc đó, Hải Phòng, Quảng Ninh, Nam Định có điểm chung đều là những trung tâm công nghiệp lớn ở Bắc Kỳ, là những cái nôi ra đời, tập trung đông nhất của công nhân Việt Nam. Hải Phòng là thành phố cảng công nghiệp, Quảng Ninh là nơi hình thành nên ngành công nghiệp đầu tiên của Việt Nam (công nghiệp khai khoáng, khai thác mỏ), Nam Định là một trong những trọng điểm khai thác của tư bản Pháp, là trung tâm công nghiệp dệt lớn nhất Đông Dương. Điều đặc biệt nữa là ở cả 3 địa phương này đang ở thời điểm phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân diễn ra hết sức sôi nổi, liên tục, rộng khắp trong các xí nghiệp, nhà máy đòi tăng lương, giảm giờ làm, cải thiện đời sống, giảm sưu thuế, chống khủng bố...

Thâm nhập thực tiễn, Trần Phú khoác áo công nhân vào tận Nhà máy Tơ, Căng, Nhà máy Xi măng, máy Bút, máy Công, máy Gạch, xóm lao động Ao Than - Lạc Viên, Xi măng (Hải Phòng); trong vai người thợ mỏ tham gia vào các hoạt động của các chi bộ công sản ở từng hầm mỏ tại Khu mỏ Hòn Gai (Quảng Ninh); đến họp với Chi bộ công nhân Nhà máy Sợi (Nam Định)... Thực tiễn của những ngày tháng hòa mình vào điều kiện sống và lao động khắc nghiệt của người công nhân, trở thành một trong những căn cứ quan trọng để về sau đồng chí Trần Phú dự thảo Luận cương chính trị của Đảng.

Tháng 11/1930, Trần Phú vào Sài Gòn. Đây là thời kỳ phong trào đấu tranh của

nhân dân Nam Bộ diễn ra rất mạnh. Đồng chí dành thời gian đi xuống các xưởng máy, xóm thợ, hẻm phố, nghiên cứu rút kinh nghiệm các phong trào đấu tranh, nhất là những cuộc biểu tình và bãi công của giai cấp công nhân ở hãng dầu Nhà Bè, hãng dầu Socony của Mỹ, hãng dầu của Anh, hãng dầu Pháp Á, hãng dầu Phú Mỹ,... Trên cơ sở kết hợp chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn, đồng chí đã xây dựng Ấn nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ hai.

2. Lãnh đạo phong trào công nhân; tổng kết thực tiễn, hình thành, phát triển đường lối lãnh đạo giai cấp công nhân Việt Nam thực hiện sứ mệnh lịch sử

Năm 1922, khi “sang nước Lào để tiến hành vận động công nhân ở mỏ Pác Hin Pun”¹ đồng chí Trần Phú đã có một tình cảm đặc biệt và niềm tin cách mạng đối với giai cấp công nhân. Thời kỳ dạy học ở Trường Cao Xuân Dục, Trần Phú có thể chưa thể hiểu được vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là gì. Nhưng bằng tình cảm thương yêu và lòng nhiệt huyết dành cho người công nhân, phong trào công nhân, Trần Phú càng có thêm niềm tin mãnh liệt vào tinh thần cách mạng của họ. Đồng chí trở thành chỗ dựa tinh thần của những công nhân lao động. Đồng chí dạy họ biết viết, biết đọc, biết tính toán; thức tỉnh lòng yêu nước, tình cảm cộng đồng, tinh thần giai cấp ý chí kiên cường, lòng căm thù bọn xâm lược; chỉ dẫn họ cách thức, phương pháp đấu tranh phù hợp... Những người công nhân sớm nhận ra cuộc đời lầm than, đau khổ, ngọt nhạt; nhận ra sự áp bức bất công, tàn bạo của bọn thực dân, phong kiến, họ đã bắt đầu biết đứng lên một cách có tổ chức, họ tiến hành biểu tình, bãi công để đòi quyền lợi, họ hướng đến sự giải phóng - giải phóng cho chính mình và giải phóng cho đồng

bào của mình... Đây là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ và đi dần vào chiều sâu của phong trào công nhân trong các nhà máy ở Vinh - Bến Thủy. Đặc biệt, trong phong trào bắt đầu đã xuất hiện sự liên kết của công nhân, nông dân và thợ thuyền; sự tham gia của tiểu thương, giáo viên, học sinh...

Trong 5 năm (1922 - 1926) bèn bị, tận tụy hoạt động không biết mệt mỏi trên đất Vinh (Nghệ An), Trần Phú đã đào tạo, gieo mầm và vun đắp cho Vinh một đội ngũ đông đảo các thành phần yêu nước, mà tiên phong là những người công nhân. Đó là sự chuẩn bị lực lượng cho một cuộc cách mạng khi có Đảng lãnh đạo, “là đêm trước của Cao trào Xôviết Nghệ Tĩnh 1930-1931”.

Tân Việt là một tổ chức yêu nước, nhưng điều đồng chí Trần Phú trăn trở là hoạt động của Tân Việt thiếu một lập trường giai cấp rõ rệt, thiếu một đường lối và phương pháp cách mạng tiên tiến. Vì vậy, khi được tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin trên đất Quảng Châu, Trần Phú đã say mê nghiên cứu những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Đồng chí đặc biệt quan tâm đến Công hội - hình thức tổ chức, tập hợp, đoàn kết của giai cấp công nhân. Đồng chí nhận thấy, chỉ thông qua Công hội dưới sự lãnh đạo của một chính đảng theo chủ nghĩa Mác - Lênin mới có thể tập hợp, đoàn kết được sức mạnh của giai cấp công nhân đấu tranh chống lại áp bức, bóc lột của bọn thực dân, tư sản để giải phóng mình, đồng thời giải phóng cho dân tộc, hoàn thành sứ mệnh lịch sử của giai cấp.

Được lý luận tiên phong soi đường, dẫn lối, Trần Phú trở về nước, nhanh chóng đi vào phong trào cách mạng thực hiện “vô sản hóa”; tổ chức, vận động, dẫn dắt

phong trào công nhân từng bước thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình... Những chuyển biến mạnh mẽ theo chiều hướng tích cực của các phong trào cách mạng ở Việt Nam vào nửa cuối thập kỷ 20 của thế kỷ XX, đặc biệt sự phát triển từ “tự phát” sang giai đoạn “tự giác” của phong trào công nhân, đã chứng minh cho sự đúng đắn và khoa học về chủ trương “vô sản hóa” của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên, trong đó có vai trò rất lớn của đồng chí Trần Phú.

Thực hiện chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương, đồng chí Trần Phú đi khảo sát, nghiên cứu thực tiễn ở Hải Phòng, vùng mỏ Hòn Gai, Nam Định, Thái Bình. Trong một thời gian ngắn, với tự duy và tác phong sâu sát, nhanh nhạy, đồng chí đã nhanh chóng nắm bắt, nhận rõ những điểm mạnh, yếu của phong trào, nhất là những thiếu sót của các Tỉnh ủy trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Với tư cách là người được Ban Chấp hành Trung ương cử đến, đồng chí Trần Phú đã có những ý kiến cụ thể, trao đổi kinh nghiệm, chấn chỉnh hoạt động lãnh đạo và phong trào cách mạng. Tại Hải Phòng, đồng chí nhận thấy “Phong trào công nhân phát triển rộng”, nhưng, Tỉnh ủy Hải Phòng “còn biểu hiện chủ quan, bộc lộ lực lượng”... Đồng chí nhấn mạnh: “Hải Phòng là một thành phố tập trung thợ thuyền, làm việc trong các yết hầu kinh tế của tư bản, vì vậy Đảng bộ Hải Phòng phải đặc biệt chú trọng đến phong trào công nhân và không coi nhẹ phong trào đấu tranh của các giới khác. Trong công tác công vận, cần có quan niệm đúng, phải nắm thợ “áo xanh”, trong khẩu hiệu đấu tranh, phải biết hướng dẫn, tổ chức kết hợp giữa đấu tranh kinh tế với đấu tranh chính trị, phải có những khẩu hiệu bắc cầu để từng bước tập hợp quần chúng; chú ý đến thành lập các đội tự vệ trong công nhân”²... Tại Nam Định, nơi tập trung bộ máy đàn áp, khủng bố của kẻ thù, Trần Phú đã có những

định hướng, chỉ đạo để Tỉnh ủy kịp thời điều chỉnh những thiếu sót, khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng, nhất là công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên; công tác vận động công nhân, nông dân; phong trào đấu tranh vùng nông thôn... Tiếp thu ý kiến chỉ đạo của đồng chí Trần Phú, Tỉnh ủy các địa phương đã có sự chấn chỉnh về hoạt động và tổ chức, do đó phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân và nhân dân lao động được nâng lên về chất, trở nên mạnh mẽ, sôi nổi. Ngọn lửa cách mạng từ phong trào công nhân bùng cháy, liên tiếp diễn ra, lôi cuốn nông dân, dân nghèo thành thị, tiểu thương và binh lính tham gia.

Ở các địa phương tuy không lâu, nhưng đó là quãng thời gian giúp Trần Phú có dịp áp dụng, kiểm nghiệm những lý luận mà mình đã được học, được nghiên cứu từ thời kỳ ở Quảng Châu, những năm tháng ở Đại học Phương Đông. Từ đó Trần Phú có cái nhìn tổng thể về giai cấp công nhân Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX; hiểu rõ hơn về sợi dây liên hệ thực tế giữa giai cấp công nhân với nông dân trong đời sống xã hội Việt Nam; củng cố thêm niềm tin về sứ mệnh, vai trò lịch sử của giai cấp công nhân đối với sự nghiệp cách mạng... Với tầm nhìn và nhãn quan chính trị sắc bén, Trần Phú đã tổng kết thực tiễn thành lý luận, dự thảo Luận cương chính trị của Đảng.

Trên cơ sở những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin về sứ mệnh lịch sử toàn thể giới của giai cấp công nhân và cách mạng giải phóng dân tộc; kinh nghiệm phong trào cộng sản quốc tế, Dự thảo Luận cương chính trị được Hội nghị Trung ương lần thứ nhất tháng 10/1930 thông qua.

Luận cương đã phân tích sâu sắc phong trào công nhân và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới; phân tích đời sống công nhân và phong trào công nhân Việt

Nam; khẳng định tính chất cách mạng ở Đông Dương là cách mạng tư sản dân quyền tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong cách mạng ấy, công nhân và nông dân là hai động lực chính, nhưng giai cấp công nhân phải nắm quyền lãnh đạo, cách mạng mới thành công. Đảng Cộng sản là đội tiên phong của giai cấp công nhân, mang bản chất của giai cấp công nhân, đại diện cho quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, có vai trò sứ mệnh là người lãnh đạo cách mạng Việt Nam, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ, đánh đổ chế độ phong kiến, thực dân; giành độc lập tự do cho dân tộc; đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Do đó, Đảng phải có đường lối đúng đắn, sách lược mềm dẻo, khôn khéo để tập hợp mọi lực lượng và xây dựng các tổ chức đoàn thể, “phải huấn luyện cho đảng viên và thợ thuyền theo đại cương của chủ nghĩa Mác - Lênin”³. Đảng kiên quyết không thỏa hiệp và không chia sẻ quyền lãnh đạo cho bất cứ ai.

Nhận thức rõ ý nghĩa của phong trào công nhân và việc xây dựng tổ chức Công hội, dưới sự chủ trì của đồng chí Trần Phú, Hội nghị đã ra Nghị quyết về vận động công nhân và Điều lệ Công hội. Phân tích tình hình công nhân Đông Dương và sự phát triển của đấu tranh giai cấp, Nghị quyết đã chỉ ra những sai lầm, khuyết điểm và nguyên nhân chính trong công tác vận động công nhân, vai trò của công hội; nhấn mạnh phải làm cho ảnh hưởng của Đảng và Công hội “lan rộng vào trong quần chúng. Làm cho quần chúng hiểu chính sách của Đảng là đúng. Làm cho họ nhận ra rằng: Chỉ có Đ.C.S mới bình vực và lãnh đạo họ được”⁴. Nghị quyết quán triệt những yêu cầu về chính trị, về kinh tế, “về sự đối đãi” trong đấu tranh của giai cấp công nhân...

Có thể khẳng định rằng, cùng với Cương lĩnh chính trị, Nghị quyết về vận

động công nhân và Điều lệ Công hội là những văn kiện chính trị có ý nghĩa hết sức to lớn trong tập hợp sức mạnh của giai cấp công nhân và sự phát triển của phong trào công nhân lúc bấy giờ và là cơ sở quan trọng để sau khi về Sài Gòn, ngày 20/01/1931, Tổng Bí thư Trần Phú trực tiếp làm Trưởng ban chủ trì Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng, với sự tham gia của đại biểu Tổng Công hội Bắc Kỳ, Nam Kỳ và Trung Kỳ để bàn về công tác vận động và củng cố tổ chức công hội các cấp theo tinh thần Án Nghị quyết vận động của Hội nghị Trung ương lần thứ nhất và Án nghị quyết của Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng hội Đỏ về nhiệm vụ công hội vận động ở Đông Dương.

Khoảng thời gian từ tháng 10/1930 đến tháng 3/1931, trên cương vị là Tổng Bí thư của Đảng, đồng chí Trần Phú đã dự thảo hoặc đã chỉ đạo dự thảo nhiều văn kiện, như: Thông cáo cho các xứ ủy; Lời kêu gọi nhân dịp kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười ở Liên Xô; Thư của Trung ương gửi cho các cấp đảng bộ; Thông cáo cho các xứ ủy; Hối anh chị em công nhân, nông dân và binh lính! Hối tất cả những người bị áp bức và những nạn nhân của sự tước đoạt; Hối anh chị em thợ thuyền, dân cày, binh lính, thanh niên, học sinh! Hối tất cả những người bị áp bức, đè nén cả xứ Đông Dương; Hối anh chị em thợ thuyền Vinh - Bến Thủy; Hối công nhân, nông dân, binh lính và những người vô sản ở Đông Dương;... Nhằm kêu gọi, vận động giai cấp công nhân; lãnh đạo, chỉ đạo phong trào công nhân phát huy vai trò giai cấp tiên phong, tiến hành liên minh, đoàn kết cùng với các giai tầng, các tổ chức khác như Nông hội, Phụ nữ hội, Thanh niên hội, Sinh hội, Cứu tế hội,... phát huy sức mạnh toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương vượt qua mọi khó khăn, gian khổ vì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Án nghị quyết của Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ hai (Hội nghị diễn ra từ ngày 13/3 đến 01/4/1931 tại Sài Gòn) là một trong những văn kiện sau cùng của Ban Chấp hành Trung ương mà đồng chí Trần Phú với cương vị là Tổng Bí thư của Đảng chủ trì xây dựng. Nghị quyết là kết tinh của những năm tháng hoạt động thực tiễn sôi nổi của đồng chí Trần Phú trong phong trào cộng sản công nhân quốc tế và phong trào đấu tranh cách mạng Việt Nam; là sản phẩm của cả quá trình nghiên cứu, học tập, thẩm nhuần, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, nhất là những nguyên lý về sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân vào Việt Nam.

Trong Nghị quyết, Tổng Bí thư Trần Phú đã nghiêm khắc phê phán những biểu hiện sai lầm của xu hướng “tả” khuynh của cao trào cách mạng 1930 - 1931 và phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh. Đồng chí lưu ý đến công tác xây dựng Đảng về mọi mặt, nhất là tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Để hoàn thành sứ mệnh lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với dân tộc, đồng chí khẳng định: “Tổ chức công nhân là một việc rất quan trọng của Đảng”, “không làm cho tổ chức công nhân phát triển mau thì không thể nào làm cho vô sản giai cấp lãnh đạo cách mạng được”⁵. Do đó, phải “chỉnh đốn sức chỉ huy và phát triển người công nhân chỉ huy của Đảng”⁶; phải đa dạng hình thức tổ chức của công nhân, nhưng đặc biệt phải chú trọng “Tập trung Công hội” bởi đó là “hình thức tổ chức chính của vô sản giai cấp, là đoàn thể tranh đấu của quần chúng công nhân”, làm sao để “hễ là công nhân là phải vào Công hội”⁷...

Sau Hội nghị Trung ương lần thứ hai, Nghị quyết Hội nghị nhanh chóng được triển khai vào phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và phong trào cách mạng của cả nước. Đặc biệt ở Nam Bộ và Sài Gòn, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tổng

Bí thư Trần Phú, phong trào cách mạng dâng lên mạnh mẽ dần tới cao trào. Lo lắng trước khí thế của phong trào cách mạng và uy tín của Đảng Cộng sản ngày càng được khẳng định, thực dân Pháp và tay sai ráo riết truy lùng người Tổng Bí thư tài năng, trẻ tuổi. Ngày 18/4/1931, do có sự khai báo chỉ điểm, đồng chí Trần Phú bị địch bắt. Vượt qua mọi âm mưu thâm độc, nham hiểm và sự tra tấn dã man của kẻ thù, đồng chí Trần Phú vĩnh biệt tuổi thanh xuân vào ngày 06/9/1931 tại Sài Gòn, với lời căn dặn cuối cùng cho đời sau: *“Hãy giữ vững chí khí chiến đấu”*.

Có thể thấy rằng, kể từ khi rời Trường Quốc học Huế làm người thầy giáo và tham gia hoạt động cách mạng, cho đến lúc trở thành Tổng Bí thư của Đảng và anh dũng hy sinh, đồng chí Trần Phú đã hiến dâng trọn cuộc đời mình vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Cuộc đời đồng chí là tấm gương sáng về sự tận trung với nước, tận hiếu với dân. Gắn bó mật thiết với Nhân dân, hòa mình vào Nhân dân, đồng chí Trần Phú thấu hiểu sự thống khổ của người công nhân dưới ách thống trị của thực dân; đồng thời qua đó, đồng chí hiểu hơn về khí chất, bản lĩnh cách mạng của giai cấp công nhân và phong trào công nhân. Đặc biệt từ khi được chủ nghĩa Mác - Lênin soi đường, niềm tin của Trần Phú về vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân ngày càng được củng cố vững chắc.

Những văn kiện quan trọng của Đảng do đồng chí Tổng Bí thư Trần Phú trực tiếp soạn thảo, hoặc chỉ đạo soạn thảo, ban hành; những cống hiến xuất sắc của đồng chí trong dẫn dắt, lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, phát huy, phát triển giai cấp công nhân và phong trào công nhân đã được thực tiễn đầy biến động của cách mạng Việt Nam kiểm nghiệm, chứng minh là đúng đắn, sáng tạo. Những cống hiến đó không

chỉ có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển của phong trào cách mạng, phong trào công nhân ở những năm hai mươi, ba mươi của thế kỷ XX, góp phần đưa Cách mạng tháng Tám thành công, xây dựng nên Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á, mà còn động viên công nhân tham gia vào hai cuộc kháng chiến thần thánh, đánh thắng thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, viết lên trang sử hào hùng cho dân tộc Việt Nam.

Ngày nay, trong sự nghiệp đổi mới, giai cấp công nhân đang tiếp tục phát huy vị trí, vai trò là nhân tố quan trọng trong thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và khát vọng dân tộc phồn vinh, hạnh phúc. Yêu cầu đặt ra là cần tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam ngày càng hiện đại, lớn mạnh hơn. Điều đó đòi hỏi sự cần thiết trong việc nghiên cứu, vận dụng phong cách, nội dung, kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo giai cấp công nhân, phong trào công nhân của đồng chí Trần Phú nhằm đề ra chủ trương, chính sách đúng đắn và tổ chức, triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, tạo động lực cho giai cấp công nhân, tổ chức Công đoàn phát triển và phát huy vai trò lịch sử trong giai đoạn mới./.

Chú thích

1. Trần Phú, *Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng Một tấm gương bất diệt*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, tr. 99
2. Trần Phú, *Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng Một tấm gương bất diệt*, Sđd, tr. 182
3. *Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2002, t.3, tr. 124
4. *Đảng Cộng sản Việt Nam: sđd, t.2, tr. 142*
- 5,6,7. *Đảng Cộng sản Việt Nam: sđd, t.3. tr. 113, tr.97, tr.114*

“HÃY GIỮ VỮNG CHÍ KHÍ CHIẾN ĐẤU” - LỜI HIỆU TRIỆU VÀ CHÍ KHÍ CÁCH MẠNG CỦA ĐỒNG CHÍ TRẦN PHÚ



TS. NGUYỄN QUANG NGỌC

Phó Hiệu trưởng

Tóm tắt: Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của đồng chí Trần Phú là biểu hiện sinh động của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam. Lời hiệu triệu “Hãy giữ vững chí khí chiến đấu” của đồng chí thể hiện khí phách kiên cường, bất khuất và bản lĩnh chính trị vững vàng của người cộng sản; lòng trung thành, niềm tin tuyệt đối với Đảng và con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa. Lời hiệu triệu của đồng chí Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng có sức lan tỏa mạnh mẽ, tạo thành nguồn sức mạnh to lớn để toàn Đảng, toàn dân ta vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đưa sự nghiệp cách mạng của dân tộc giành được những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại, đưa đất nước ta có được tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay.

Đồng chí Trần Phú - Người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người cộng sản kiên trung, Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng và là nhà lãnh đạo xuất sắc. Với cương vị là Tổng Bí thư, đồng chí đã có những đóng góp quan trọng vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí đã để lại những di sản quý báu, những bài học có ý nghĩa sâu sắc đối với công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đặc biệt, đường lối, mục tiêu, nhiệm vụ và chiến lược, sách lược cách mạng được xác định trong *Luân cương chính trị* do đồng chí Trần Phú khởi thảo, về cơ bản là thống nhất với quan điểm, đường lối của Đảng được nêu trong Chính cương, Sách lược vắn tắt trước đó. Điều đó cũng thể hiện tính nhất quán và xuyên suốt trong nhận thức của Đảng ta về đường lối, mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng và trở thành

nhân tố quan trọng, đảm bảo cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Truyền thống văn hóa và lịch sử của quê hương Hà Tĩnh địa linh nhân kiệt đã có ảnh hưởng rất lớn đến việc hình thành tư tưởng yêu nước, giác ngộ cách mạng, để từ một thanh niên trí thức yêu nước, đồng chí Trần Phú đến với cách mạng và trọn đời phấn đấu hy sinh vì độc lập, tự do, hạnh phúc của dân tộc và Nhân dân. Sớm lựa chọn con đường hiến thân cho sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, được Nguyễn Ái Quốc giác ngộ, được chủ nghĩa Mác - Lênin soi đường, lòng yêu nước trong con người Trần Phú đã nhanh chóng chuyển từ yêu nước truyền thống sang yêu nước cách mạng - Yêu nước trên quan điểm, lập trường của giai cấp công nhân. Đến với lý tưởng cộng sản, đồng chí Trần Phú hiểu sâu sắc rằng con đường duy nhất để cách mạng Việt Nam giành được thắng lợi hoàn toàn là con đường theo lý tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin; sự nghiệp đấu

tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp phải được đặt trong quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội; độc lập cho dân tộc phải gắn với xóa bỏ tận gốc mọi áp bức bóc lột, đưa lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân.

Ngày 18/4/1931, đồng chí Trần Phú bị thực dân Pháp bắt tại Sài Gòn. Mặc dù kẻ thù dụ dỗ, mua chuộc và dùng đủ mọi cực hình tra tấn, nhưng với khí tiết của người cộng sản, đồng chí đã không hề khuất phục, một lòng một dạ bảo vệ Đảng, bảo vệ cơ sở cách mạng, đồng thời tranh thủ mọi cơ hội để liên hệ, dẫn dắt mọi người phải giữ gìn bí mật của Đảng, không ngừng học tập, rèn luyện để tiếp tục cống hiến cho cách mạng. Trước khi hy sinh, đồng chí đã dặn lại đồng chí, đồng bào: Hãy giữ vững chí khí chiến đấu!

Lời căn dặn cũng là hiệu triệu “Hãy giữ vững chí khí chiến đấu” của Tổng Bí thư Trần Phú là biểu hiện của chủ nghĩa anh hùng cách mạng; là sự thể hiện lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, với cách mạng; là khí phách kiên cường, bất khuất trước kẻ thù; là bản lĩnh chính trị vững vàng trước những khó khăn, thử thách và là niềm tin tuyệt đối vào lý tưởng và con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa. Lời hiệu triệu ấy nhắc nhở các thế hệ cán bộ, đảng viên, dù trong bất cứ điều kiện, hoàn cảnh nào cũng phải luôn đặt lợi ích của Đảng, của Nhân dân lên trên hết, trước hết, kiên cường khắc phục mọi khó khăn, phấn đấu cống hiến thật nhiều cho cách mạng. “Phẩm chất cộng sản kiên trung và khí tiết凛烈 của Trần Phú là tấm gương cổ vũ các thế hệ người Việt Nam trong cuộc chiến đấu cho độc lập, tự do của dân tộc, ấm no hạnh phúc của nhân dân ta”⁽¹⁾.

Trong gần 95 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta đã trải qua nhiều chặng đường đấu tranh oanh liệt và giành được những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại. Trong những thời điểm lịch sử đặt ra thử thách

“ngặt nghèo”, thậm chí có lúc vận mệnh dân tộc như “ngàn cân treo sợi tóc”, thực hiện lời hiệu triệu của vị Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng, “chí khí chiến đấu” của lớp lớp những người cộng sản đã tạo thành sức mạnh tinh thần to lớn, ý chí quyết chiến, quyết thắng và bản lĩnh chính trị vững vàng để Đảng ta hoàn thành sứ mệnh lịch sử đối với giai cấp và dân tộc.

Ngay sau khi ra đời, Đảng đã tổ chức và lãnh đạo phong trào quần chúng phát triển lớn mạnh, “khẳng định trong thực tế quyền lãnh đạo và năng lực lãnh đạo cách mạng của giai cấp vô sản mà đại biểu là Đảng ta”⁽²⁾. Trước sự phát triển của phong trào, thực dân Pháp đã thi hành chính sách khủng bố hết sức dã man. Nhiều đồng chí lãnh đạo và hàng ngàn chiến sỹ cộng sản bị bắt; cơ sở Đảng ở Trung ương và địa phương lần lượt bị phá vỡ. Tâm lý bi quan, dao động xuất hiện trong quần chúng nhân dân và một bộ phận trong hàng ngũ những người cách mạng. Tuy nhiên, chính sách khủng bố dã man của kẻ thù chẳng những không thể lung lay tinh thần dũng cảm của các chiến sỹ cách mạng, mà trái lại nó đã trở thành một thứ lửa thử vàng, tôi luyện ý chí cách mạng của người cộng sản. Với bản lĩnh và trí tuệ, Đảng luôn giữ vững “chí khí chiến đấu” và niềm tin tất thắng, giữ vững ý thức tổ chức kỷ luật và kịp thời trong công tác tư tưởng để lãnh đạo đưa cách mạng vượt qua khó khăn, thử thách. Tổng kết thời kỳ này, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Biến cái rủi thành cái may, các đồng chí của ta đã lợi dụng những ngày ở tù để hội họp và học tập lý luận. Một lần nữa việc đó lại chứng tỏ rằng chính sách khủng bố cực kỳ dã man của kẻ thù chẳng những không ngăn trở được những bước tiến của cách mạng, mà trái lại nó trở nên một thứ lửa thử vàng, nó rèn luyện cho người cách mạng thêm cứng rắn. Mà kết quả là cách mạng đã thắng, đế quốc đã thua”⁽³⁾.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là một trong những minh chứng cho bản

lĩnh, trí tuệ, nghệ thuật lãnh đạo cách mạng của Đảng. Trước những diễn biến rất nhanh của tình hình thế giới và trong nước, nếu không giữ vững “chí khí chiến đấu”, không có bản lĩnh chính trị vững vàng, chắc chắn sẽ rơi vào lúng túng, do dự. Thâm nhuần lời dạy của Lênin: “Lịch sử sẽ không tha thứ cho những người cách mạng có thể thắng lợi hôm nay (và chắc chắn sẽ thắng lợi hôm nay) mà lại để chậm trễ; vì để đến ngày mai, không khéo họ sẽ mất nhiều, không khéo họ sẽ mất tất cả”⁽⁴⁾, sau khi phân tích tình hình, Hội nghị toàn quốc của Đảng ngày 13/8/1945 đã nhận định: “cơ hội tốt cho ta giành độc lập đã tới” và quyết định phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền ngay sau khi phát xít Nhật đầu hàng và trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương. Trong những giờ phút quyết định của lịch sử, “chí khí chiến đấu” của một Đảng cách mạng được thể hiện ở bản lĩnh và ý chí sắt đá, ở quyết tâm “dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”⁽⁵⁾. Nhờ vậy, cách mạng đã giành được thắng lợi trong thời gian ngắn và ít tổn thất, đồng thời đã thay đổi vị thế đất nước khi đón tiếp quân Đồng minh - một trong những nhân tố quan trọng góp phần hạn chế và từng bước đập tan âm mưu, thủ đoạn của các lực lượng dưới danh nghĩa quân Đồng minh vào Việt Nam.

Mặt khác, sau Cách mạng Tháng Tám, nền độc lập non trẻ phải đương đầu với muôn vàn khó khăn, thử thách, nhất là những âm mưu, toan tính đen tối của thù trong, giặc ngoài. Bất chấp nguyện vọng hòa bình của nhân dân Việt Nam, chủ nghĩa đế quốc đã câu kết với nhau thực hiện dã tâm cướp nước ta một lần nữa. Vận mệnh dân tộc như “ngàn cân treo sợi tóc”. Một lần nữa “chí khí chiến đấu” của Đảng lại được thể hiện trước những thử thách “ngặt nghèo” của lịch sử. Trước thù trong, giặc ngoài, việc kiên trì chính sách đối ngoại cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo, linh hoạt

trong sách lược, xử lý khoa học mối quan hệ giữa chiến lược, sách lược và nghệ thuật lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù đã hạn chế tới mức thấp nhất và thủ tiêu sự phá hoại của các lực lượng phản động, giữ vững thành quả cách mạng trước cơn sóng gió. Để chiến đấu bảo vệ nền độc lập, tự do trước kẻ thù có tiềm lực kinh tế và quốc phòng mạnh hơn chúng ta gấp nhiều lần cùng với những âm mưu, thủ đoạn rất thâm độc và tàn bạo, lời hiệu triệu “Hãy giữ vững chí khí chiến đấu” của Tổng Bí thư Trần Phú đã được toàn Đảng, toàn dân cụ thể hoá trong quyết tâm “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”; “phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng để giữ gìn đất nước”⁽⁶⁾. Với bản lĩnh chính trị vững vàng và đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính, vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, Đảng đã động viên được sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc, vượt qua muôn vàn khó khăn, giành được những chiến công vĩ đại, góp phần làm sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân trên toàn thế giới, đưa cách mạng Việt Nam bước vào thời kỳ mới.

Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, đất nước tạm chia làm hai miền; mưu đồ thực dân của đế quốc Mỹ lại đặt dân tộc ta trước những khó khăn, thách thức mới. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng diễn ra trong một bối cảnh quốc tế và trong nước cực kỳ phức tạp. Ở trong nước, sau năm 1954, đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau và cách mạng Việt Nam phải đương đầu với kẻ thù có tiềm lực kinh tế, quân sự số một thế giới. Mặt khác, sự bất đồng trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế ngày càng sâu sắc dẫn đến sự phân liệt giữa các đảng cộng sản. Bối cảnh đó đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc hoạch định đường lối cho cách mạng Việt Nam. Đấu tranh bằng phương pháp nào để đưa cách

mạng miền Nam thoát ra khỏi cảnh “nước sôi lửa bỏng” nhưng không đi ngược lại xu thế giải quyết mâu thuẫn của thế giới, góp phần giải quyết những bất đồng và tranh thủ sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa? Việt Nam có đánh được Mỹ không, đánh Mỹ và thắng Mỹ bằng cách nào?... Đó là những câu hỏi rất khó mà thực tiễn đặt ra, đòi hỏi Đảng ta, dân tộc ta phải có câu trả lời. Trước một trong những khúc quanh phức tạp nhất của lịch sử, “chí khí chiến đấu” của những người cộng sản đã được thể hiện ở việc Đảng vận dụng sáng tạo lý luận cách mạng không ngừng của chủ nghĩa Mác - Lênin, xác định nội dung, mối quan hệ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong tình hình mới bằng đường lối tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng ở hai miền; ở tư tưởng độc lập, tự chủ, không phụ thuộc trong phương pháp tiến hành bạo lực cách mạng, mở đầu cuộc kháng chiến bằng hình thức đồng khởi - bước đi vừa phù hợp với năng lực cách mạng của nhân dân miền Nam, vừa phù hợp với xu thế chung và làm yên lòng bạn bè quốc tế; ở tinh thần “không có gì quý hơn độc lập, tự do”; ở tư tưởng chiến lược tiến công, kiên quyết tiến công, liên tục tiến công và quyết tâm “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”... Nhờ vậy, trải qua 21 năm chiến đấu ngoan cường, dưới sự lãnh đạo của Đảng, dân tộc ta đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Do lạc hậu về nhận thức lý luận và những sai lầm “tả khuynh” trong tổ chức thực hiện, nên sau hàng chục năm xây dựng chủ nghĩa xã hội theo tư duy cũ, giáo điều, đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân vô cùng khó khăn. Khó càng thêm khó khi nhiều nước xã hội chủ nghĩa cũng lâm vào khủng hoảng toàn diện

và nghiêm trọng; Việt Nam không còn sự ủng hộ truyền thống, lại chịu sự bao vây, cấm vận, chống phá của các thế lực thù địch. Thời điểm này, “trong Đảng và ngoài xã hội xuất hiện tư tưởng dao động, cơ hội về chính trị”; thậm chí có bộ phận không còn giữ vững “chí khí chiến đấu”, xét lại, trở cò, cùng nhiều luồng tư tưởng đối lập nhau về đổi mới hay không đổi mới, đổi mới bằng con đường nào... Trong hoàn cảnh cách mạng phải đối diện với những khó khăn, thách thức tưởng chừng không thể vượt qua đó, nếu thiếu bản lĩnh, trí tuệ, không giữ vững “chí khí chiến đấu”, thì chỉ một quyết định sai lầm cũng có thể đưa đến những nguy cơ đối với sự tồn vong của Đảng và vận mệnh của dân tộc. Một lần nữa “chí khí chiến đấu” của người cộng sản lại được thể hiện ở thái độ “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”, dứt khoát đổi mới vì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Hội nghị Trung ương 6 khoá VI khẳng định: “Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp”; đổi mới là “vận dụng sáng tạo và phát triển chứ không phải xa rời những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin”⁽⁷⁾. Có thể thấy rằng, đường lối đổi mới tại Đại hội VI và những nguyên tắc chỉ đạo đổi mới tại Hội nghị Trung ương 6 khoá VI thể hiện rõ sự kiên định, niềm tin khoa học, trí tuệ và bản lĩnh, trách nhiệm và nhân văn của Đảng ta, bảo đảm cho sự nghiệp đổi mới phát triển đúng hướng, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, xét lại, bảo vệ và phát triển lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin. Nhờ vậy, “qua 30 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa”⁽⁸⁾.

Có thể khẳng định rằng, bản lĩnh giữ vững “chí khí chiến đấu” của những người cộng sản còn được thể hiện ở thái độ dám thừa nhận và kiên quyết sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm. Tháng 12/1930, đồng chí Trần Phú đã cùng với Ban Thường vụ Trung ương quyết định xuất bản báo *Cờ vô sản* và báo *Cộng sản* nhằm “mục đích làm rõ chính sách và phê bình mọi sai trái, lầm lỗi và yếu kém” trong công tác của Đảng, đồng thời cũng để đăng “những bài luận, giải thích” để “các đồng chí có thể bày tỏ ý kiến”. Có thể thấy rằng, trong gần 95 năm lãnh đạo cách mạng, đã có lúc do ấu trĩ, “tả khuynh”, nóng vội, dẫn đến việc Đảng phạm sai lầm, khuyết điểm. Tuy nhiên, thực tiễn cũng chứng minh, Đảng không che giấu những sai lầm, khuyết điểm, không sợ phê bình, luôn dũng cảm tự phê bình và quyết tâm sửa chữa. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “Một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”⁽⁹⁾. Tháng 5/1931, Đảng đã có Chỉ thị phê bình những quan điểm sai lầm “tả” khuynh của Xứ uỷ Trung Kỳ trong chủ trương về vấn đề thanh Đảng; trong giai đoạn 1936 - 1939, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã viết tác phẩm “Tự chỉ trích” về khuyết điểm của Đảng trong nhận thức và vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, về thái độ của đảng viên trong đấu tranh tự phê bình và phê bình...; năm 1947, khi nhìn thấy những nguy cơ Đảng cầm quyền dễ phạm sai lầm, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc”; năm 1952, Đảng thực hiện cuộc chỉnh quân, chỉnh huấn ngay trong kháng chiến; năm 1956, Đảng đã nhận lỗi trước Nhân dân về sai lầm trong cải cách ruộng đất, chỉnh đốn tổ chức, rồi kiên quyết sửa sai, có cách sửa sai có hiệu quả; năm 1961,

tiếp tục thực hiện chỉnh huấn khi miền Bắc đang xây dựng chủ nghĩa xã hội; năm 1963, thực hiện cuộc vận động “3 xây, 3 chống”; năm 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết bài: “Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân”. Mở đầu thời kỳ đổi mới, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Đảng đã dũng cảm nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật về thực trạng đất nước và khuyết điểm trong lãnh đạo kinh tế, rồi kiên quyết, dũng cảm tiến hành công cuộc đổi mới. Tiếp đó, các Nghị quyết Trung ương 5 khoá VI về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng bảo đảm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng; Nghị quyết Trung ương 3 khoá VII về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng; Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII, về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay; Nghị quyết Trung ương 6 khoá X, về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI, về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay; Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021, Hội nghị Trung ương 4 khoá XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”... là minh chứng khẳng định, trong bất cứ hoàn cảnh nào, Đảng cũng luôn thực hiện lời hiệu triệu của Tổng Bí thư Trần Phú, luôn giữ vững “chí khí chiến đấu” và xem đó như một phẩm chất quan trọng để nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng.

“Chí khí chiến đấu” của người cộng sản được xem như là một nội dung quan trọng của đạo đức cách mạng, nó được hình thành từ lý tưởng, niềm tin khoa học, được thử thách qua thực tiễn đấu tranh cách mạng và phải tu dưỡng, rèn luyện bền bỉ suốt đời mới có được. Hiện nay, bối cảnh quốc tế và tình hình trong nước đang đặt Đảng ta đứng trước nhiều thử thách mới hết sức phức tạp. Không ít vấn đề lý luận chưa đủ sáng tỏ; thực tiễn Đổi mới làm xuất hiện nhiều mối quan hệ lớn cần giải quyết; trình độ nhận thức, trí tuệ của cán bộ, đảng viên có mặt còn hạn chế; Bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng (năm 1994) nêu lên vẫn tồn tại và có mặt diễn biến phức tạp. Một số tổ chức Đảng và cán bộ, đảng viên đã sa sút “chí khí chiến đấu”, biểu hiện ở tình trạng năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của không ít tổ chức đảng thấp, thậm chí có nơi mất sức chiến đấu; ở việc vi phạm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, chuyên quyền, độc đoán, dân chủ hình thức, tính chiến đấu trong tự phê bình và phê bình yếu; ở biểu hiện xa dân, xa rời mục tiêu, lý tưởng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân; ở xu hướng diễn biến phức tạp của “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ; ở sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống diễn ra trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, thậm chí không ít cán bộ, đảng viên có những biểu hiện dao động, mất phương hướng, hoài nghi về vai trò lãnh đạo của Đảng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam... Sự sa sút “chí khí chiến đấu” đã và đang tạo môi trường cho chủ nghĩa cá nhân lấn át “dĩ công vi thượng”, làm cho cái xấu có cơ hội phát triển và nguy hại hơn là làm giảm sút niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, làm lung lay cơ sở xã hội - chính trị của Đảng, tạo điều kiện cho các thế lực thù địch phá hoại sự nghiệp cách mạng. Và suy đến cùng, đó là những biểu hiện của sự sa sút, không

giữ vững “chí khí chiến đấu” của một bộ phận cán bộ, đảng viên trước tiền tài, địa vị, danh vọng, lợi ích cá nhân.

Trong bối cảnh đó, lời hiệu triệu và chí khí cách mạng của đồng chí Trần Phú là bài học quý báu, là tấm gương sáng ngời về chủ nghĩa anh hùng cách mạng để toàn Đảng, toàn dân cũng như mỗi cán bộ, đảng viên “tự soi, tự sửa”, tu dưỡng, rèn luyện ý chí, bản lĩnh chính trị, lý tưởng cách mạng; luôn giữ vững “chí khí chiến đấu” để trong bất cứ điều kiện, hoàn cảnh nào cũng đặt lợi ích của Đảng, của Nhân dân lên trên hết, trước hết, khắc phục mọi khó khăn, phấn đấu cống hiến cho phong trào, cho cách mạng, cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội./.

Chú thích:

1. Lời Điều của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam trong lễ truy điệu và di dõn hài cốt đồng chí Trần Phú. *“Trần Phú - Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng, một tấm gương bất diệt”*. Nxb Chính trị Quốc gia. H.2004. tr19.
2. Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb Sự thật, H, 1975, tr386.
3. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 12, tr. 402.
4. *V.I.Lênin Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, M,1976, T.34, tr 571.
5. Võ Nguyên Giáp, *Những chặng đường lịch sử*. NXB Chính trị quốc gia 1994, tr.196.
6. Hồ Chí Minh - *Toàn tập*, Tập 4, Nxb CTQG, H. 2011, tr. 534.
7. Nghị quyết số 06-NQ/HNTW ngày 29/3/1989, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) về kiểm điểm hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và phương hướng, nhiệm vụ ba năm tới.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
9. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, T.5, tr 301.

PHÁT HUY TINH THẦN, CHÍ KHÍ CÁCH MẠNG CỦA ĐỒNG CHÍ TRẦN PHÚ TRONG XÂY DỰNG CON NGƯỜI HÀ TĨNH



ThS. TRẦN THỊ QUỲNH NGÀ

Trường khoa Lý luận cơ sở

Tóm tắt: Đồng chí Trần Phú, Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người cộng sản kiên cường, mẫu mực, người con ưu tú của Đảng và dân tộc, đã suốt đời chiến đấu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Lời nhắn nhủ, cũng là lời hiệu triệu: “Hãy giữ vững chí khí chiến đấu” của đồng chí Trần Phú là biểu hiện của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, nhắc nhở các thế hệ cán bộ, đảng viên, dù trong bất cứ điều kiện, hoàn cảnh nào cũng phải luôn đặt lợi ích của Đảng, của Nhân dân lên trên hết, trước hết. Phát huy chí khí cách mạng của đồng chí Trần Phú, người Hà Tĩnh hôm nay đang ra sức gìn giữ và phát huy được những phẩm chất tốt đẹp về hiếu học, nhân nghĩa, thủy chung, cần cù, sáng tạo đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển quê hương trong tình hình mới.

Đồng chí Trần Phú lớn lên trong hoàn cảnh hết sức khó khăn. Năm 1908, khi Trần Phú 4 tuổi, thân sinh là Tri huyện Trần Văn Phổ đã quyên sinh do không chịu được sự đe dọa của bọn thực dân Pháp và Triều đình phong kiến nhà Nguyễn vì bất hợp tác với chúng để đàn áp nhân dân trong phong trào chống thuế ở Trung Kỳ. Hơn một năm sau mẹ ông cũng qua đời. Anh, chị em của Trần Phú phải dạt diu nhau và rồi mỗi người một ngả. Được người thân nuôi cho ăn, học ở Trường Tiểu học Đông Ba (Huế), do học giỏi, Trần Phú được cấp học bổng và sớm được tiếp xúc với phong trào yêu nước của một số thầy giáo và học sinh Trường Quốc Học Huế. Khi về dạy học ở Trường Cao Xuân Dục (Vinh), Trần Phú được sống

trong không khí đấu tranh sôi nổi của công nhân Trường Thi, Bến Thủy. Bước ngoặt trong cuộc đời cách mạng của đồng chí Trần Phú là việc được cử sang Quảng Châu (Trung Quốc) liên lạc với Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Tại đây, Trần Phú đã gặp Nguyễn Ái Quốc và được dự lớp huấn luyện chính trị do Người giảng dạy; được kết nạp vào Cộng sản Đoàn và được Người giới thiệu sang học tại Trường đại học Phương Đông ở Máxcơva. Tiếp đó, Trần Phú được Nguyễn Ái Quốc và Quốc tế Cộng sản cử về nước hoạt động, được bổ sung vào Ban Chấp hành Trung ương lâm thời, được giao trọng trách viết Dự thảo Luận cương chính trị và được thông qua tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương tháng 10/1930. Luận cương chính trị cùng

với Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo trước đó đã xác định rõ con đường phát triển của cách mạng Việt Nam là: đánh đổ chủ nghĩa đế quốc và phong kiến tay sai giành độc lập dân tộc, thực hiện người cày có ruộng và tiến lên xây dựng chủ nghĩa cộng sản. Với công lao và đóng góp to lớn đó, tháng 10/1930, đồng chí Trần Phú đã được Hội nghị Trung ương Đảng bầu là Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng.

Trên cương vị là Tổng Bí thư, đồng chí Trần Phú đã có những đóng góp quan trọng vào sự nghiệp cách mạng của Đảng, của nhân dân ta. Trần Phú là một trong những nhà lý luận cách mạng tiên phong, có đóng góp quan trọng vào việc xây dựng Đảng ta về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Trong điều kiện Đảng mới thành lập, trình độ lý luận của đảng viên còn hạn chế, Luận cương chính trị của Đảng là một nỗ lực trong việc tiếp thu, vận dụng đường lối cách mạng thuộc địa và nửa thuộc địa của Quốc tế Cộng sản vào tình hình Đông Dương; phân tích đặc điểm, tình hình xã hội thuộc địa nửa phong kiến và nêu lên những vấn đề cơ bản của cách mạng tư sản dân quyền ở Đông Dương do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Tổng Bí thư Trần Phú là một tấm gương sáng về lòng trung thành, tinh thần kiên cường, bất khuất trước kẻ thù. Gần 5 tháng bị bắt và bị giam cầm với muôn vàn thủ đoạn tra tấn, dụ dỗ của kẻ thù, nhưng Đồng chí vẫn giữ vững chí khí chiến đấu của người cộng sản. Trong quá trình bị địch bắt giam ở Sài Gòn (ngày 18/4/1931), thực dân Pháp đã không từ một thủ đoạn dã man, xảo quyệt nào hòng khuất phục người cộng sản kiên trung của Đảng, kể cả việc dụ dỗ, mua chuộc, nhưng chúng đều thất bại. Trong mọi hoàn cảnh, Trần Phú

luôn luôn bình tĩnh, sáng suốt truyền niềm tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng đến các đồng chí khác. Tổng Bí thư Trần Phú hy sinh ngày 06/9/1931 tại Nhà thương Chợ Quán (Sài Gòn). Trước lúc ra đi, Trần Phú nhắn gửi đồng chí, đồng bào lời hiệu triệu: *“Hãy giữ vững chí khí chiến đấu”*.

Lời hiệu triệu *“Hãy giữ vững chí khí chiến đấu”* của đồng chí Trần Phú nhắc nhở các thế hệ cán bộ, đảng viên, dù trong bất cứ điều kiện, hoàn cảnh nào cũng phải luôn đặt lợi ích của Đảng, của Nhân dân lên trên hết, trước hết. Phát huy chí khí cách mạng của đồng chí Trần Phú, người Hà Tĩnh hôm nay đang ra sức gìn giữ và phát huy được những phẩm chất tốt đẹp về hiếu học, nhân nghĩa, thủy chung, cần cù, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển quê hương trong tình hình mới.

Con người Hà Tĩnh vốn chân chất, hiền lành, cần cù, thông minh, sáng tạo và biết cố kết thành cộng đồng để xây dựng quê hương. Mỗi khi có giặc xâm lược thì tinh thần đó lại mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Với chí khí kiên cường, bất khuất; bền gan, vững chí, họ không quản ngại hy sinh để đánh đuổi kẻ thù, bảo vệ quê hương, đất nước. Trong cách mạng giải phóng dân tộc và nhất là trong 30 năm chiến tranh cách mạng, thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược nước ta bằng sức mạnh vũ khí vượt trội hoàn toàn với những kẻ thù khác trong lịch sử, tuy nhiên dân tộc Việt Nam, trong đó có Nhân dân Hà Tĩnh, quyết không khuất phục. Trên mảnh đất kiên trung này, ngọn lửa đấu tranh vẫn bền bỉ, mãnh liệt, không bao giờ tắt. *“Lửa thử vàng, gian nan thử sức”*, kẻ thù không thể nào đè bẹp được ý chí kiên cường, bất khuất của những người cách mạng. Trên mảnh đất kiên trung ấy, con người Hà Tĩnh lớp trước ngã, lớp sau đứng lên; phần lớn cán bộ, đảng viên trung

thành với lý tưởng cộng sản, nêu cao dũng khí cách mạng xả thân chiến đấu đến hơi thở cuối cùng. Người bị địch bắt thì phần lớn giữ trọn lòng trung thành với Đảng, với cách mạng, không chịu đầu hàng, khai báo. Họ đã biến nhà tù thành trường học, thành nơi tôi luyện tinh thần cách mạng, thậm chí còn tổ chức chi bộ Đảng trong nhà lao để lãnh đạo các hoạt động đấu tranh; khi có thời cơ lại vượt ngục trở về hoạt động cách mạng. Nhiều người khi đưa ra xử bắn vẫn nêu cao khí tiết hiên ngang, bất khuất. Người không bị bắt thì ở lại địa phương, hoặc tìm cách ra nước ngoài rồi lại quay về nhen nhóm tổ chức, gây dựng phong trào. Có người bị địch bắt nhiều lần vẫn không sờn lòng, nản chí, vừa ra khỏi tù lại dấn thân vào hoạt động cách mạng...

Phát huy truyền thống của cha ông, trong công cuộc xây dựng và phát triển quê hương, đặc biệt là kể từ ngày tái lập tỉnh, Hà Tĩnh đã có những đổi thay toàn diện và sâu sắc trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hoá xã hội, quốc phòng an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Hà Tĩnh luôn xác định xây dựng, phát triển toàn diện văn hóa và con người thấm nhuần tinh thần dân tộc, giàu bản sắc quê hương, tiếp thu chọn lọc các giá trị văn hóa tiên tiến; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân, thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng miền, địa bàn dân cư; chăm lo xây dựng môi trường văn hóa trong gia đình, dòng họ, khu dân cư, cơ quan, đơn vị, trường học, doanh nghiệp. bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; phát triển các sản phẩm văn hóa, du lịch đặc trưng, giàu bản sắc; phát triển đa dạng các loại hình văn học, nghệ thuật; tập trung đầu tư nguồn lực để văn hóa phát triển toàn diện, trở thành sức mạnh nội sinh, động lực đưa Hà Tĩnh phát triển nhanh, bền

vững, sớm trở thành tỉnh khá của cả nước. Ngày 22/12/2023, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TU về xây dựng, phát triển văn hóa và con người Hà Tĩnh trong giai đoạn mới. Đây là sự tiếp nối, tiếp tục phát huy tinh thần, chí khí đồng chí Trần Phú trong xây dựng con người Hà Tĩnh, tạo động lực mới trên hành trình phát triển quê hương.

Một trong những nhiệm vụ cụ thể mà Nghị quyết số 18-NQ/TU đặt lên hàng đầu, xem đó là hạt nhân của sự phát triển nhằm phát huy nguồn lực con người, nhất là những tố chất đặc biệt của người Hà Tĩnh đồng thời hoàn thiện các phẩm chất tốt đẹp để đáp ứng yêu cầu hội nhập đó là: “Xây dựng con người Hà Tĩnh phát triển toàn diện, hội đủ những đức tính tốt đẹp của con người Việt Nam và giá trị riêng có của con người Hà Tĩnh: Yêu quê hương, đất nước; đoàn kết, nghĩa tình, cần cù, hiếu học; năng động, sáng tạo; kỷ luật, trọng danh dự, thượng tôn pháp luật; ứng xử thân thiện với môi trường tự nhiên; tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên, đáp ứng yêu cầu hội nhập, phát triển. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, hiểu biết, tự hào về lịch sử, văn hóa quê hương, dân tộc”. Nghị quyết số 18-NQ/TU nhấn mạnh: Xây dựng, phát triển toàn diện con người Hà Tĩnh, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong gia đình, nhà trường và xã hội, tạo môi trường hình thành, phát triển toàn diện nhân cách con người Hà Tĩnh; gìn giữ, phát huy các giá trị truyền thống, thuần phong mỹ tục của gia đình, dòng họ, địa phương; nêu cao tinh thần đoàn kết, trọng tình nghĩa, đạo lý trong đời sống xã hội; bồi đắp cho mỗi người dân, nhất là thế hệ trẻ những giá trị của văn hóa truyền thống về văn hóa

ứng xử, lối sống nhân văn, trọng danh dự, trách nhiệm với xã hội; đề cao dân chủ gắn với thượng tôn pháp luật; chú trọng xây dựng văn hóa trong Đảng, trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội, góp phần xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; xây dựng môi trường văn hóa công sở lành mạnh, liêm chính; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị có phẩm chất đạo đức cách mạng, tận tụy với công việc, tuân thủ kỷ luật, kỷ cương. Thực hiện nghiêm các quy định về nêu gương, “tự soi, tự sửa”, tự giác thực hiện văn hóa từ chức, chuyển vị trí công tác nếu năng lực, uy tín không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Đây mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Chủ động phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh, xử lý nghiêm các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; những hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Xây dựng văn hóa trong kinh tế, trọng tâm là xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân. Động viên các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, xây dựng thương hiệu sản phẩm, chấp hành pháp luật, trọng chữ tín, giữ gìn, bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Xây dựng đội ngũ doanh nhân trở thành lực lượng nòng cốt thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững. Phát huy truyền thống hiếu học, đẩy mạnh phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập nhằm đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, nâng cao dân trí, tầm vóc, tuổi thọ, tâm hồn của con người Hà Tĩnh. Tập trung cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống, tạo việc làm ổn định, bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội cho

Nhân dân. Coi trọng việc tiếp thu tinh hoa văn hóa, khoa học, giáo dục của nhân loại để xây dựng, phát triển văn hóa, con người Hà Tĩnh tiến kịp, tiến cùng thời đại. Nghiên cứu, chọn lựa đưa vào chương trình giảng dạy ngoại khóa trong các cấp học một số bộ môn thể thao phù hợp, dân ca Ví, Giặm, các trò chơi dân gian... để rèn luyện thể chất, kỹ năng, trí tuệ, giáo dục lòng yêu quê hương, đất nước, nâng cao ý thức gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh, sinh viên.

Phát huy chí khí cách mạng của đồng chí Trần Phú, người Hà Tĩnh hôm nay không chỉ gìn giữ mà còn phát huy được những phẩm chất tốt đẹp về hiếu học, nhân nghĩa, thủy chung, cần cù, sáng tạo. Những dòng họ, gia đình, làng quê nhiều đời hiếu học không chỉ đóng góp to lớn cho “nguyên khí quốc gia” mà còn hình thành nên tố chất con người Hà Tĩnh, kiến tạo nên bản sắc văn hóa để trao truyền lại cho đời sau. Thời đại công nghệ 4.0, sự học ở Hà Tĩnh càng có điều kiện phát triển mạnh mẽ. Trên bảng xếp hạng thành tích giáo dục của cả nước, Hà Tĩnh vẫn luôn nằm trong tốp đầu về tỷ lệ học sinh giỏi quốc gia, quốc tế, học sinh đạt điểm cao trong kỳ thi vào đại học. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX nhấn mạnh: Nhất quán thực hiện quan điểm phát triển bền vững; lấy con người làm trung tâm, khoa học - công nghệ là nền tảng, động lực; khơi dậy khát vọng, ý chí, đổi mới sáng tạo, phát huy giá trị bản sắc văn hóa, con người Hà Tĩnh. Đó chính là kim chỉ nam cho mọi hành động, để cấp ủy, chính quyền và người dân nỗ lực hơn nữa trong phát huy vị trí, sức mạnh của văn hóa, con người Hà Tĩnh trong thời đại mới./.

TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN THEO TÂM GƯƠNG CỦA ĐỒNG CHÍ TRẦN PHÚ - TỔNG BÍ THƯ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG



ThS. NGUYỄN THẮNG MỸ

Trưởng phòng Tổ chức, hành chính,
thông tin, tư liệu

Tóm tắt: Đồng chí Trần Phú là người cộng sản mẫu mực, kiên cường, bất khuất, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã hiến dâng trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và của Nhân dân, luôn nêu cao phẩm chất đạo đức cách mạng trong sáng, thủy chung, trung thành vô hạn với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của giai cấp và của dân tộc, lạc quan tin tưởng vào tương lai và sự tất thắng của cách mạng. Khí tiết, đạo đức của đồng chí Trần Phú thông qua lời nhắn nhủ: “Hãy giữ vững chí khí chiến đấu” đến nay vẫn là tâm gương đối với công tác tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên.

Đồng chí Trần Phú sinh ngày 01/5/1904 tại thành An Thổ, phủ Tuy An, tỉnh Phú Yên (nay thuộc xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên). Nguyên quán ở làng Tùng Sinh, nay thuộc xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Bước ngoặt trong cuộc đời cách mạng của đồng chí Trần Phú là cuối năm 1926 được cử sang Quảng Châu (Trung Quốc) dự lớp huấn luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc giảng dạy; được kết nạp vào Cộng sản Đoàn và được cử sang học tại Trường đại học Phương Đông ở Mát-xcơ-va. Sau hai năm học tập Trần Phú

được Quốc tế Cộng sản cử về nước hoạt động, tháng 7/1930 được bổ sung vào Ban Chấp hành Trung ương lâm thời và được giao trọng trách viết *Dự thảo Luận cương chính trị*. Tháng 10/1930, Luận cương chính trị được Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng thông qua và xác định rõ con đường phát triển của cách mạng Việt Nam là: đánh đổ chủ nghĩa đế quốc và phong kiến tay sai giành độc lập dân tộc, thực hiện người cày có ruộng và tiến lên xây dựng chủ nghĩa cộng sản. Tại Hội nghị này, đồng chí Trần Phú đã được bầu làm Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng.

Trên cương vị là Tổng Bí thư, đồng chí đã có những đóng góp quan trọng vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và Nhân dân ta. Đồng chí Trần Phú là một trong những nhà lý luận cách mạng tiên phong, có đóng góp quan trọng vào việc xây dựng Đảng ta về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Trong điều kiện Đảng mới thành lập, trình độ lý luận của đảng viên còn hạn chế, Luận cương chính trị của Đảng là một nỗ lực trong việc tiếp thu, vận dụng đường lối cách mạng thuộc địa và nửa thuộc địa của Quốc tế Cộng sản vào tình hình Đông Dương. Luận cương đã phân tích đặc điểm, tình hình xã hội thuộc địa nửa phong kiến và nêu lên những vấn đề cơ bản của cách mạng tư sản dân quyền ở Đông Dương do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Tổng Bí thư Trần Phú là một tấm gương sáng về lòng trung thành, tinh thần kiên cường, bất khuất trước kẻ thù. Gần 5 tháng bị bắt, bị giam cầm, kẻ thù đã dùng mọi cực hình tra tấn, dụ dỗ nhưng đồng chí vẫn giữ vững chí khí chiến đấu của người cộng sản. Trong mọi hoàn cảnh, Trần Phú luôn luôn bình tĩnh, sáng suốt truyền niềm tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng đến các đồng chí khác. Tổng Bí thư Trần Phú hy sinh ngày 06/9/1931 tại Nhà thương Chợ Quán (Sài Gòn). Trước lúc ra đi, Trần Phú nhắn gửi các đồng chí ở lại: *“Hãy giữ vững chí khí chiến đấu”*. Câu nói ấy đã trở thành sự khích lệ, động viên và nguồn sức mạnh cổ vũ cho các thế hệ đảng viên, cổ vũ mọi người phấn đấu hoàn thành sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Học tập Tổng Bí thư Trần Phú trước hết là học tập ý chí, nghị lực của người đảng viên cộng sản. Trong giai đoạn hiện

nay, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, khó dự báo; chủ nghĩa dân tộc cực đoan, xung đột cục bộ, sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp lãnh thổ, tài nguyên, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn đe dọa sự ổn định và phát triển thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Ở trong nước, những tác động từ sự chống phá của các thế lực thù địch, từ mặt trái của nền kinh tế thị trường đến mỗi cán bộ, đảng viên là không nhỏ. Các thế lực thù địch tiếp tục đẩy mạnh thực hiện việc chống phá cách mạng Việt Nam, với âm mưu cơ bản và lâu dài là phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, phủ nhận chủ nghĩa xã hội nhằm xóa bỏ nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong nền kinh tế thị trường, những cám dỗ về vật chất và tinh thần thường xuyên tác động đến mỗi người. Do đó, nếu không tu dưỡng, rèn luyện, người cán bộ, đảng viên rất dễ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, xa rời mục tiêu phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, sa vào chủ nghĩa cá nhân, làm mất niềm tin của quần chúng nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

Hơn 35 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Năm 1996, Việt Nam ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội; năm 2008, ra khỏi tình trạng một nước kém phát triển, có mức thu nhập trung bình và năm 2022, với gần 100 triệu dân, thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 4.110 USD. Diện mạo đất nước đang hoàng hơn, to đẹp hơn gấp nhiều lần; đời sống Nhân dân được nâng cao rõ rệt về vật chất, văn hóa, tinh thần, về mức sống và chất lượng cuộc sống, nhất là về ăn, ở, đi lại, học hành,

chữa bệnh...; hệ thống chính trị được xây dựng, củng cố vững mạnh, bảo đảm sự ổn định chính trị của đất nước; quốc phòng, an ninh được tăng cường, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo của Tổ quốc; đối ngoại, hội nhập quốc tế không ngừng mở rộng, kết hợp nội lực với ngoại lực, nâng cao vị thế của Việt Nam, tạo môi trường hòa bình, hợp tác và phát triển. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng nhiều lần nêu rõ và Đại hội XIII của Đảng cũng đã khẳng định: *“Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”*. Có được kết quả như trên, trước hết phải kể đến công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được Trung ương và các cấp ủy đặc biệt coi trọng, triển khai đồng bộ, toàn diện với quyết tâm chính trị cao, hành động quyết liệt, trong đó tập trung xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; thường xuyên củng cố, tăng cường đoàn kết trong Đảng và hệ thống chính trị; thực hiện nghiêm các nguyên tắc xây dựng Đảng, thường xuyên đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Xây dựng Nhà nước và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; hoàn thiện cơ chế kiểm soát chặt chẽ quyền lực; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Công tác cán bộ được xem là “then chốt của then chốt”, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược và người đứng đầu đủ phẩm

chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; phát huy trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên theo phương châm chức vụ càng cao càng phải gương mẫu, nhất là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.

Bên cạnh những cán bộ, đảng viên giữ được phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, vẫn còn một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có cả Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ các tỉnh, thành ủy trực thuộc Trung ương phai nhạt lý tưởng cách mạng, xuống cấp về mặt đạo đức, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vun vén cho cá nhân, gia đình, *“chí khí chiến đấu”* trở thành *“câu cửa miệng”*, hình thức. Đáng chú ý, hiện tượng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên như Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII và XIII) về xây dựng Đảng đã chỉ ra. Trong giai đoạn 2016 - 2020 có 25.104 đảng viên suy thoái hoặc có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, vi phạm nguyên tắc, kỷ luật đảng, vi phạm pháp luật bị xử lý kỷ luật. Riêng nửa đầu nhiệm kỳ Đại hội XII đến nay, thi hành kỷ luật 91 cán bộ diện Trung ương quản lý, trong đó có 17 Ủy viên, nguyên Ủy viên Trung ương, 23 sỹ quan cấp tướng trong lực lượng vũ trang, cho thôi giữ chức vụ, nghỉ công tác, bố trí công tác khác 15 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý; các địa phương cho thôi chức, miễn nhiệm, nghỉ công tác gần 150 trường hợp. Trong 6 tháng đầu năm 2023, cấp ủy, UBKT các cấp đã thi hành kỷ luật 270 tổ chức đảng, gần 10 nghìn đảng viên,

trong đó có 4000 đảng viên bị kỷ luật do tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, vi phạm những điều đảng viên không được làm, chuyển 1200 vụ việc có dấu hiệu tội phạm sang cơ quan điều tra xem xét, xử lý. Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế, yếu kém đó là một bộ phận cán bộ, đảng viên lười học chính trị, thiếu tu dưỡng, rèn luyện, giảm sút ý chí chiến đấu, buông lỏng trách nhiệm, bồn chồn trước Đảng, trước Nhân dân. Nghị quyết Trung ương 4, khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, *Đảng ta đánh giá*: “Nhận thức sai lệch về ý nghĩa, tầm quan trọng của lý luận và học tập lý luận chính trị; lười học tập Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước”.

Trước thực trạng nêu trên, trong giai đoạn hiện nay, việc tu dưỡng và rèn luyện đạo đức cách mạng, bản lĩnh chính trị “chí khí chiến đấu” của mỗi cán bộ, đảng viên càng trở nên cấp thiết và trở thành vấn đề quan trọng, cấp bách của công tác xây dựng Đảng. Trước hết, mỗi cán bộ, đảng viên phải thường xuyên tự học tập, tu dưỡng, rèn luyện ý chí, bản lĩnh chính trị, lý tưởng cách mạng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, con đường mà Đảng, Bác Hồ và Nhân dân ta đã lựa chọn. Việc giữ gìn đạo đức cách mạng của người cán bộ, đảng viên có liên quan trực tiếp đến sự tồn vong của Đảng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: đạo đức là cái gốc của người cách mạng “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”. Hơn nữa, việc tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên phải bền bỉ suốt đời, phải trên tinh thần tự giác, tự nguyện, dựa vào ý thức, trách nhiệm cao đối với Đảng, với Tổ quốc, đúng như lời dạy của Người: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”. Do đó, để tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, mỗi tổ chức đảng, đảng viên cần tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh một cách khoa học, thiết thực, hiệu quả. Mỗi cán bộ, đảng viên phải có kế hoạch, mục tiêu phấn đấu cụ thể, thiết thực, tạo được bước chuyển biến sâu sắc về nhận thức và hành động theo tấm gương đạo đức của Bác, của những chiến sĩ cộng sản tiêu biểu qua các thời kỳ cách mạng, những tấm gương sáng cho nhân dân noi theo.

Các tổ chức đảng cần tăng cường công tác quản lý cán bộ, đảng viên về tư tưởng chính trị, đạo đức và lối sống. Nắm chắc tư tưởng, lối sống, ý thức chính trị... của mỗi đảng viên trong phạm vi quản lý để chủ động ngăn ngừa những hành vi tiêu cực, khuyết điểm. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đảng viên bằng nhiều hình thức phù hợp, giữ nghiêm kỷ luật của Đảng, xử lý nghiêm minh đối với mọi tập

thể và cá nhân vi phạm; đồng thời, làm tốt công tác thi đua, khen thưởng, biểu dương kịp thời những người có thành tích.

Đề tu dưỡng, rèn luyện đạt kết quả cao, đòi hỏi mỗi đảng viên phải nêu cao tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt Đảng theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa XI, XII), làm cho mỗi người, mỗi tổ chức tốt lên, “phần tốt trong mỗi người nẩy nở, phần xấu bị loại bỏ”. Việc tự phê bình và phê bình phải tiến hành thường xuyên “như rửa mặt hằng ngày”; phải thẳng thắn, trung thực, không đặt điều, không thêm bớt, không che giấu. Trong phê bình, phải làm rõ ưu điểm để phát huy và nhân rộng hơn; đồng thời, phải vạch rõ những yếu kém, khuyết điểm, sai phạm để kịp thời ngăn chặn, khắc phục. Về hình thức, phải giữ thái độ chân thành, khiêm tốn, đoàn kết, khoan dung, độ lượng, có tình đồng chí, thương yêu lẫn nhau, nhưng thẳng thắn, kiên quyết đấu tranh với biểu hiện tiêu cực, hành vi sai trái. Mỗi tổ chức đảng cần giữ vững và thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức, sinh hoạt và hoạt động của Đảng; cụ thể hóa nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; chế độ trách nhiệm của người đứng đầu; phát huy dân chủ trong sinh hoạt, coi trọng và thực hiện đúng quy chế làm việc, thực hiện nghiêm kỷ luật của Đảng “phát huy dân chủ đi liền với tăng cường pháp chế, đề cao trách nhiệm của đảng viên”.

Không chỉ là nhà lý luận xuất sắc của Đảng, đồng chí Trần Phú còn là tấm gương về tinh thần học tập, nghiên cứu lý luận. Trong quá trình hoạt động cách mạng,

đồng chí luôn chú trọng việc học tập nâng cao nhận thức lý luận cách mạng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nhờ đó, Trần Phú đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ viết Dự thảo Luận cương chính trị của Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh sau này đã đánh giá: Cương lĩnh ấy rất phù hợp với nguyện vọng thiết tha của đại đa số nhân dân ta là nông dân. Noi gương người Tổng Bí thư mẫu mực của Đảng, mỗi cán bộ, đảng viên cần phát huy tính tích cực, chủ động trong tự học tập, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ lý luận chính trị; phải thường xuyên học tập, trau dồi phẩm chất chính trị, gắn việc học lý luận với thực tiễn công việc hàng ngày. Cần thấm nhuần sâu sắc lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về mục đích của việc học: “Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại”, “Học hỏi là một việc phải tiếp tục suốt đời. Suốt đời phải gắn liền lý luận với công tác thực tế. Không ai có thể tự cho mình đã biết đủ rồi, biết hết rồi. Thế giới ngày ngày đổi mới, nhân dân ta ngày càng tiến bộ, cho nên chúng ta phải tiếp tục học và hành để tiến bộ kịp nhân dân”. Việc học lý luận chính trị không chỉ dừng ở phạm vi trường lớp mà phải nêu cao tinh thần tự học, học ở mọi nơi, mọi lúc: “học ở trường, ở sách vở, học lẫn nhau và học nhân dân”. Tại lễ khai mạc Lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đối với các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng khóa XII, ngày 14/8/2018 tại Hà Nội, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: “Có rất nhiều cái phải học và cũng có rất nhiều cách để học. Học ở trường, ở lớp; học trong cuộc sống, học trong công tác; học

ở trong nước, ở ngoài nước; học thầy, học bạn; học lẫn nhau; tự nghiên cứu, tự học... Nếu không học thì sẽ lạc hậu, mà lạc hậu sẽ dẫn đến thoái bộ. Bởi vì, thực tiễn luôn luôn vận động; lý luận không ngừng phát triển; đời người là hữu hạn, sự hiểu biết là không cùng!”. Cán bộ, đảng viên cần chủ động gắn những tri thức thu được vào thực tiễn cuộc sống, tránh lý luận suông. Không ngừng phấn đấu, tu dưỡng đạo đức cách mạng thông qua con đường học tập. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, khóa XIII khẳng định: “Có kế hoạch học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận bắt buộc hằng năm đối với cán bộ, đảng viên, gắn với việc cung cấp thông tin, cập nhật kiến thức mới phù hợp từng đối tượng, từng cấp, từng ngành, từng địa phương”; “Tăng cường đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên về tầm quan trọng của nghiên cứu, học tập lý luận chính trị, đề cao trách nhiệm tự học, phải không ngừng học tập nâng cao trình độ mọi mặt, nhất là trình độ lý luận về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; nâng cao năng lực thực tiễn, năng lực tổ chức triển khai thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước”.

Kỷ niệm 120 năm Ngày sinh Tổng Bí thư Trần Phú, mỗi cán bộ, đảng viên nguyện không ngừng phấn đấu tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, ý chí chiến đấu, khí phách của người cộng sản; kiên định mục tiêu, lý tưởng của Đảng, một lòng, một dạ phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân. Tinh thần bất diệt của lời

hiệu triệu: “*Hãy giữ vững chí khí chiến đấu*” vẫn đang cổ vũ, thôi thúc các thế hệ người Việt Nam hôm nay quyết tâm phấn đấu hoàn thành sự nghiệp cách mạng của Đảng, đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản như khát vọng mà cố Tổng Bí thư Trần Phú đã trọn đời cống hiến./.

Chú thích:

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 25, 26 - 27.

(2) Nguồn số liệu: Bài giảng tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở Đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới của đồng chí Trương Thị Mai, Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, tại Hội nghị học tập, quán triệt triển khai Nghị quyết Trung ương 5 (khóa XIII). Tài liệu sinh hoạt chi bộ tháng 9/2023.

(3) Đảng CSVN, *Văn kiện Hội nghị lần thứ 4, BCH Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương, H, 2016, Tr 28

(4) Hồ Chí Minh - *Toàn tập*, Tập 5 , Nxb CTQG, H. 2011, tr. 292

(5) Hồ Chí Minh - *Toàn tập*, Tập 5 , Nxb CTQG, H. 2011, tr. 612.

(6) SDD, Tập 6, tr208

(7) SDD, Tập 6, tr134

(8) SDD, Tập 6, tr 362

(9) Đảng CSVN, *Văn kiện Hội nghị lần thứ 4, BCH Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương, H, 2016, Tr 64.

PHÁT HUY CHÍ KHÍ CÁCH CHÍ MẠNG CỦA TỔNG BÍ THƯ TRẦN PHÚ TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BẢO VỆ TỔ QUỐC GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



ThS. NGUYỄN THỊ THẢO LINH

Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học

Tóm tắt: Đồng chí Trần Phú, Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người cộng sản kiên cường, mẫu mực, người con ưu tú của dân tộc, người đã suốt đời chiến đấu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Lời nhắn nhủ, cũng là lời hiệu triệu của Đồng chí: “Hãy giữ vững chí khí chiến đấu” vẫn luôn là ngọn đuốc soi đường, cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay.

Đồng chí Trần Phú sinh ngày 01/5/1904, trong gia đình nho học giàu lòng yêu nước tại huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên; nguyên quán tại xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Năm 1922, sau thi đỗ đầu kỳ thi Thành Chung do Trường Quốc học Huế tổ chức, đồng chí Trần Phú được bổ nhiệm dạy học tại Trường Tiểu học Cao Xuân Dục, Thành phố Vinh. Trong quá trình dạy học, đồng chí có dịp gần gũi với công nhân và nông dân, nhiệt tình truyền đạt kiến thức văn hóa, giác ngộ tinh thần yêu nước, ý chí cách mạng cho những người lao động. Một thời gian sau đó, đồng chí Trần Phú thôi nghề dạy học, tập trung cho hoạt động cách mạng.

Năm 1925, đồng chí Trần Phú cùng một số người Việt Nam yêu nước sáng lập Hội Phục Việt, sau đổi là Hội Hưng Nam rồi lại đổi thành Việt Nam Cách mạng Đảng. Tháng 7/1926, Hội Hưng Nam

quyết định cử Trần Phú sang Quảng Châu (Trung Quốc) để gặp Nguyễn Ái Quốc và Tổng bộ Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên. Tại đây, đồng chí Trần Phú đã được Nguyễn Ái Quốc giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin và từ một thanh niên trí thức yêu nước, đồng chí đã trở thành một chiến sỹ cộng sản chân chính.

Tháng 10/1930, đồng chí Trần Phú chủ trì Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ nhất tại Hương Cảng (Trung Quốc). Hội nghị đã thông qua Luận cương chính trị của Đảng do đồng chí Trần Phú dự thảo. Đây là văn kiện quan trọng, thể hiện sự kế thừa, vận dụng những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, những luận điểm cơ bản trình bày trong Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng. Với công lao và đóng góp to lớn đó, đồng chí Trần Phú đã được Hội nghị Ban

Chấp hành Trung ương tháng 10/1930 bầu làm Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng.

Là Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng, đồng chí Trần Phú đã cùng Trung ương Đảng lãnh đạo, chỉ đạo cao trào cách mạng 1930-1931 và Xô viết Nghệ - Tĩnh quyết liệt chống lại kẻ thù của dân tộc và giai cấp. Trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, thực dân Pháp và chế độ phong kiến phản động tay sai đã đàn áp đẫm máu phong trào. Ngày 18/4/1931, đồng chí Trần Phú bị thực dân Pháp bắt. Kẻ thù đã dùng mọi thủ đoạn như rạch da, nhét bông tẩm dầu đốt, tra tấn dã man hàng trăm lần, nhưng đồng chí Trần Phú đã nêu cao tấm gương kiên trung, bất khuất, giữ vững khí phách của người cộng sản, kiên quyết không khai bí mật của Đảng. Trước kẻ thù, đồng chí đã thể hiện khí tiết kiên trung: “Tôi biết nhiều người là để làm việc cho Đảng tôi, nước tôi, chứ không phải khai cho các ông bắt bớ”. Trong ngục tù, người chiến sỹ cộng sản Trần Phú tiếp tục tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản, nêu cao tấm gương sáng trong đấu tranh; luôn căn dặn đồng chí, đồng đội giữ vững tinh thần chiến đấu, đặt niềm tin sắt son vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Trước lúc hy sinh, Trần Phú nhắn gửi đồng chí, đồng bào câu nói bất hủ: “Hãy giữ vững chí khí chiến đấu”. Chứng kiến chí khí cách mạng và sự hy sinh của đồng chí Trần Phú, anh chị em tù chính trị ở Khám lớn Sài Gòn năm 1931 đã viết rằng:

Trần Phú anh ơi đã thác rồi
Thác mà như thế đẹp gương soi
Bao phen sóng gió đầu sồn dạn
Mấy trận đòn tra chẳng hờ môi
Giọt máu anh hùng giờ toi tả
Trái tim vô sản vẫn không rời
Tuy anh đã thác gương còn sáng
Thác được như anh sáng suốt đời
Trong bài “Tuởng nhớ đồng chí Trần

Phú, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương”, Tạp chí Quốc tế Cộng sản đã viết: “Đồng chí Tổng Bí thư Trần Phú của chúng ta đã hy sinh, nhưng tên tuổi của đồng chí sẽ vĩnh viễn sống mãi trong lịch sử đấu tranh cách mạng của Đông Dương cũng như sống mãi trong trái tim của những người lao động Đông Dương các thế hệ hôm nay và mai sau. Sự nghiệp cách mạng của đồng chí, lòng trung thành và thái độ bất khuất của đồng chí trong nhà tù đế quốc mãi mãi là tấm gương cho những người cộng sản ở tất cả các nước và nhất là cho những người cộng sản Đông Dương”³. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Đồng chí Trần Phú là một người con ưu tú của Đảng và của nhân dân, đã oanh liệt hy sinh cho cách mạng”⁴. “Hãy giữ vững chí khí chiến đấu” là lời nhắn gửi đầy tâm huyết và trách nhiệm của đồng chí Tổng Bí thư về kiên định mục tiêu và lý tưởng của Đảng, vì Nhân dân, vì đất nước, kiên định thực hiện sự nghiệp cách mạng mà thế hệ cha ông đã gây dựng; sự nghiệp cách mạng dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, chông gai, nhưng nhất định thắng lợi.

Trong giai đoạn hiện nay, sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội của đất nước ta đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Tình hình thế giới và khu vực có nhiều thay đổi sâu sắc với những diễn biến phức tạp mới, tiềm ẩn nhiều yếu tố bất trắc, khó lường, tác động tiêu cực đến tình hình an ninh, trật tự ở trong nước. Cục diện thế giới đa cực, đa trung tâm, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn sẽ ngày càng quyết liệt, thậm chí có nguy cơ xung đột, đối đầu, tạo thách thức rất lớn đối với các nước đang phát triển, nhất là các nước có độ mở của nền kinh tế cao, sức chống chịu và khả năng cạnh tranh còn hạn chế như Việt Nam. Châu Á - Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương, Đông Nam Á tiếp tục phát triển năng động

nhưng sẽ trở thành trọng điểm cạnh tranh quyết liệt giữa các nước lớn...

Sau gần 40 năm đổi mới với muôn vàn khó khăn, thách thức, đất nước ta đã giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, 4 nguy cơ mà Đảng ta từng cảnh báo vẫn hiện hữu, có mặt sẽ còn diễn biến phức tạp và gay gắt hơn. Trên một số vùng chiến lược, địa bàn trọng điểm và trong một số nhóm đối tượng còn tiềm ẩn những yếu tố gây mất ổn định. Tranh chấp biên, đảo, chủ quyền lãnh thổ, chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng... là những nguy cơ lớn luôn có thể xảy ra. Âm mưu, hoạt động “diễn biến hoà bình”, bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch nhằm xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam thủ đoạn ngày càng tinh vi, xảo quyệt, thâm độc và nguy hiểm. Chúng ra sức xuyên tạc, vu cáo Đảng, Nhà nước, tấn công trực diện vào hệ tư tưởng, đường lối chính trị của Đảng, kích động chia rẽ nội bộ Đảng, chia rẽ Đảng, Nhà nước với nhân dân hòng làm suy yếu sức mạnh của Đảng, Nhà nước ta, tác động tạo “chuyển hóa” từ bên trong. Trong khi đó, những biểu hiện xa rời mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên đang làm xói mòn lòng tin của cán bộ, nhân dân. Cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh, trật tự ngày càng cam go, quyết liệt. Kẻ địch sử dụng mọi thủ đoạn nham hiểm, thâm độc tấn công phá hoại, đả kích, vu cáo, bôi nhọ, kể cả sử dụng “đạn bọc đường” để lôi kéo, tha hóa hòng vô hiệu hóa lực lượng nòng cốt trong công tác bảo vệ an ninh, trật tự, thực hiện “phi chính trị hóa” lực lượng vũ trang, tìm mọi cách chia rẽ Công an với Quân đội, chia rẽ các cơ

quan bảo vệ pháp luật, chia rẽ lực lượng vũ trang với nhân dân... nhằm thực hiện “cách mạng màu”, như chúng đã thực hiện ở một số nước trên thế giới.

Trong bối cảnh đó, lời nhắn gửi “Hãy giữ vững chí khí chiến đấu!” của đồng chí Tổng Bí thư Trần Phú vẫn còn nguyên giá trị, cổ vũ chúng ta quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thách thức kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện thắng lợi mục tiêu của chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, “bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ thành quả cách mạng, sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá; bảo vệ nền văn hoá và uy tín, vị thế quốc tế của đất nước; bảo vệ an ninh quốc gia, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh mạng; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; giữ vững, củng cố, tăng cường môi trường hoà bình để xây dựng, phát triển đất nước; đóng góp tích cực vào gìn giữ hoà bình khu vực, thế giới”⁴, đòi hỏi chúng ta phải quyết tâm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ sau:

Một là, xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh; kết hợp chặt chẽ xây dựng Đảng với bảo vệ Đảng, bảo vệ vững chắc an ninh chính trị nội bộ. Để đảm đương được vai trò lãnh đạo trong tình hình mới, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; thường xuyên tự đổi mới, chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ, trí tuệ, năng lực lãnh đạo. Giữ vững truyền thống đoàn kết thống nhất trong Đảng, đảm bảo đầy đủ dân chủ và kỷ cương trong sinh

hoạt đảng. Thường xuyên tự phê bình và phê bình, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội và mọi hành động chia rẽ, bè phái.

Yếu tố quyết định nhất của năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng là năng lực hoạch định cương lĩnh chính trị, đường lối, chủ trương đúng đắn. Để có đường lối, chủ trương đúng đắn, Đảng phải đứng trên lập trường của giai cấp công nhân, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; nắm chắc tình hình quốc tế và khu vực; nghiên cứu, tổng kết thực tiễn sinh động của đất nước, khái quát lý luận và rút ra các bài học kinh nghiệm trong quá trình xây dựng đất nước và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Đảng phải phát huy và tập trung trí tuệ của toàn dân tộc, nhất là trí tuệ của đội ngũ nhà khoa học, cán bộ lão thành cách mạng, cũng như của các tầng lớp nhân dân. Đảng phải khơi dậy và phát huy tinh thần yêu nước, yêu Tổ quốc và quyền làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, hướng phát huy dân chủ vào việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng phải thực sự gương mẫu đi đầu trong việc tuyên truyền, thuyết phục, tổ chức, tập hợp nhân dân; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tạo sự đồng thuận trong Đảng, Nhà nước và nhân dân nhằm tổ chức thực hiện thắng lợi cương lĩnh chính trị, đường lối, chủ trương của Đảng.

Đảng phải ra sức xây dựng hệ thống tổ chức, nhất là tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên. Xây dựng tổ chức, bộ máy lãnh đạo phù hợp, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng và tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị. Cần tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức cách mạng, có lối sống giản dị,

trong sáng, có tinh thần tự phê bình và phê bình; có trách nhiệm cao trước Tổ quốc, trước nhân dân, hết lòng hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Đồng thời xử lý nghiêm các biểu hiện thiếu trách nhiệm, vi phạm tư cách đạo đức, lối sống của mọi cán bộ, đảng viên. Khắc phục tệ quan liêu, cửa quyền, những nhiễu, tham ô, tham nhũng của một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức trong hệ thống chính trị để lấy lại lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Đổi mới tác phong và lề lối làm việc của cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị theo phương châm vì nhân dân phục vụ, cán bộ là “công bộc” của nhân dân; có cơ chế để nhân dân giám sát hoạt động của cán bộ trong bộ máy của hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

Hai là, xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc, mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa đi đôi với việc tăng cường trật tự, kỷ cương. Để phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình hiện nay cần phải nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong bối cảnh mới. Lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh làm điểm tương đồng; xoá bỏ mặc cảm, định kiến về quá khứ, thành phần giai cấp, chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống nhân nghĩa, khoan dung... để tập hợp, đoàn kết mọi người vào mặt trận chung, tăng cường đồng thuận xã hội. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải dựa trên cơ sở giải quyết hài hoà quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong xã hội. Đoàn kết trong Đảng là hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Các cấp uỷ đảng và chính quyền

phải thường xuyên đối thoại, lắng nghe, học hỏi, tiếp thu ý kiến, giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhân dân; tin dân, tôn trọng những người có ý kiến khác; làm tốt công tác dân vận, có cơ chế, pháp luật để nhân dân bày tỏ chính kiến, nguyện vọng và thực hiện quyền làm chủ của mình.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hoá bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm. Nhà nước tôn trọng và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân; chăm lo hạnh phúc, sự phát triển tự do của mỗi người. Quyền và nghĩa vụ công dân do Hiến pháp và pháp luật quy định. Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ công dân.

Ba là, phát triển kinh tế - xã hội, gắn với tăng cường quốc phòng an ninh. Phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh luôn giữ vai trò quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của mỗi quốc gia dân tộc. Để nâng cao hiệu quả sự kết hợp phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với tăng cường sức mạnh quốc phòng - an ninh, một mặt phải giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội. Trong đó, phải thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; không ngừng nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm công bằng xã hội, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đồng thời chủ động hội nhập quốc tế. Mặt khác, phải tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã

hội, xem đó là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và toàn dân, kết hợp chặt chẽ với thể trận an ninh nhân dân vững chắc.

Bốn là, tiếp tục triển khai, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, mở rộng, đa dạng hóa, đa phương hóa. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới. Nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, tiếp tục đưa các mối quan hệ quốc tế vào chiều sâu trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, phát huy tối đa nội lực, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc; chủ động ngăn ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực của quá trình hội nhập quốc tế. Tích cực tham gia các cơ chế hợp tác chính trị, an ninh song phương và đa phương vì lợi ích quốc gia trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, Hiến chương Liên hợp quốc. Tích cực hợp tác cùng các nước, các tổ chức khu vực và quốc tế trong việc đối phó với những thách thức an ninh phi truyền thống; chủ động, kiên quyết đấu tranh, làm thất bại mọi âm mưu, hành động can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia và ổn định chính trị của Việt Nam.

Năm là, xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy tinh thần yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn

vinh, hạnh phúc. Đảm bảo văn hoá là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh, động lực để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường giáo dục lòng yêu nước, khơi dậy lòng tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm trong Nhân dân, xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, hài hoà giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại. Đẩy mạnh xây dựng môi trường và đời sống văn hoá lành mạnh, gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”. Phát huy tối đa nhân tố con người và các nguồn lực cho phát triển văn hoá, tương xứng với tăng trưởng kinh tế. Chủ động hội nhập quốc tế về văn hoá, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại và truyền bá văn hoá Việt Nam ra thế giới. Mở rộng giao lưu, hợp tác văn hoá với các nước, đưa các quan hệ quốc tế về văn hoá đi vào chiều sâu. Tạo điều kiện thuận lợi để người Việt Nam ở nước ngoài, các tổ chức quốc tế đầu tư trí tuệ, nguồn lực, tham gia phát triển văn hoá, quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam.

Sáu là, tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong xây dựng tiềm lực, lực lượng, thế trận quốc phòng, chuẩn bị nguồn lực quốc gia; thực hiện tốt phương châm: “Chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ và hậu cần tại chỗ”. Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại. Đến năm 2025, cơ bản xây dựng Quân đội, Công an tinh, gọn, mạnh, tạo tiền đề vững chắc, phấn đấu năm

2030 xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; bảo đảm chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu cao, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong mọi tình huống. Chủ động chuẩn bị về mọi mặt, sẵn sàng các phương án bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trong mọi tình huống.

Hơn 90 năm kể từ ngày Tổng Bí thư Trần Phú anh dũng hy sinh, khí tiết cách mạng, ý chí chiến đấu của đồng chí vẫn luôn tỏa sáng, soi đường, động viên, cổ vũ toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang vượt qua mọi khó khăn, thử thách, kiên định con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn, nỗ lực phấn đấu vươn lên giành những thành tựu to lớn hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay./.

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, tập 2 1930, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 110.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, tập 2 1930, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.127.
3. Tạp chí Quốc tế Cộng sản, số 5/1932.
4. Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb CTQG, H, 2000, tập 11, trang 255.
5. Nghị quyết số 44-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về chiến lược bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới

TỔNG BÍ THƯ HÀ HUY TẬP VỚI CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG



ThS. DƯƠNG THỊ VÂN LINH

Khoa Lý luận cơ sở

Tóm tắt: Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Tổng Bí thư Hà Huy Tập là tấm gương về ý chí chiến đấu, hết lòng hy sinh vì sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, về sự kiên định lập trường tư tưởng cách mạng, là động lực, nguồn cổ vũ cho thế hệ hôm nay và mai sau. Quá trình hoạt động cách mạng và trên cương vị Tổng Bí thư của Đảng, đồng chí Hà Huy Tập có nhiều cống hiến to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc, nhất là trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Đồng chí Hà Huy Tập sinh ngày 24/4/1906 trong một gia đình nông dân ở làng Kim Nặc, tổng Thổ Ngọa, nay là xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh. Năm 1923, sau khi tốt nghiệp trung học, đồng chí làm giáo viên Trường Tiểu học Pháp - Việt, Nha Trang, Khánh Hòa. Đây là thời gian đồng chí thấu hiểu nỗi cùng cực của nhân dân cần lao mất nước, hình thành tư tưởng chống chế độ thực dân Pháp, phong kiến hà khắc và bắt đầu truyền bá tư tưởng đó cho học sinh, những người quen biết. Năm 1925, đồng chí chính thức tham gia hoạt động cách mạng sau khi được tiếp xúc với các cựu tù chính trị. Từ đây, đồng chí quan tâm tìm đọc những sách, báo cộng sản từ Pháp gửi về nước và tích cực hoạt động chính trị. Tháng 3/1926, đồng chí Hà Huy Tập lập ra 3 lớp học xóa mù chữ buổi tối để tranh thủ tuyên truyền tư tưởng cách mạng cho 150 người.

Tháng 8/1926, đồng chí Hà Huy Tập chuyển về dạy học ở Vinh, Nghệ An, tham gia hoạt động trong tổ chức Hội Phục Việt (sau đổi thành Hội Hưng Nam), tiếp tục tuyên truyền, giáo dục, giác ngộ cách mạng cho học sinh và tầng lớp lao động. Tháng 3/1927, Hội Hưng Nam chuyển Hà Huy Tập vào Sài Gòn hoạt động với danh nghĩa giáo viên trường tiểu học ở Gia Định, rồi công nhân ở Bà Rịa. Trong thời gian này, đồng chí làm thư ký Kỳ bộ Việt Nam Cách mạng Đảng ở Nam Kỳ. Cuối tháng 12/1928, đồng chí Hà Huy Tập cùng một số đồng chí khác được cử sang Trung Quốc hoạt động, đến tháng 05/1929 đồng chí được Quốc tế Cộng sản cử sang học tại Trường Đại học Phương Đông. Sau khi tốt nghiệp (tháng 03/1932), đồng chí Hà Huy Tập ở lại hoạt động đến giữa năm 1933 mới bí mật trở về Trung Quốc tham gia Ban Chỉ huy ở ngoài, phụ trách công tác tuyên truyền cổ động. Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ nhất,

đồng chí được cử làm Thư ký Ban Chỉ huy ở ngoài. Tháng 07/1936, đồng chí được phân công về nước tổ chức lại Ban Chấp hành Trung ương mới và khôi phục các tổ chức đảng trong nước. Ngày 12/10/1936, đồng chí chính thức được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng cho đến tháng 3/1938. Ngày 01/5/1938, khi đi thị sát cuộc đấu tranh của nhân dân do Đảng ta tổ chức tại Sài Gòn nhân kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động, đồng chí bị thực dân Pháp bắt giam đến 28/8/1941 thì đưa ra xử bắn.

Trải qua 16 năm, từ 1925 đến 1941, đồng chí Hà Huy Tập đã hoạt động cách mạng ở nhiều môi trường cả trong, ngoài nước và có nhiều cống hiến to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Một trong những cống hiến của đồng chí Hà Huy Tập đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam, đặc biệt trong công tác xây dựng Đảng và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Là người say mê nghiên cứu lý luận Mác - Lênin, đã từng là Tổng biên tập Tạp chí Bôn-sơ-vích, đồng chí Hà Huy Tập hiểu rõ vai trò của báo chí trong công tác tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đảng viên và quần chúng, vì vậy, ngay từ khi trở lại Sài Gòn, đồng chí đã tập trung mọi nỗ lực chỉ đạo mở rộng các hoạt động tuyên truyền, cổ động thông qua các báo chí công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp của Đảng để đưa chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng tới đảng viên và quần chúng. Trong điều kiện Đảng ta còn phải hoạt động bí mật, Tổng Bí thư Hà Huy Tập đã cho ra đời tờ báo bằng tiếng Pháp L'Avant Garde (Tiền phong) với danh nghĩa là cơ quan của lao động và nhân dân Đông Dương, thực chất là cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Đông Dương. Báo chính thức ra đời

ngày 29/5/1937 tại Sài Gòn. Là cơ quan ngôn luận đầu tiên của Trung ương Đảng được ra hoạt động công khai, nội dung tờ báo rất phong phú, phản ánh khá toàn diện những vấn đề nóng bỏng của phong trào cách mạng Đông Dương trong cuộc đấu tranh đòi tự do, cơm áo và hoà bình. Đặc biệt, tờ báo rất quan tâm đến tuyên truyền đường lối của Đảng và cuộc đấu tranh chống bọn Tờ-rốt-xkít.

Tháng 5/1937, đồng chí Hà Huy Tập với bút danh Thanh Hương công bố tác phẩm Tờ-rốt-xky và phản cách mạng được Tiền Phong thư xã xuất bản ở Sài Gòn. Trong năm 1937, cũng với bút danh Thanh Hương, Hà Huy Tập đã xuất bản cuốn sách Vì sao phải ủng hộ Mặt trận bình dân Pháp. Ngày 28/8/1937, sau khi báo L'Avant-Garde bị đình bản, Đảng ta thuê tờ báo Kịch Bóng của tư nhân để làm cơ quan ngôn luận của Trung ương Đảng, Hà Huy Tập là Tổng Biên tập. Ngày 24/9/1937, báo Le Peuple (Nhân dân) - cơ quan ngôn luận của Trung ương Đảng ra số đầu tiên, Hà Huy Tập tiếp tục là Tổng Biên tập. Sự ra đời của báo LeAvant- Garde và Le Peuple bằng tiếng Pháp với chức năng là cơ quan ngôn luận của Trung ương Đảng là một cố gắng lớn của Đảng ta, trong đó có đóng góp to lớn của Tổng Bí thư, Tổng Biên tập Hà Huy Tập. Những tờ báo đó cùng những bài viết của Hà Huy Tập thời kỳ này đã góp phần đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, cổ động của Đảng và là một động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự ra đời một số tờ báo bằng tiếng Pháp và tiếng Việt theo xu hướng tiến bộ, ủng hộ cách mạng xuất hiện sau đó. Đó là kết quả rất đáng tự hào về sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương Đảng, trong đó có sự đóng góp to lớn của nhà lý luận Hà Huy Tập.

Trong những lúc cách mạng gặp khó khăn, kẻ thù liên tục xuyên tạc, chống phá, với trí tuệ sắc sảo, lý luận vững vàng, đồng chí Hà Huy Tập đã viết nhiều bài luận chiến đăng trên báo chí quốc tế, kiên quyết vạch trần bộ mặt thật của địch, phê phán quan điểm phản động của các phần tử Tờ-rốt-xky và cổ vũ phong trào cách mạng, bảo vệ Đảng, bảo vệ cách mạng. Thông qua những bài viết, tác phẩm lý luận và hoạt động thực tiễn của mình, Hà Huy Tập đã đấu tranh không biết mệt mỏi để bảo vệ Đảng và nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, nhất là chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa cực tả Tờ-rốt-xky.

Để bảo vệ Đảng, trong bài viết Gửi Ban biên tập Tạp chí Bônsovích, đồng chí Hà Huy Tập đã khẳng định một cách đúng đắn nguồn gốc lịch sử Đảng Cộng sản Đông Dương là sự hợp nhất các tổ chức cộng sản để bác bỏ quan điểm cho rằng Đảng Cộng sản Đông Dương “ra đời từ những phần tử tiên tiến nhất của đảng quốc gia An Nam”, cho như vậy là “quá đề cao vai trò hoàn toàn không có của Việt Nam Quốc dân Đảng trong việc thành lập Đảng Cộng sản thống nhất”. Đồng thời, đồng chí cũng bác bỏ luận điệu cho rằng “sự chậm trễ của phong trào công nhân so với phong trào nông dân, coi như phong trào nông dân là độc lập với phong trào công nhân, chỉ nhìn thấy mặt số lượng của phong trào nông dân nhưng không biết đến vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản”. Với năng lực lý luận vững chắc, đồng chí Hà Huy Tập luôn nhất quán quan điểm: “Đấu tranh bảo vệ Đảng, đội tiên phong của giai cấp vô sản với đường lối chính trị không lay chuyển, một kỷ luật sắt, sự thống nhất về nguyên tắc, về ý chí về hoạt động lãnh đạo cách mạng để lãnh đạo cuộc đấu tranh cách mạng cho đến lúc xóa bỏ hoàn toàn

tư hữu đã sinh ra các giai cấp và tình trạng người bóc lột người cho đến khi thiết lập chủ nghĩa cộng sản hoàn toàn”⁽²⁾.

Mặt khác, đồng chí Hà Huy Tập cũng phê phán cái nhìn bi quan, đen tối về giai đoạn thoái trào của cách mạng. Đồng chí chỉ rõ thực tế Đảng đã chịu những tổn thất to lớn trước khủng bố trắng của kẻ thù, nhưng không vì thế mà rơi vào tư tưởng thất bại chủ nghĩa. Không nên đi vào “chủ nghĩa thủ tiêu”, cho rằng “phong trào cách mạng cần phát triển theo đường thẳng chứ không theo con đường ngoắt ngoéo mà phép biện chứng duy vật giải thích, vì thế khi nhìn thấy những thất bại, họ không ngớt kêu lên sự suy tàn của phong trào cách mạng”⁽¹⁾. Khi có luận điệu bôi nhọ cho rằng cao trào cách mạng Xôviết - Nghệ Tĩnh 1930-1931 là “bằng chứng về sự hấp hối của Đảng”, đồng chí Hà Huy Tập vẫn luôn giữ vững niềm tin sắt đá vào sức sống của Đảng, vào tính tích cực của phong trào cách mạng. Đồng chí chỉ rõ: “Đảng chúng tôi chịu những tổn thất nghiêm trọng do những chiến sĩ ưu tú nhất đã bị bắt và nhiều cơ quan bất hợp pháp bị cảnh sát phát hiện, song thật là sai lầm để từ đó mà suy luận rằng Đảng chúng tôi đã bị tiêu diệt. Phong trào cách mạng cũng còn rất xa mới bị dập tắt, như bọn thủ tiêu chủ nghĩa bi quan đã tưởng”⁽³⁾.

Trên mặt trận đấu tranh vạch trần bộ mặt giả hiệu, đầu cơ cách mạng của bọn Tờ-rốt-xky, đồng chí Hà Huy Tập là một trong những cây bút sắc sảo. Khi kẻ thù khủng bố tàn bạo, phong trào cách mạng tạm thời lắng xuống, bọn Tờ-rốt-xky phụ họa với luận điệu của chủ nghĩa đế quốc “Đảng Cộng sản Đông Dương đã bị tiêu diệt!”. Năm 1933, đồng chí Hà Huy Tập đã viết bài Kỷ niệm ba năm thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương, trong đó chỉ rõ:

“Năm 1932 không phải là một năm thất bại của chủ nghĩa cộng sản, mà là một giai đoạn phát triển mới của cách mạng. Những cuộc mít tinh, biểu tình của nông dân Hà Tĩnh, Thủ Dầu Một, Gia Định, Cao Miên; những cuộc bãi công của người phu xe ở Huế, Sài Gòn, Gia Định... là những bằng chứng nói lên sự phát triển của phong trào cách mạng ở Đông Dương. Đây cũng là những bằng chứng tốt nhất để vạch trần những giọt nước mắt cá sấu của bọn thù tiêu và bọn Tờ-rốt-xky ở Đông Dương”⁽⁴⁾.

Đối với công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng của đồng chí Hà Huy Tập luôn thể hiện rõ quan điểm tuân thủ và giữ vững nguyên tắc tính Đảng, tuân thủ đường lối chính trị của Đảng; kịp thời khắc phục những lệch lạc, sai lầm tả khuynh và hữu khuynh, đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, xét lại, chống giáo điều, bảo thủ. Đồng chí đã nỗ lực không ngừng đấu tranh bảo vệ quan điểm về Đảng Cộng sản, đội tiên phong của giai cấp vô sản với một hệ tư tưởng vững chắc, bảo vệ đường lối chính trị và kỷ luật của Đảng, thống nhất về ý chí, nguyên tắc và hoạt động cách mạng. Những hoạt động của Hà Huy Tập trên mặt trận tư tưởng, lý luận đã góp phần quan trọng đưa tư tưởng, lý luận chân chính của Đảng thấm sâu vào quần chúng và bảo vệ đường lối đúng đắn của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Trong giai đoạn hiện nay, Đảng đã ban hành nhiều Nghị quyết nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, tiêu biểu như: Nghị quyết số 01-NQ/TW về “Công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay” (tháng 3/1992); Nghị quyết số 09-NQ/TW về “Một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay” (tháng 02/1995); Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI và Nghị quyết

Trung ương 4 khóa XII (năm 2016) về xây dựng Đảng; Nghị quyết số 35-NQ/TW về “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới” (tháng 10/2018). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị. Hết sức coi trọng xây dựng Đảng về tư tưởng. Kiên định vững vàng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời không ngừng bổ sung, phát triển sáng tạo phù hợp với thực tiễn Việt Nam... thường xuyên ngăn chặn âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Cuộc đời cách mạng của đồng chí Hà Huy Tập là tấm gương về ý chí chiến đấu, hết lòng hy sinh vì sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, về sự kiên định lập trường tư tưởng cách mạng, là động lực, nguồn cổ vũ cho thế hệ hôm nay và mai sau vững vàng bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh./.

Chú thích:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tập 4, tr.260.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, sđd, tập 4, tr.271.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, sđd, tập 4, tr.260.
4. Báo La Lutte, số ra ngày 23-3-1937.

PHẢN BÁC CÁC LUẬN ĐIỀU SAI TRÁI VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI Ở VIỆT NAM DƯỚI GÓC ĐỘ PHÁP LÝ



ThS. NGUYỄN DUY LONG

Phó Trưởng Khoa Nhà nước và pháp luật

Tóm tắt: Mục tiêu bình đẳng giới đã được ghi rõ trong Luật Bình đẳng giới của Việt Nam là “xóa bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ và thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình” và Việt Nam đang được bạn bè quốc tế ghi nhận là một trong những quốc gia hoàn thành sớm nhất Mục tiêu thiên niên kỷ về bình đẳng giới và nâng cao vị thế cho phụ nữ(1). Tuy nhiên, các thế lực thù địch, phản động và một số hăng truyền thông nước ngoài đã tung ra những bài viết, bản tin, hình ảnh, video... xuyên tạc sự thật về sự thành công của Việt Nam trong thực hiện bình đẳng giới nhằm bóp méo, xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam.

Những thành tựu về thúc đẩy bình đẳng giới mà Việt Nam đạt được trong những năm qua đã khẳng định sự quan tâm của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong lãnh đạo thực hiện Mục tiêu thiên niên kỷ về bình đẳng giới và nâng cao vị thế cho phụ nữ. Tuy nhiên, các thế lực thù địch, phản động đã đưa ra những luận điệu xuyên tạc, không đúng sự thật. Trên cơ sở nhận diện các thông tin sai trái của các thế lực thù địch, bài viết đã nêu rõ các quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam và đưa ra những kết quả minh chứng cho việc Việt Nam đang nỗ lực không ngừng để thúc đẩy bình đẳng giới.

1. Nhận diện những luận điệu sai trái, xuyên tạc về bình đẳng giới ở Việt Nam

Trong thời gian vừa qua, những kẻ mệnh danh đại diện cho các vấn đề dân chủ, nhân quyền đã cho rằng, Việt Nam vi phạm dân chủ, vi phạm nhân quyền trong bình đẳng giới, Đảng Cộng sản Việt Nam toàn đưa ra những số liệu không chính xác, những thông

tin có tính chất mị dân để lừa bịp nhân dân; họ còn cho rằng, trong thực tế phụ nữ Việt Nam đang chịu bất bình đẳng trong tất cả các lĩnh vực, bị phân biệt đối xử, quyền của phụ nữ Việt Nam không được coi trọng, ở Việt Nam không có bình đẳng giới... Bằng những thủ đoạn tinh vi và luận điệu hết sức xảo trá, các thế lực thù địch, phản động âm mưu làm cho một bộ phận nhân dân, trong đó có phụ nữ mất niềm tin, hoài nghi đối với Đảng, Nhà nước và Chính phủ Việt Nam về vấn đề bình đẳng giới, chia rẽ tinh thần đoàn kết của phụ nữ các vùng miền, thành phần, dân tộc khác nhau, nhất là dân tộc thiểu số. Đặc biệt, các hành động này còn hòng gây tâm lý tự ti, mặc cảm trong chị em phụ nữ và khiến cho một số chị em không ý thức đúng trách nhiệm của bản thân đối với gia đình và xã hội, giảm động lực phấn đấu, cống hiến và tinh thần bất khuất, kiên cường của phụ nữ Việt Nam trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Ngoài ra, các thế lực thù địch, phản động này còn tìm cách cổ xúy việc hình thành các hội, nhóm, tổ chức mang tên: “Hội dân oan”, “Hội phụ nữ nhân quyền”, “Hội bầu bí tương thân”... kêu gọi phụ nữ tham gia hoặc cầm đầu, vận động các tổ chức quốc tế trao “giải thưởng nhân quyền” cho các đối tượng vi phạm pháp luật là phụ nữ bị bắt, xử lý ở trong nước... để khích lệ những đối tượng này hoạt động mạnh mẽ hơn, chống lại Đảng và Nhà nước một cách quyết liệt hơn. Với vỏ bọc “bảo vệ nhân quyền” và “phản biện xã hội”, đưa tiếng nói, ý chí, nguyện vọng của người dân Việt Nam nói chung, phụ nữ nói riêng vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, được sự hậu thuẫn, tiếp tay của các cá nhân, tổ chức người Việt lưu vong ở nước ngoài, các hội nhóm này đã chống phá Đảng và Nhà nước, có những hành động đi ngược với lợi ích quốc gia dân tộc, làm lu mờ sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước và tầm quan trọng của các tổ chức chính trị - xã hội⁽²⁾, hướng lái dư luận trong nước và quốc tế hiệu sai lệch về bình đẳng giới ở Việt Nam.

2. Chính sách, pháp luật Việt Nam về bình đẳng giới

Có thể khẳng định, những thành tựu về bình đẳng giới mà Việt Nam đạt được là do hệ thống chính sách, pháp luật của nước ta tương đối hoàn chỉnh và đầy đủ, được đánh giá là tiến bộ theo xu hướng đảm bảo các quyền con người và không phân biệt đối xử. Từ Hiến pháp cho đến các bộ luật, luật, chiến lược quốc gia, các chính sách của Nhà nước đều yêu cầu thực hiện nguyên tắc bình đẳng giới, đảm bảo cơ hội và sự thụ hưởng cho tất cả các giới.

Hiến pháp Việt Nam quy định: “1. Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới; 2. Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội; 3. Nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới”.

Luật Bình đẳng giới (2006) quy định về những nguyên tắc của bình đẳng giới, trong đó, một nguyên tắc căn bản là không phân biệt đối xử. Điều 4 của Luật Bình đẳng giới năm 2006 nêu rõ mục tiêu: “Xóa bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ và thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình”, nêu các quy định về bình đẳng giới trong 8 lĩnh vực, bao gồm: chính trị; kinh tế; lao động; giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao; y tế; gia đình; quy định các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình và cá nhân trong việc thực hiện và bảo đảm bình đẳng giới. Luật Bình đẳng giới năm 2006 khẳng định bước phát triển về thể chế và hệ thống hóa trách nhiệm của Nhà nước Việt Nam bằng việc tăng cường bình đẳng giới trong đời sống cá nhân và xã hội.

Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020 của Việt Nam được xây dựng nhằm xác định mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới cần thực hiện trong vòng 10 năm, đồng thời, là một trong những công cụ quan trọng để đưa Luật Bình đẳng giới vào cuộc sống, với mục tiêu nâng cao nhận thức, thu hẹp khoảng cách về giới và nâng cao vị thế của phụ nữ; tích cực thực hiện các sáng kiến quốc tế và khu vực nhằm thúc đẩy việc bảo vệ quyền của phụ nữ và chống phân biệt đối xử đối với phụ nữ. Sau 10 năm thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, việc thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới đã và đang được triển khai đồng bộ, tạo sự chuyển biến trong nhận thức và hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền, trong đội ngũ cán bộ, công chức và nhân dân về thực hiện bình đẳng giới. Thống kê cho thấy, có 13/22 chỉ tiêu dự kiến đạt mục tiêu đề ra; 9/22 chỉ tiêu chưa đạt hoặc chưa có đủ cơ sở để đánh giá đạt kết quả. Một số chỉ tiêu đã đạt được kết quả tốt, các chỉ số bình đẳng giới đã dần chuyển từ hình thức sang thực chất.

Nhất quán quan điểm về bình đẳng giới, Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030 tiếp tục thể hiện sự chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về các mục tiêu bình đẳng giới, góp phần đạt được các Mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030. Mục tiêu tổng quát của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030 được xác định là: “Tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ và nam giới tham gia, thụ hưởng bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước”. Chiến lược hướng tới các mục tiêu tăng cường bình đẳng giới trong 6 lĩnh vực: chính trị; kinh tế, lao động; đời sống gia đình và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; y tế; giáo dục, đào tạo; thông tin truyền thông. Đồng thời, đưa ra các giải pháp nhằm thực hiện thành công các mục tiêu đã đề ra, như: nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu và các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp; hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới và đẩy mạnh công tác lồng ghép giới; xây dựng và triển khai các chương trình nhằm thực hiện bình đẳng giới; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao nhận thức về bình đẳng giới; tăng cường năng lực bộ máy quản lý nhà nước về bình đẳng giới; tăng cường hợp tác quốc tế trong thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới. Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới là một bộ phận cấu thành quan trọng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, là cơ sở nền tảng của chiến lược phát triển con người của Đảng và Nhà nước ta. Làm tốt công tác bình đẳng giới là một trong những yếu tố cơ bản để nâng cao chất lượng cuộc sống của từng cá nhân, từng gia đình và toàn xã hội.

Mặt khác, nội dung bình đẳng giới cũng được quy định trong các luật và bộ luật điều chỉnh các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Trong lĩnh vực gia đình, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (2022) tạo cơ sở pháp lý thống nhất để bảo vệ quyền và lợi ích của

các thành viên trong gia đình, góp phần củng cố và xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc trong điều kiện hội nhập quốc tế.

Nguyên tắc vợ chồng bình đẳng là một trong những nguyên tắc cơ bản của Luật Hôn nhân và Gia đình (2014) trên cơ sở nguyên tắc nam nữ bình đẳng mà Hiến pháp đã quy định. Theo quy định tại Điều 17, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “Vợ chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình”. Như vậy, khái niệm về nguyên tắc vợ chồng bình đẳng phải đảm bảo các nội dung: vợ chồng có vai trò, vị trí ngang nhau trong đời sống gia đình; vợ chồng được tạo điều kiện và cơ hội như nhau để phát huy năng lực của mình; vợ chồng được hưởng thụ ngang nhau các thành quả của sự phát triển, khoản 2, Điều 16: “Việc giải quyết quan hệ tài sản phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ và con; công việc nội trợ và công việc khác có liên quan để duy trì đời sống chung được coi như lao động có thu nhập”. Công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung ở đây được hiểu là sự đóng góp về tài sản riêng, thu nhập, công việc gia đình và lao động của vợ, chồng trong việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung. Người vợ hoặc chồng ở nhà chăm sóc con, gia đình mà không đi làm được tính là lao động có thu nhập tương đương với thu nhập của chồng hoặc vợ đi làm. Quy định mới này đã đáp ứng kịp thời các yêu cầu khách quan của đời sống hôn nhân và gia đình trong tình hình mới.

Luật Đất đai (2023) đã từng bước đảm bảo quyền và lợi ích của các giới. Điều 4 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất theo quy định của Luật này”. Tại khoản 2, Điều 5 của Luật Đất đai năm 2023 quy định người sử dụng đất gồm “hộ gia đình, cá nhân trong nước”. Như vậy, Nhà nước giao đất cho người sử dụng đất, trong đó có cho hộ gia

đình, cá nhân, không phân biệt chủ hộ là nam hay chủ hộ là nữ. Quy định tại khoản 4, Điều 98 Luật Đất đai: Trường hợp quyền sử dụng đất hoặc quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tài sản chung của vợ và chồng mà Giấy chứng nhận đã cấp chỉ ghi họ, tên của vợ hoặc chồng thì được cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để ghi cả họ, tên vợ và họ, tên chồng nếu có yêu cầu. Quy định này là cơ sở pháp lý cho sự bình đẳng giữa vợ và chồng trong việc quyết định sử dụng, quản lý tài sản đất đai, đồng thời tạo quyền cho phụ nữ trong việc đồng sở hữu tài sản gồm đất đai và sở hữu nhà ở.

Điều 34, Luật Bảo hiểm xã hội (2014) quy định, lao động nam đang đóng bảo hiểm xã hội được nghỉ nguyên lương và phụ cấp khi vợ sinh con. Cụ thể, lao động nam khi vợ sinh con sẽ được nghỉ 05 ngày (nếu sinh thường) đến 07 ngày (nếu vợ sinh con phải phẫu thuật, sinh con dưới 32 tuần tuổi); 10 ngày làm việc nếu vợ sinh đôi, từ sinh ba trở lên thì cứ thêm mỗi con được nghỉ thêm 03 ngày; 14 ngày nếu vợ sinh đôi trở lên mà phải phẫu thuật.

Luật Dân quân tự vệ (2019) quy định quyền lợi của nam giới ở Điều 11: “Tạm hoãn nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ đối với nam giới một mình đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi”. Cách tiếp cận về bình đẳng giới trong gia đình đã có nhiều thay đổi so với trước đây, đã chú trọng và khuyến khích nam giới phát huy vai trò của mình trong gia đình, chia sẻ công việc chăm sóc gia đình, con cái với phụ nữ nhiều hơn.

Trong lĩnh vực kinh tế, Điều 8, Luật Ngân sách nhà nước (2015) khẳng định: “Bảo đảm ưu tiên bố trí ngân sách để thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong từng thời kỳ về phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, chính sách dân tộc, thực hiện mục tiêu bình đẳng giới...”. Điều 41 của Luật này cũng yêu cầu, căn cứ lập dự toán ngân

sách hàng năm phải dựa trên: “Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, bình đẳng giới”.

Trong lĩnh vực lao động, việc làm, những quy định về bình đẳng giới được lồng ghép trong Bộ luật Lao động (2019). Cụ thể, khoản 7, Điều 4 của Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: “Bảo đảm bình đẳng giới; quy định chế độ lao động và chính sách xã hội nhằm bảo vệ lao động nữ, lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi, lao động chưa thành niên”. Khoản 2, Điều 169 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: “Tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường được điều chỉnh theo lộ trình cho đến khi đủ 62 tuổi đối với lao động nam vào năm 2028 và đủ 60 tuổi đối với lao động nữ vào năm 2035”. Khoản 4, Điều 169 Bộ luật Lao động năm 2019 cũng quy định: “Người lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao và một số trường hợp đặc biệt có thể nghỉ hưu ở tuổi cao hơn nhưng không quá 05 năm so với quy định”. Thực tế trong một thời gian dài đã có khá nhiều tranh luận về tuổi nghỉ hưu của nữ, nhìn chung, các ý kiến cho rằng, tăng tuổi về hưu cho lao động nữ cần có sự điều chỉnh hợp lý, có quy định rõ đối tượng được giảm trừ hoặc tăng tuổi nghỉ hưu (đặc biệt đối với đối tượng là các nhà quản lý, đội ngũ trí thức trình độ cao). Bộ luật Lao động năm 2019 đã tiếp cận theo hướng tăng tuổi nghỉ hưu theo lộ trình hợp lý.

Pháp luật Việt Nam cũng có nhiều quy định để hỗ trợ, tạo điều kiện cho lao động nữ, như Luật Việc làm (2013), khẳng định chính sách của Nhà nước luôn “Hỗ trợ người sử dụng lao động sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật, lao động nữ, lao động là người dân tộc thiểu số” (Điều 5). Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (2013) có quy định miễn giảm thuế cho các doanh nghiệp sử dụng lao động nữ. Điều 15 của Luật này ghi: “Doanh nghiệp sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp bằng số chi thêm cho lao động nữ”. Đây là một cơ chế khuyến khích

các doanh nghiệp tuyển dụng nhiều lao động nữ, nhờ đó, cơ hội tham gia thị trường lao động việc làm của nữ giới được mở rộng hơn.

Trong lĩnh vực chính trị, Luật Tổ chức Quốc hội (2014), Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân (2015), Luật Tổ chức chính quyền địa phương (2019) là những văn bản pháp lý quy định về bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân. Các quy định chung liên quan đến bầu cử như nguyên tắc bầu cử, tuổi bầu cử và tuổi ứng cử, tiêu chuẩn của người ứng cử... đảm bảo nguyên tắc không có sự phân biệt đối xử về giới. Lần đầu tiên trong Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân (2015) đã quy định về tỷ lệ nữ trong danh sách chính thức những người ứng cử tại khoản 3, Điều 8: số lượng phụ nữ được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội do ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến trên cơ sở đề nghị của Đoàn Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, bảo đảm có ít nhất 35% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội là phụ nữ. Quy định này là một bước cụ thể hóa và là một bước tiến so với quy định được ban hành trong Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân (2003). Điều này cho thấy, Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm đến việc tạo cơ hội cho phụ nữ tham gia hoạt động chính trị, góp phần xây dựng đất nước. Luật Tổ chức Chính phủ (2019) khẳng định bảo đảm bình đẳng giới là một trong các nguyên tắc hoạt động của Chính phủ (tại Điều 5) cũng như quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ trong bảo đảm quyền bình đẳng nam nữ về chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội và gia đình (Điều 15).

Trong lĩnh vực y tế, Luật Khám bệnh, chữa bệnh (2023) quy định tại khoản 1, Điều 3: “Bình đẳng, công bằng và không kỳ thị, phân biệt đối xử đối với người bệnh”. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế (2014) quy định tại Điều 13: “Trong thời gian người lao động nghỉ việc hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về

bảo hiểm xã hội thì mức đóng hằng tháng tối đa bằng 6% tiền lương tháng của người lao động trước khi nghỉ thai sản và do tổ chức bảo hiểm xã hội đóng”. Nhìn chung, trong lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe, pháp luật Việt Nam rất chú trọng đến cơ hội bình đẳng cho các giới.

Trong lĩnh vực giáo dục, tại khoản 1, Điều 13 Luật Giáo dục (2019) quy định: “Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân. Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, đặc điểm cá nhân, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập”. Khoản 1, Điều 32 của Luật này khi đề cập sách giáo khoa giáo dục phổ thông cũng quy định: “...nội dung và hình thức sách giáo khoa không mang định kiến dân tộc, tôn giáo, nghề nghiệp, giới, lứa tuổi và địa vị xã hội”.

Nói tóm lại, dưới góc độ pháp lý, bình đẳng giới đã được Nhà nước thể chế hóa thành các chính sách và pháp luật, được tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ. Những thành tựu quan trọng trong việc thúc đẩy quyền của phụ nữ mà Việt Nam đã đạt được là xây dựng và ban hành các văn bản pháp quy thể hiện nguyên tắc về bình đẳng giới, không phân biệt đối xử theo quy định của Luật Bình đẳng giới năm 2006 và Công ước CEDAW, lồng ghép bình đẳng giới trong việc xây dựng và thực thi pháp luật, phản bác các luận điệu sai trái về bình đẳng giới ở Việt Nam./.

Chú thích:

(1) Trần Nhung: *Phê phán những quan điểm sai trái về bình đẳng giới*, thainguyen.gov.vn, ngày 04-3-2023.

(2) *Không thể phủ mờ những nỗ lực trong bảo đảm bình đẳng giới ở Việt Nam*, cand.vn, ngày 06-3-2023.

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA ĐỘI NGŨ HỌC VIÊN HỆ ĐÀO TẠO TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TẠI CÁC TRƯỜNG CHÍNH TRỊ CẤP TỈNH TRONG BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG



ThS. NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

Trưởng Khoa Xây dựng Đảng

Tóm tắt: Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là nhiệm vụ có tính lâu dài, đòi hỏi phải được thực hiện thường xuyên, liên tục, sử dụng lực lượng tổng hợp từ cán bộ, đảng viên, nhân dân. Với chức năng, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cấp cơ sở, trường chính trị cấp tỉnh cần đẩy mạnh lồng ghép các nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng vào hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học, phát huy vai trò của đội ngũ học viên trong việc tham gia thực hiện nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng hiện nay.

Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị khóa XII về “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới” nêu rõ: Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là bảo vệ Đảng, bảo vệ Cương lĩnh chính trị, đường lối lãnh đạo của Đảng; bảo vệ nhân dân, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Đó là nội dung cơ bản, hệ trọng, sống còn của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, trong đó các cơ quan bảo chí tuyên truyền các cấp là nòng cốt; là công

việc tự giác, thường xuyên của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể chính trị - xã hội các cấp; của từng địa phương, cơ quan, đơn vị, của cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu”(1).

Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là đòi hỏi khách quan, là nhiệm vụ vừa cấp bách trước mắt, vừa thường xuyên, cơ bản, lâu dài, “phải sử dụng tổng hợp các lực lượng, các biện pháp, các hình thức chống lại sự xuyên tạc, phá hoại và cả những nhận thức sai trái của các lực lượng bên ngoài và bên trong nhằm giữ gìn bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giữ vững vai trò nền tảng tư tưởng của Đảng và vai trò chủ đạo của nền tảng tư tưởng này trong đời sống tinh thần của xã hội”(2).

Trường chính trị cấp tỉnh là đơn vị sự nghiệp trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp và thường xuyên của ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, có chức năng tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp cơ sở, cán bộ, công chức, viên chức ở địa phương về lý luận chính trị - hành chính; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiến thức và chuyên môn, nghiệp vụ về công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; kiến thức về một số lĩnh vực khác; tham gia tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương.

Trường chính trị cấp tỉnh có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của Đảng, chính quyền, các đoàn thể chính trị - xã hội cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn và các đơn vị tương đương); trưởng, phó phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện và tương đương; trưởng, phó phòng của sở, ban, ngành, các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; cán bộ được quy hoạch vào các chức danh trên; cán bộ, công chức, viên chức cấp cơ sở và một số đối tượng khác về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiến thức về một số lĩnh vực khác; đào tạo trung cấp lý luận chính trị - hành chính theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương; bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước cho các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương; kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch cán sự và tương đương, ngạch chuyên viên và tương đương, ngạch chuyên viên chính

và tương đương; bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ cho các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý; cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ của các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội cấp cơ sở. Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, cấp huyện; bồi dưỡng các chương trình khác do cấp có thẩm quyền giao; phối hợp với ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy và các cơ quan liên quan hướng dẫn và bồi dưỡng nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy cho đội ngũ giảng viên của trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện; tham gia tổng kết thực tiễn ở địa phương, cơ sở, tổ chức nghiên cứu khoa học phục vụ giảng dạy, học tập; đào tạo, bồi dưỡng cho các đối tượng khác theo chỉ đạo của tỉnh ủy, thành ủy.

Căn cứ Quy định số 57-QĐ/TW, ngày 08/02/2022 của Ban Bí thư Trung ương về đối tượng, tiêu chuẩn và phân cấp đào tạo lý luận chính trị, đối tượng đào tạo trung cấp lý luận chính trị bao gồm: (1) Cán bộ, công chức, viên chức: Cấp ủy viên cấp xã; chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; cấp trưởng, cấp phó Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; Phó trưởng phòng và cấp phó các đơn vị tương đương cấp phòng của cấp huyện, cấp tỉnh; phó ban (đơn vị tương đương cấp ban) trực thuộc các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước; Quy hoạch phó trưởng phòng (các đơn vị tương đương cấp phòng) ở Trung ương; Cán bộ quy hoạch những chức vụ trên. (2) Cán bộ quân đội; Chỉ huy trưởng ban chỉ huy quân sự cấp xã, chỉ huy cấp tiểu đoàn; phó chỉ huy trưởng, phó tham mưu trưởng, chính trị viên, phó ban chỉ huy quân sự cấp huyện; phó tham mưu trưởng, phó chủ nhiệm chính trị trung đoàn; lãnh đạo

phòng (ban) cấp lữ đoàn, sư đoàn, bộ chỉ huy quân sự, bộ chỉ huy bộ đội biên phòng cấp tỉnh (tương đương). Cán bộ quy hoạch những chức vụ trên. (3) Cán bộ công an: Đội trưởng, trưởng công an cấp xã, tiểu đoàn trưởng, phó đội trưởng, phó trưởng công an cấp xã, phó tiểu đoàn trưởng và tương đương; phó trưởng phòng, phó trưởng công an cấp huyện, phó trung đoàn trưởng và tương đương. Cán bộ quy hoạch những chức vụ trên. (4) Cán bộ có đủ 6 năm giữ ngạch, bậc chuyên viên và tương đương; chức danh, vị trí việc làm theo quy định phải có trình độ trung cấp lý luận chính trị và trong dự nguồn ngạch trung cấp (tương đương). Cũng theo Quy định số 57-QĐ/TW, ngoài một số học viện, trường của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đào tạo trung cấp lý luận chính trị cho cán bộ lực lượng vũ trang, đối tượng học viên đào tạo chương trình trung cấp lý luận chính trị là cán bộ của địa phương và của các ban, bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương làm việc trên địa bàn được phân cấp thuộc thẩm quyền của các trường chính trị cấp tỉnh.

Như vậy, có thể thấy, học viên hệ đào tạo trung cấp lý luận chính trị là lực lượng đông đảo, nắm giữ các chức vụ quan trọng trong hệ thống chính trị với một số đặc thù cơ bản như sau:

Một là: Học viên hệ đào tạo trung cấp lý luận chính trị là chủ thể trong tuyên truyền, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên, đồng thời cũng là chủ thể trong việc đánh giá, nắm bắt tình hình thực tiễn ở địa phương để từ đó đề ra kế hoạch, biện pháp đúng đắn, thiết thực, khả thi, phù hợp để tổ chức thực hiện; là người trực tiếp tuyên truyền phổ biến, vận động và tổ chức nhân dân thực hiện đường lối,

chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trên địa bàn dân cư, vừa trực tiếp giải quyết các nhu cầu, nguyện vọng của Nhân dân, bảo đảm sự phát triển kinh tế của địa phương, duy trì trật tự, an ninh, an toàn xã hội ở cơ sở.

Hai là: Học viên hệ đào tạo trung cấp lý luận chính trị là lực lượng giữ vai trò quyết định năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, năng lực quản lý, điều hành của chính quyền cơ sở. Mọi đường lối chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước có thể thành hiện thực hay không nhất thiết phải thông qua phong trào cách mạng của quần chúng. Tuy nhiên, các phong trào của quần chúng nếu không có sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước rất dễ hoặc là lệch hướng chính trị hoặc là hiệu quả không cao do mang tính chất tự phát. Do vậy, để phong trào hoạt động có hiệu quả, đội ngũ cán bộ cơ sở phải thực sự là “thủ lĩnh”, có khả năng tổ chức, lôi cuốn, phát động phong trào, có khả năng theo dõi, kiểm tra và nhân rộng các phong trào tốt, những cá nhân điển hình, tiên tiến, biết khai thác tối đa nguồn lực vật chất, tinh thần nội lực ở cơ sở. Hiệu lực của bộ máy quyền lực ở cơ sở, sức mạnh của hệ thống chính trị, sự ổn định của xã hội, sự phát triển sâu rộng và hiệu quả của phong trào cách mạng của quần chúng luôn gắn liền với năng lực, phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ cơ sở.

Từ vị trí, vai trò, yêu cầu, nhiệm vụ và những đặc thù cơ bản như trên, việc phát huy vai trò của đội ngũ học viên hệ đào tạo Trung cấp lý luận chính trị tại các Trường chính trị cấp tỉnh trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng có một số thuận lợi cơ bản sau:

Thứ nhất, xét chức năng, nhiệm vụ, trường chính trị cấp tỉnh là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn; tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng các nội dung cơ sở lý luận và thực tiễn của công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; tổ chức các hoạt động đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận. Đội ngũ giảng viên các trường chính trị cấp tỉnh có nhiệm vụ lồng ghép các nội dung của Nghị quyết số 35-NQ/TW vào các chuyên đề, bài giảng nhằm giáo dục, tuyên truyền, nâng cao ý thức, trách nhiệm của học viên trong việc tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Các lớp trung cấp lý luận chính trị là môi trường chính trị - xã hội, là tổ chức lý tưởng để mở rộng lực lượng làm công tác chính trị, tư tưởng.

Thứ hai, xét về nội dung, Chương trình Trung cấp lý luận chính trị được Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh biên soạn, với khối kiến thức về lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh; khối kiến thức về vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn chính trị - xã hội nước ta nói chung, địa phương, cơ sở nói riêng. Đây là một cấu trúc chương trình rất logic, từ những nội dung nền tảng tư tưởng của Đảng đến quan điểm, sự vận dụng nền tảng tư tưởng lý luận chính trị vào giải quyết các yêu cầu, các vấn đề cụ thể của đời sống chính trị xã hội. Thời gian đào tạo của toàn thể chương trình là 1056 tiết (bao gồm 40 tiết đi nghiên cứu thực tế để làm rõ hơn các vấn đề lý luận). Các chuyên đề được biên soạn công phu, giảng viên, học viên có thời gian đủ để nghiên cứu, trao đổi, thảo luận, đi sâu vào các nội dung lý luận và thực tiễn, giúp nâng cao nhận thức.

Thứ ba, xét về trách nhiệm, cán bộ, đảng viên, giảng viên, học viên các lớp trung cấp lý luận chính trị có nhiệm vụ làm công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của đảng, cổ vũ, động viên các phong trào của quần chúng nhân dân, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Việc tổ chức dạy - học lý luận chính trị và thảo luận là phương thức tốt để phát huy vai trò của giảng viên (lý luận) với phát huy vai trò học viên (thực tế) để xây dựng các giải pháp thiết thực trong lồng ghép, nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng phải sử dụng tổng hợp các lực lượng, các biện pháp, các hình thức để chống lại sự xuyên tạc, phá hoại, những nhận thức sai trái của các lực lượng thù địch bên ngoài và cả sự suy thoái bên trong nhằm giữ gìn bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giữ vững vai trò nền tảng tư tưởng của Đảng và vai trò chủ đạo của nền tảng tư tưởng này trong đời sống tinh thần của xã hội. Học viên trung cấp lý luận chính trị là lực lượng quan trọng, phù hợp để tăng cường chất lượng công tác tư tưởng trong nhân dân. Do vậy, yêu cầu đặt ra đối với người học viên trong quá trình học không chỉ nắm vững lý luận chính trị, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh mà còn phải có tư duy sáng tạo, vận dụng lý luận vào thực tiễn một cách hiệu quả, tích cực tham gia công cuộc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ toàn diện cả về lý luận chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, năng lực thực tiễn là một sự nghiệp lớn của Đảng, Nhà nước. Để phát huy vai trò của đội ngũ học viên hệ đào tạo Trung cấp lý luận chính trị trong bảo

vệ nền tảng tư tưởng của Đảng một cách hiệu quả, trước mắt cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

Thứ nhất, các cơ quan lý luận của Đảng cần tiếp tục nghiên cứu một cách sâu sắc, toàn diện về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tiếp tục khẳng định những giá trị cốt lõi, trường tồn, những vấn đề cần bổ sung, phát triển do thực tiễn mới đặt ra. Từ đó, tiếp tục hoàn thiện hệ thống lý luận thật sự sắc bén, thuyết phục và đủ khả năng đứng vững trước mọi luận điệu, âm mưu, thủ đoạn, tính chất phản khoa học, phi lịch sử,... của các thế lực thù địch. Cần đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, bổ sung, phát triển và hoàn thiện lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Thứ hai, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và các đơn vị đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cơ sở cần thường xuyên đổi mới chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; chỉnh lý, rà soát bổ sung giáo trình trung cấp lý luận chính trị theo hướng tinh, gọn; khắc phục các nội dung trùng lặp giữa các chuyên đề, các phần học; chủ trì tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng sử dụng các phương pháp giảng dạy lý luận chính trị cho đội ngũ giảng viên; tập huấn về phương pháp tích hợp các nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng vào chương trình trung cấp lý luận chính trị. Đồng thời, cần nghiên cứu, tham mưu Ban Bí thư ban hành các chính sách đãi ngộ đối với giảng viên, học viên để khuyến khích trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ, phát triển tính sáng tạo của người dạy, người học, nâng cao chất lượng dạy - học.

Thứ ba, đội ngũ giảng viên các trường chính trị cấp tỉnh cần nắm vững hơn, sâu sắc hơn và bao quát hơn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng sáng tạo lý luận vào thực tiễn cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử. Chú trọng xây dựng kế hoạch cập nhật đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Chủ động nghiên cứu, vận dụng, đổi mới phương pháp giảng dạy, các hình thức kiểm tra, đánh giá người học sáng tạo, thiết thực. Tăng cường đi nghiên cứu thực tế, nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu khoa học theo hướng tập trung làm sáng tỏ nội dung lý luận các bộ môn, các chuyên đề; nghiên cứu những nội dung đang bị các thế lực thù địch xuyên tạc, chống phá để xây dựng hệ thống luận điểm, luận cứ phản bác hiệu quả, thuyết phục.

Thứ tư, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất hiện đại, thiết bị phù hợp với các tiêu chuẩn dạy - học - nghiên cứu trong môi trường số, trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0. Các chế độ tài chính phục vụ nghiên cứu, học tập lý luận chính trị cần được xem xét đến tính đặc thù để có các chính sách phù hợp, thiết thực, tạo động lực góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong đội ngũ giảng viên, học viên các trường chính trị cấp tỉnh./.

Chú thích:

(1)(2) Sổ tay công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, trg 13, 17

ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, XUYÊN TẠC VỀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM



ThS. PHAN THỊ ÁI VÂN

Khoa Lý luận cơ sở

Tóm tắt: Đối với các thế lực thù địch, tôn giáo là cái “có” để khai thác, nhằm xuyên tạc để chống phá Đảng, chế độ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, phá hoại đoàn kết tôn giáo, gây chia rẽ, kích động hận thù hoặc tạo tâm lý hoang mang, lo lắng, gây tư tưởng chia rẽ, bạo loạn... Những năm gần đây, một trong những chiêu bài thường được các thế lực thù địch, phản động sử dụng là đăng tải, công bố các thông tin phiến diện, lệch lạc, thù địch, xuyên tạc về tình hình tự do tôn giáo ở Việt Nam. Vì vậy, đấu tranh trên lĩnh vực này là nhiệm vụ thường xuyên, có ý nghĩa quan trọng, góp phần giúp cộng đồng trong nước và quốc tế nắm rõ, nhận thức đúng đắn về tình hình tự do tôn giáo và pháp luật về tôn giáo ở Việt Nam.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng và Nhà nước ta luôn xác định công tác tôn giáo là vấn đề chiến lược có ý nghĩa rất quan trọng. Trong cách mạng dân tộc dân chủ, chính sách “tín ngưỡng, tự do, lương giáo đoàn kết” do Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra đã góp phần to lớn vào sự nghiệp giành độc lập thống nhất hoàn toàn cho đất nước. Năm 1990, Bộ Chính trị (khóa VI) ra Nghị quyết 24/NQ-TW, ngày 16/10/1990 về công tác tôn giáo, xác định “Tôn giáo là vấn đề còn tồn tại lâu dài. Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới”. Năm 2003, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) ban hành Nghị quyết số 25/NQ-TW, ngày 12/3/2003 về công tác tôn giáo. Nghị quyết thể hiện rõ bước phát triển tư duy lý luận của Đảng về vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; là cơ sở cho việc hoàn thiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh

hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của đồng bào có đạo và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

Thực hiện Nghị quyết của Đảng, công tác vận động đồng bào có đạo, các tín đồ, chức sắc hưởng ứng tham gia phong trào thi đua yêu nước, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc đạt được nhiều tiến bộ. Đồng bào các tôn giáo đã có những đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhìn chung, các tổ chức tôn giáo đã xây dựng đường hướng hành đạo, hoạt động theo pháp luật; các tôn giáo được Nhà nước công nhận đã hành đạo gắn bó với dân tộc, tập hợp đông đảo tín đồ trong khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng cuộc sống tốt đời, đẹp đạo, góp phần vào công cuộc đổi mới đất nước. Các ngành, các cấp đã chủ động, tích cực thực hiện các chủ trương, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội và giữ vững an ninh chính trị ở các vùng đồng bào tôn giáo, đồng thời đấu tranh ngăn chặn, làm thất bại những hoạt động lợi dụng tín

ngưỡng, tôn giáo để hoạt động chống phá Đảng và Nhà nước.

Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay hoạt động tôn giáo còn có những diễn biến phức tạp, tiềm ẩn những nhân tố có thể gây mất ổn định. Một số người chưa tuân thủ pháp luật, còn tổ chức truyền đạo trái phép; lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hành nghề mê tín dị đoan. Việc khiếu kiện và tranh chấp liên quan đến đất đai và cơ sở vật chất của tôn giáo ở một số nơi có biểu hiện gia tăng, có nơi gay gắt, phức tạp. Ở một số nơi, nhất là ở vùng dân tộc thiểu số, một số người đã lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để tiến hành những hoạt động chống đối, kích động tín đồ nhằm phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất ổn định chính trị. Qua nghiên cứu thực tiễn cho thấy, việc các thế lực thù địch lợi dụng tôn giáo để chống phá cách mạng nước ta có những đặc điểm sau:

Trước hết, sự đối lập về thế giới quan của tôn giáo và thế giới quan duy vật biện chứng trong nền tảng tư tưởng của Đảng là cơ sở để chúng lợi dụng, khoét sâu mâu thuẫn giữa chế độ xã hội chủ nghĩa với tôn giáo. Tính chất duy tâm, thần bí của tôn giáo đối lập với khoa học, thế giới quan duy vật biện chứng của hệ tư tưởng Mác - Lênin. Lợi dụng sự đối lập này, các thế lực thù địch đi sâu tuyên truyền, gieo rắc tâm lý cho rằng, chủ nghĩa xã hội không chấp nhận tôn giáo, xóa bỏ tôn giáo, từ đó tạo ra khoảng cách, sự đối kháng giữa tôn giáo với đời sống hiện thực xã hội chủ nghĩa để kích động tôn giáo chống lại Đảng, Nhà nước và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Đồng thời, tiến hành các hoạt động nhằm thực hiện âm mưu hình thành “Ủy ban liên tôn đấu tranh đòi quyền tự do tôn giáo”, thành lập tổ chức “Liên tôn chống cộng”.

Thứ hai, lợi dụng về đức tin và sự gắn kết cộng đồng của tôn giáo nhằm lôi kéo,

tập hợp lực lượng chống phá cách mạng nước ta. Mục tiêu chỉ được chuyển hóa thành kết quả khi có lực lượng thực hiện. Vì thế, các thế lực thù địch đã coi tôn giáo là chiêu bài để lợi dụng, tập hợp lực lượng chống phá cách mạng, chia rẽ các tôn giáo với nhau, chia rẽ người có tôn giáo với người không có tôn giáo, nhằm phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Sự gắn kết này tạo ra sức mạnh to lớn của một cộng đồng người và nó khác biệt với các cộng đồng người khác do tín ngưỡng, dẫn đến chia rẽ, mâu thuẫn trong cộng đồng dân cư, giữa người có đạo và không có đạo. Nguy hiểm hơn là khi khối cộng đồng người này bị mê hoặc, cuồng tín và hoạt động theo phản xạ tự nhiên, không tuân thủ chính sách tôn giáo của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện vô điều kiện theo sự chỉ đạo của bọn chủ mưu.

Thứ ba, tận dụng những bất cập, sơ hở của các cấp chính quyền trong quản lý, tổ chức thực hiện chính sách tôn giáo để kích động quần chúng gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội tại các địa phương. Điển hình là việc xả thải gây ô nhiễm môi trường của Công ty Formosa (Hà Tĩnh), giải tòa đền bù đất tại 42 Nhà Chung, Nhà thờ Thái Hà, dựng thánh giá, nhà nguyện trái phép ở giáo xứ Đồng Chiêm (Hà Nội), Đồng Hới (Quảng Bình), giải tòa Chùa Liên Trì (Thành phố Hồ Chí Minh) và gần đây là các vụ việc phức tạp tại giáo phận Vinh, Kon Tum,... Được sự hậu thuẫn của các thế lực thù địch trong và ngoài nước, một số linh mục, chức sắc tôn giáo lợi dụng đức tin của các tín đồ đã tuyên truyền, xuyên tạc hết sức phản động về Đảng, chế độ, chính quyền các cấp; ngang nhiên phát thư ngỏ trên mạng xã hội, kêu gọi, kích động giáo dân chặn đường giao thông, biểu tình, gây rối, đập phá tài sản và tấn công lực lượng chức năng. Có người cho rằng, đây chỉ là những hành động, việc

làm đơn giản, bột phát nhất thời, nhưng thực chất phía sau là cả những ý đồ đen tối, kế hoạch hết sức sâu xa, nham hiểm, được tính toán kỹ lưỡng, nhằm gây tiếng vang, tạo cớ, can thiệp vào các vấn đề dân chủ, nhân quyền... Do vậy, chúng ta cần hết sức cảnh giác, thận trọng, tỉnh táo, xử lý mềm dẻo, linh hoạt, uyển chuyển, bảo đảm đúng pháp luật, phù hợp với đặc điểm, giáo lý, giáo luật tôn giáo và không để mắc mưu kẻ địch.

Thứ tư, dựa vào đặc điểm địa lý, điều kiện khó khăn về kinh tế, văn hóa, xã hội ở các vùng dân tộc thiểu số để phát triển tôn giáo, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, song hiện nay đang có sự phát triển không đều về kinh tế, văn hóa, xã hội giữa các vùng miền. Trình độ dân trí, đời sống vật chất, tinh thần giữa thành thị với nông thôn, miền xuôi với miền núi, vùng có đạo và không có đạo còn có sự chênh lệch. Các dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng núi cao, địa bàn có vị trí chiến lược nhưng điều kiện kinh tế - xã hội còn hết sức khó khăn. Đây là “mảnh đất màu mỡ” để các thế lực thù địch phát triển tôn giáo. Theo thống kê, từ năm 1980 đến nay, nước ta có khoảng 80 “tôn giáo mới”, hiện tượng tôn giáo mới, đạo lạ, tà đạo với nhiều nguồn gốc khác nhau, như: Tà đạo Hà Môn, Pokháp Brâu, Dương Văn Minh, “Tâm linh Hồ Chí Minh”, Long Hoa Di Lặc, Hội thánh đức chúa trời mẹ,... Những thứ gọi là “tôn giáo” này hình thành trên cơ sở tiếp thu giáo lý của các tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống với hình thức lắp ghép hỗn dung và thoát khỏi phạm vi ảnh hưởng của tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống. Trong đó, nhiều tôn giáo được tổ chức nhằm lôi kéo, tập hợp quần chúng nhân dân chống phá cách mạng, gây rối trật tự, an ninh xã hội, như: “Tà đạo Vàng Chử”, “Hội thánh đức chúa trời mẹ”, “Pháp luân công”. Nguy hiểm

hơn, chúng còn lôi kéo, lập ra một số loại hình tôn giáo riêng cho người dân tộc thiểu số, như: “Tin lành Đê ga” ở Tây Nguyên; “Phật giáo riêng của người Khơme”,... nhằm “tôn giáo hóa” vùng dân tộc thiểu số, tập hợp lực lượng, khống chế quần chúng, kích động biểu tình, phá rối an ninh, bạo loạn, gây mất ổn định chính trị - xã hội, hình thành lực lượng đối trọng với chính quyền và cao hơn là gây mâu thuẫn, xung đột dân tộc, tôn giáo tại các địa bàn chiến lược Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, tiến tới phá vỡ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trước diễn biến tình hình âm mưu hoạt động lợi dụng tôn giáo của các thế lực thù địch diễn biến phức tạp gia tăng, cấp ủy chính quyền các cấp và các ngành chức năng đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và có nhiều giải pháp để phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh có hiệu quả.

Nguyên nhân tình hình trên trước hết là do công tác tôn giáo chậm đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, trong khi các thế lực thù địch ráo riết tranh thủ, giành giật, lôi kéo quần chúng tín đồ, chức sắc tôn giáo. Một số cấp ủy, chính quyền các cấp, một số cán bộ có trách nhiệm chưa nhận thức, quán triệt đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về tôn giáo. Có nơi chủ quan, nóng vội trong giải quyết nhiều vấn đề liên quan đến tôn giáo; có nơi lại hữu khuynh, thụ động, buông lỏng quản lý. Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với tín ngưỡng, tôn giáo chậm được thể chế hóa. Tổ chức, bộ máy làm công tác tôn giáo của hệ thống chính trị, nhất là bộ máy quản lý nhà nước về tôn giáo chưa xác định rõ được mô hình, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ chế phối hợp, thiếu sự quan tâm đầu tư bảo đảm các điều kiện hoạt động; đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo và hệ thống chính trị cơ sở ở các vùng đông tín đồ tôn giáo, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số còn yếu, việc

tập hợp quần chúng còn hạn chế.

Hiện nay các thế lực thù địch đang tiếp tục thực hiện âm mưu chiến lược “diễn biến hòa bình”, vì vậy phải nắm bắt được âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng tôn giáo chống phá cách mạng nước ta; tập trung xây dựng, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết lương - giáo để thực hiện tốt công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Do vậy, chúng ta cần quán triệt, thực hiện và kiên quyết đấu tranh với những luận điệu sai trái, thù địch, nhất là các luận điệu vu khống, xuyên tạc của các thế lực thù địch, cho rằng Đảng, Nhà nước ta kỳ thị tôn giáo. Trên cơ sở nhận diện rõ những thủ đoạn lợi dụng tôn giáo để chống phá cách mạng nêu trên, thời gian tới, để tiếp tục đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn đó của các thế lực thù địch, chúng ta cần tập trung thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho mọi tầng lớp nhân dân về quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo, nhất là Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị nên việc nắm vững quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật về tôn giáo của Đảng và Nhà nước là yêu cầu bắt buộc đối với mọi tầng lớp nhân dân. Mọi tầng lớp nhân dân cần phải nhận thức sâu sắc vai trò, trách nhiệm trong cuộc đấu tranh phê phán các luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tôn giáo; hiểu đúng, làm đúng quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật về tôn giáo của Đảng và Nhà nước, nắm vững nguyên tắc cốt lõi và nhất quán trong việc tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo và tự do không tín ngưỡng tôn giáo của người dân, nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng. Hiểu đúng,

làm đúng để các thế lực thù địch không có cơ hội tìm kiếm, khai thác, lợi dụng những sơ hở, thiếu sót của một số ít cá nhân cán bộ, đảng viên trong giải quyết các vấn đề tôn giáo ở cơ sở để cáo buộc Việt Nam vi phạm dân chủ, nhân quyền; lấy cái thiếu sót của cá thể nhỏ bé để đại diện cho cái tổng thể to lớn rồi tuyên truyền, xuyên tạc đường lối, quan điểm của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo; xuyên tạc ta đang bóp nghẹt tôn giáo, hạn chế hoạt động tôn giáo.

Thứ hai, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác tôn giáo. Mỗi cấp ủy đảng, theo phân cấp, phân quyền, chức năng, nhiệm vụ của mình cần làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền và cấp ủy cấp dưới thực hiện tốt các nội dung công tác tôn giáo. Trước hết là tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo nhằm bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của một bộ phận quần chúng nhân dân, bảo đảm các tôn giáo bình đẳng, các tôn giáo đoàn kết trong khối đại đoàn kết toàn dân, các tôn giáo hoạt động bình thường theo quy định của Hiến pháp và pháp luật; tiếp đến, tăng cường rà soát văn bản quy phạm pháp luật và văn bản chứa đựng quy phạm pháp luật liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo nhằm hệ thống hóa văn bản pháp luật phù hợp với yêu cầu mới của thực tiễn.

Thứ ba, thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về tôn giáo. Ban Tôn giáo Chính phủ cần tham mưu cho Chính phủ tiếp tục hoàn thiện các quy phạm pháp luật về tôn giáo, đặc biệt là xử lý vi phạm liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo; đồng thời ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn Sở Nội vụ triển khai có hiệu quả chính sách,

Xem tiếp trang 56

ĐẤU TRANH, PHẢN BÁC MỘT SỐ LUẬN ĐIỀU XUYỀN TẠC CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH



ThS. NGUYỄN HÀ GIANG

Khoa Nhà nước và pháp luật

Tóm tắt: Hiện nay, các thể lực thù địch, phản động tìm mọi thủ đoạn xuyên tạc về tư tưởng Hồ Chí Minh và công lao to lớn của Người đối với thắng lợi cách mạng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Chúng đưa ra nhiều quan điểm sai trái hòng xóa bỏ tư tưởng của Người và hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng ta với tiến trình phát triển đất nước. Vì vậy, nhiệm vụ quan trọng hiện nay của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân là đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc bằng lý luận và thực tiễn để chứng minh tính đúng đắn của tư tưởng Hồ Chí Minh và việc vận dụng tư tưởng của Người vào tiến trình phát triển đất nước.

Thế giới đã ghi nhận Chủ tịch Hồ Chí Minh là anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa kiệt xuất của nhân loại, Người “đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hoà bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội”¹. Cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại một thời đại đó là thời đại Hồ Chí Minh, một thời đại rực rỡ, quang vinh nhất của lịch sử dân tộc là độc lập tự do của Tổ quốc và kỷ nguyên chủ nghĩa xã hội của đất nước; một di sản cao quý đó là tư tưởng, tấm gương sáng ngời, phẩm chất đạo đức cách mạng cao đẹp suốt đời hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và phần đầu quên mình vì Nhân dân.

Hiện nay, trong khi toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đang ra sức học tập và làm

theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thì các lực lượng phản động, cơ hội bất mãn chính trị, trong đó có cả một bộ phận cán bộ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” đã dùng nhiều thủ đoạn bóp méo sự thật, xuyên tạc hình ảnh và tư tưởng của Người hòng thay đổi cục diện, xuyên tạc, đòi xóa bỏ nền tảng tư tưởng của Đảng. Họ cho rằng tư tưởng Hồ Chí Minh là sự sao chép tư tưởng ngoại lai vào Việt Nam; rêu rao tư tưởng Hồ Chí Minh đi trên cổ xe nho giáo đến với chủ nghĩa Mác - Lênin; họ còn cho rằng tư tưởng Hồ Chí Minh là giáo điều, sao chép máy móc chủ nghĩa Mác - Lênin đã bị lỗi thời nên không phù hợp với thực tiễn Việt Nam và đưa ra nhiều luận điệu hòng tách rời mối quan hệ biện chứng giữa tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lênin; họ còn đưa ra các luận điệu xuyên tạc đối lập với tư tưởng của Người nhằm thay đổi tư

tưởng của người dân Việt Nam về vị lãnh tụ kiệt xuất của dân tộc.

Tuy nhiên, thực tiễn cách mạng Việt Nam đã chứng minh rằng nếu Chủ tịch Hồ Chí Minh sao chép chủ nghĩa Mác - Lênin hay đi trên cổ xe Nho giáo thì không thể có thắng lợi của cách mạng Việt Nam và cả quá trình phát triển của Việt Nam như ngày nay. Đảng ta khẳng định: Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà tư tưởng, nhà lý luận vĩ đại và hệ thống tư tưởng của Người được kết tinh từ các tầng giá trị đó là tầng giá trị tư tưởng lý luận về chủ nghĩa Mác - Lênin dựa trên nền tảng triết học mác xít; tầng giá trị về hoạt động thực tiễn thế giới và Việt Nam; tầng giá trị tư tưởng của bậc đại nhân, đại trí, đại dũng... Tất cả đã chứng minh Hồ Chí Minh là nhà tư tưởng, nhà lý luận lỗi lạc.

Hiện nay, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đang tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đây là nhiệm vụ quan trọng nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong Đảng, hệ thống chính trị và nhân dân; là một nội dung quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Đề đầu tranh phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch về tư tưởng Hồ Chí Minh một cách có hiệu quả, cần tập trung thực hiện một số nội dung sau:

Thứ nhất: Bằng luận cứ khoa học, tiếp tục khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta. Phải khẳng định rằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Tư tưởng của C.Mác về chủ nghĩa xã hội khoa học hình thành

từ giữa thế kỷ XIX, khi chủ nghĩa tư bản đang ở giai đoạn tự do cạnh tranh. Từ thực tiễn phát triển của xã hội C. Mác đã đưa ra những dự báo về phát triển của xã hội trong tương lai, về chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. Đến thời đại của V.I.Lênin, khi đó chủ nghĩa tư bản đã phát triển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc, V.I.Lênin đã tiếp tục phát triển chủ nghĩa Mác, hiện thực hoá chủ nghĩa xã hội bằng việc lãnh đạo cách mạng vô sản ở nước Nga thành công. Là học trò xuất sắc của C.Mác và V.I.Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện giải quyết vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp ở một nước thuộc địa nửa phong kiến.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, bằng trí lực, tâm lực, bằng lý luận khoa học và thực tiễn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tập trung giải quyết những vấn đề của cách mạng thuộc địa. Người đã đưa ra luận điểm “con rắn” để nói về chủ nghĩa đế quốc và tính chất nguy hại khi nọc độc của chủ nghĩa đế quốc đang tập trung ở thuộc địa. Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh đã phát triển quan điểm của Lênin về chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa tư bản khi đưa ra luận điểm “con đĩa hai vôi” để nói lên tính chất, phương thức bóc lột của chủ nghĩa đế quốc. Theo Người, chủ nghĩa đế quốc như “con đĩa hai vôi”, một vôi hút máu giai cấp vô sản chính quốc, một vôi hút máu giai cấp vô sản và nhân dân lao động thuộc địa, vì vậy, muốn giết chết con đĩa đế quốc, phải đồng thời chặt đứt hai vôi của nó. Luận điểm này cũng khẳng định tính tất yếu của mối quan hệ giữa cách mạng vô sản ở chính quốc với cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Những luận điểm nêu trên cho thấy, bằng việc đưa ra các luận điểm mới phù hợp với điều kiện tình hình cụ thể của cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có vận dụng sáng tạo chủ

ngĩa Mác – Lênin, không khiên cưỡng, sao chép máy móc như những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch.

Hai là: Tiếp tục nâng cao nhận thức cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân về tầm quan trọng của việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc đấu tranh chống các luận điệu xuyên tạc về tư tưởng của Người, tư tưởng của Đảng ta. Tập trung tuyên truyền, giáo dục toàn Đảng, toàn quân, toàn dân nhận thức rõ việc đấu tranh chống các luận điệu xuyên tạc là nhiệm vụ chính trị quan trọng của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân và cả hệ thống chính trị. Trong đó, tăng cường giáo dục, tuyên truyền cho cán bộ, đảng viên thông qua Nghị quyết, chỉ thị của Đảng về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các chủ đề học tập toàn khóa hay hằng năm. Tuyên truyền cho nhân dân, nhất là thế hệ trẻ nhận thức rõ âm mưu, thủ đoạn và các luận điểm sai trái mà các thế lực thù địch, phản động đang sử dụng để xuyên tạc quan điểm của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm tăng cường sức đề kháng cho tầng lớp nhân dân trước những thông tin xấu độc, xuyên tạc trên các nền tảng hiện nay.

Ba là: Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn, các luận điệu xuyên tạc về tư tưởng Hồ Chí Minh. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, trong đó cần phải dựa vào dân, lấy dân làm gốc, bởi nhân dân là trung tâm, là chủ thể rộng lớn trong xã hội. Bên cạnh đó, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động, nhất là trong thanh thiếu niên, vùng dân tộc thiểu

số, khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng biển, đảo.

Bốn là: Kiên quyết xử lý nghiêm minh các đối tượng có hành vi sai trái, xuyên tạc về Chủ tịch Hồ Chí Minh và tư tưởng của Người. Trước hết kịp thời cập nhật thông tin, đưa tin chính xác và cụ thể về những đối tượng xuyên tạc, có hành vi sai trái để định hướng dư luận, tránh thông tin thật, giả lẫn lộn, mập mờ; xử lý các đối tượng đăng tải, chia sẻ các bài viết, video, hình ảnh có nội dung tuyên truyền, bôi nhọ, xuyên tạc về Chủ tịch Hồ Chí Minh và tư tưởng của Người. Thiết lập các trang website, fanpage, tài khoản chính thống để huy động cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch trên nền tảng internet và mạng xã hội tạo ra thế trận rộng khắp.

Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động bảo vệ tư tưởng Hồ Chí Minh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên, quan trọng của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân và của cả hệ thống chính trị. Ngày nay, các thế lực thù địch, phản động không từ bỏ âm mưu, thủ đoạn hòng xóa bỏ nền tảng tư tưởng của Đảng, tiến tới làm thay đổi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Vì vậy, chúng ta cần hết sức cảnh giác, kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của chúng để bảo vệ Đảng, bảo vệ tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới./.

Chú thích:

1. Học tập đạo đức Hồ Chí Minh, NXBCTQG - 2007, tr5

NÂNG CAO KỸ NĂNG HOẠT ĐỘNG CHO ĐẠI BIỂU HĐND CẤP XÃ GÓP PHẦN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN HÀ TĨNH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



ThS. NGUYỄN TRỌNG VINH

Trường khoa Nhà nước và pháp luật

Tóm tắt. Hội đồng nhân dân (HĐND) là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng, quyền làm chủ của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan Nhà nước cấp trên. Chức năng của HĐND bao gồm quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương và giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước khác tại địa phương theo quy định của pháp luật. Đại biểu HĐND là nhân tố quyết định cho việc thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của HĐND. Để thực hiện tốt vai trò là người đại biểu của Nhân dân, bảo vệ các quyền lợi ích chính đáng của Nhân dân, ngoài năng lực, trình độ, phẩm chất, bản lĩnh, kỹ năng hoạt động là một đòi hỏi hết sức cần thiết của mỗi người đại biểu dân cử.

Đại biểu HĐND là nhân tố cơ bản cấu thành cơ quan dân cử, cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, được nhân dân tín nhiệm và ủy thác, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân địa phương nơi mình được bầu. Với trọng trách và sứ mệnh thiêng liêng đó, để hoàn thành trách nhiệm của mình trước nhân dân và cử tri thì đại biểu HĐND ngoài việc không ngừng nâng cao năng lực, trình độ, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng thì việc tích lũy, xây dựng, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng hoạt động là một việc làm quan trọng và cần thiết.

Kỹ năng hoạt động của đại biểu hội đồng được hiểu là khả năng thực hiện các công việc, biến kiến thức thành hành động. Đó là khả năng của con người có tri thức, biết vận dụng kiến thức, kinh nghiệm, tận dụng tối ưu sự hỗ trợ của kỹ thuật, công nghệ để có được tập hợp các thao tác trong tư duy và hành động, tạo thành phương thức hành động thích hợp với điều kiện, môi trường nhằm thực hiện một nhiệm vụ, một công việc được giao.

Theo báo cáo của Sở Nội vụ, hiện nay, “Hà Tĩnh hiện có 216 đơn vị Hội đồng nhân dân cấp xã. Tổng số đại biểu HĐND cấp xã có 4.875 đại biểu. Về trình độ chuyên môn của đại biểu HĐND cấp xã, Cao đẳng

210 Người: đại học 2.646 người; Thạc sỹ 9 người. Về trình độ lý luận chính trị, Sơ cấp 633 người; Trung cấp lý luận chính trị 2.527 người; cao cấp và tương đương 113 người; số còn lại là chưa được đào tạo⁽¹⁾.

Thời gian qua, nhìn chung hoạt động của HĐND cấp xã trên địa bàn Hà Tĩnh có những chuyển biến rõ rệt, đã từng bước được đổi mới và nâng cao chất lượng, góp phần phát huy vai trò là người đại biểu của dân. Thực hiện đúng và đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định, thể hiện rõ nét vị trí, vai trò của cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân. Thường trực HĐND xã đã chủ động phối hợp với UBND, UBMTTQ xã chuẩn bị đầy đủ các văn bản trình kỳ họp theo đúng thời gian quy định và kỳ họp được tiến hành đúng thủ tục theo luật định, chất lượng các kỳ họp HĐND từng bước được nâng lên. Hoạt động tiếp xúc cử tri trước và sau các kỳ họp được thường xuyên hơn, các ý kiến, kiến nghị của cử tri điều được trả lời trực tiếp và phản ánh về Thường trực HĐND xã để yêu cầu UBND xã và các ngành liên quan trả lời.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động của HĐND cấp xã nhìn chung vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: Công tác chuẩn bị văn bản, tài liệu cho kỳ họp của các ngành chuyên môn tham mưu cho UBND xã còn chậm so với quy định, dẫn đến việc thẩm tra, cho ý kiến bằng văn bản của Thường trực HĐND vào các Báo cáo, Tờ trình của UBND xã còn gặp nhiều khó khăn; một số Đại biểu HĐND xã chưa thật sự tích cực phát huy vai trò, trách nhiệm trong việc tham gia phát biểu thảo luận tại kỳ họp, nội dung phát biểu chưa sâu, thậm chí phát biểu chưa căn cứ vào các tài liệu trình kỳ họp, chất lượng thảo luận chưa phản ánh đầy đủ tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, cũng như

những vấn đề nổi cộm, bức xúc của cử tri và Nhân dân; một số ý kiến, kiến nghị của cử tri chưa được giải quyết dứt điểm, kết quả giải quyết còn chung chung, thiếu cụ thể, tính thuyết phục không cao; Đại biểu HĐND xã khi đi tiếp xúc cử tri, một số ý kiến, kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền giải quyết nhưng chưa kịp thời giải đáp, tổng hợp các ý kiến của cử tri gửi về Thường trực HĐND, Mặt trận Tổ quốc xã tổng hợp theo dõi.

Những hạn chế nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó trình độ, kỹ năng hoạt động của đại biểu HĐND cấp xã là một trong những nguyên nhân cơ bản, ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực thực hiện nhiệm vụ của đại biểu HĐND cấp xã trên địa bàn Hà Tĩnh trong thời gian qua. Vì vậy, để thực hiện tốt vai trò, chức năng là cơ quan dân cử, cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, thiết nghĩ một trong những giải pháp quan trọng là từng bước nâng cao kỹ năng hoạt động cho đại biểu HĐND cấp xã góp thực hiện thành công nhiệm vụ chính trị của chính quyền cấp xã trên địa bàn Hà Tĩnh đáp ứng yêu cầu nhiệm tình hình mới. Trước mắt, cần tập trung bồi dưỡng, nâng cao một số kỹ năng cơ bản sau:

Thứ nhất, kỹ năng xây dựng kế hoạch hoạt động của đại biểu HĐND cấp xã. Đây là một vấn đề quan trọng, do hầu hết các đại biểu HĐND không phải là đại biểu chuyên trách, vừa thực hiện nhiệm vụ đại biểu vừa đảm nhiệm công tác chuyên môn khác nên thời gian dành cho hoạt động với tư cách là đại biểu phải cần được chú ý, bố trí hợp lý. Kế hoạch, chương trình hoạt động của đại biểu HĐND phải được xây dựng trên chương trình hoạt động của HĐND cả nhiệm kỳ, từng năm và sáu tháng. Do HĐND chỉ họp hai kỳ trong một năm (không kể các kỳ họp chuyên đề và họp để giải quyết các công việc đột xuất),

vì vậy đại biểu HĐND các cấp cần dựa vào chương trình sáu tháng, một năm và cả nhiệm kỳ của HĐND để xây dựng chi tiết cụ thể các nội dung công việc cần làm để xây dựng và thực hiện kế hoạch làm nhiệm vụ của một đại biểu HĐND theo quy định. Chương trình hoạt động của mỗi đại biểu HĐND phải được thông báo cho HĐND cấp mình, cử tri khu vực nơi đại biểu HĐND được bầu để theo dõi, giám sát và tạo điều kiện hỗ trợ của cử tri.

Thứ hai, kỹ năng tiếp xúc với cử tri. Đây là kỹ năng rất quan trọng và có tính thường xuyên của đại biểu HĐND. Việc giữ mối liên hệ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri là một trong những nhiệm vụ, trách nhiệm của đại biểu HĐND. Cụ thể, đại biểu HĐND các cấp phải liên hệ với cử tri ở đơn vị bầu ra mình, chịu sự giám sát của cử tri, có trách nhiệm thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cử tri, thực hiện chế độ tiếp xúc và ít nhất mỗi năm một lần báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của HĐND, trả lời những yêu cầu kiến nghị của cử tri. Sau mỗi kỳ họp HĐND, đại biểu HĐND các cấp có trách nhiệm báo cáo với cử tri về kết quả kỳ họp, phổ biến, tuyên truyền các nghị quyết của HĐND, vận động thực hiện các nghị quyết mà HĐND các cấp đã thông qua. Ngoài việc tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp theo quy định, đại biểu có trách nhiệm gặp gỡ cử tri, tìm hiểu vấn đề cử tri quan tâm để nắm bắt toàn diện, kịp thời những băn khoăn, trăn trở của nhân dân và cử tri. Đặc biệt, với chính quyền cấp xã là cấp gần dân nhất, là cầu nối giữa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước với nhân dân đại phương vì vậy việc thường xuyên tiếp xúc, trao đổi, nắm bắt thông tin đối với đại biểu HĐND cấp xã là việc rất quan trọng. Kỹ năng tiếp xúc cử tri bao gồm: Chọn địa

bàn, đối tượng và thời điểm, chuẩn bị nội dung phát biểu, cách ghi chép, tổng hợp và xử lý các kiến nghị của cử tri. Đại biểu HĐND phải lựa chọn địa điểm thuộc đơn vị bầu cử của mình cho phù hợp với nội dung cần tiếp xúc... Mỗi lần tiếp xúc cử tri nên tổ chức ở các địa bàn khác nhau. Ví dụ, khi bàn về nội dung xóa đói, giảm nghèo thì tiếp xúc cử tri ở những nơi có nhiều hộ nghèo; HĐND họp ra nghị quyết về công tác phòng chống tệ nạn xã hội thì tổ chức tiếp xúc ở những nơi có nhiều tụ điểm phức tạp về vấn đề này... Về địa bàn tiếp xúc cử tri không nên hạn chế, mỗi kỳ họp càng tổ chức ở nhiều điểm tiếp xúc cử tri thì đại biểu càng có điều kiện thu thập đầy đủ ý kiến của cử tri, nắm được đầy đủ tâm tư, nguyện vọng của cử tri. Mỗi đợt tiếp xúc cử tri phải bố trí, tổ chức phù hợp; căn cứ vào nội dung kỳ họp mà lựa chọn hình thức tiếp xúc cho sát thực tế và đạt hiệu quả cao nhất. Đại biểu có thể lựa chọn cách tiếp xúc với mọi thành phần hoặc chỉ tiếp xúc với những người trực tiếp công tác tại lĩnh vực ngành nghề liên quan đến nội dung mà HĐND bàn và ra nghị quyết tại kỳ họp. Số lượng cử tri ở các buổi tiếp xúc không hạn chế, càng nhiều càng tốt, thông qua các ý kiến của cử tri giúp cho đại biểu HĐND nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của số đông cử tri, hiểu rõ được các vấn đề đang đặt ra cho địa phương, đồng thời cử tri cũng tham gia đóng góp nhiều ý kiến quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội và những hạn chế, yếu kém cần được khắc phục. Đối với những buổi tiếp xúc cử tri sau kỳ họp, đại biểu cần báo cáo kết quả kỳ họp, nhấn mạnh nội dung nghị quyết mà kỳ họp HĐND đã thông qua, đồng thời đại biểu tuyên truyền, triển khai thực hiện nghị quyết của HĐND.

Thứ ba, kỹ năng chất vấn. Chất vấn là việc đòi hỏi và yêu cầu phải giải thích rõ ràng. Chất vấn là hoạt động quan trọng

và cần thiết đối với hoạt động của đại biểu HĐND, thông qua chất vấn đại biểu thực hiện quyền giám sát của mình, đồng thời nắm thêm thông tin để cung cấp cho cử tri và nhân dân khi cần thiết. Muốn sử dụng chất vấn như một công cụ giám sát hữu hiệu thì đại biểu HĐND cấp xã cần nắm vững một số yêu cầu. Yêu cầu thứ nhất là cần xác định đúng đối tượng chất vấn theo quy định của luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND. Đại biểu HĐND có quyền chất vấn Chủ tịch HĐND, Chủ tịch và các thành viên khác của UBND cùng cấp. Yêu cầu thứ hai là cần nắm vững trình tự tiến hành chất vấn. Trong thời gian HĐND không họp, đại biểu HĐND gửi chất vấn đến Thường trực HĐND các cấp. Cơ quan hoặc người được chất vấn trả lời trước HĐND những vấn đề mà đại biểu HĐND chất vấn. Trong trường hợp chưa đồng ý với nội dung trả lời chất vấn, đại biểu HĐND có thể đề nghị Thường trực HĐND đưa ra thảo luận tại kỳ họp. Yêu cầu thứ ba là phân biệt chất vấn với câu hỏi thường. Trong thực tế, chất vấn cũng có thể được thể hiện dưới dạng một câu hỏi, nhưng chất vấn khác câu hỏi thường về cơ sở pháp lý, về mục đích, về phạm vi quan hệ và về hậu quả pháp lý. Đại biểu HĐND ghi rõ nội dung chất vấn, người bị chất vấn vào phiếu ghi chất vấn và gửi đến Thường trực HĐND. Thường trực HĐND chuyển chất vấn đến người được chất vấn và tổng hợp các vấn đề của đại biểu HĐND để báo cáo HĐND. Sau khi nghe trả lời chất vấn, nếu đại biểu HĐND không đồng ý với nội dung trả lời thì có quyền đề nghị HĐND tiếp tục thảo luận tại kỳ họp đó, đưa ra thảo luận tại kỳ họp khác của HĐND hoặc kiến nghị HĐND xem xét trách nhiệm của người được chất vấn. HĐND đưa ra nghị quyết về việc trả lời chất vấn và trách nhiệm của người được chất vấn khi xét thấy cần thiết. Còn câu hỏi thường của đại biểu HĐND

không được quy định trong các văn bản pháp luật.

Thứ tư, kỹ năng giám sát. Đại biểu HĐND có chức năng, giám sát trên các lĩnh vực ở địa phương. Để thực hiện tốt chức năng giám sát, đại biểu HĐND cấp xã cần nghiên cứu kỹ nghị quyết của HĐND, nắm bắt các thông tin kịp thời. Thông tin được thể hiện trên các văn bản chỉ đạo điều hành của UBND, qua các cuộc họp, các báo cáo, phản ánh của đại biểu HĐND, dư luận, đơn thư khiếu nại, tố cáo và các vấn đề được phản ánh trên các phương tiện thông tin đại chúng. Việc nắm chắc và toàn diện thông tin giúp đại biểu HĐND cấp xã giám sát các vấn đề một cách sâu sát. Đặc biệt với đại biểu HĐND cấp xã việc nắm bắt thông tin, dư luận từ Nhân dân và để bổ sung tư liệu, căn cứ, cơ sở cho việc thực hiện chức năng giám sát của mình. Các đại biểu HĐND cần xác định nội dung giám sát với thời gian thích hợp, tránh tổ chức dàn trải, không xác định được trọng tâm, đảm bảo thời gian và hiệu quả giám sát tốt nhất. Cần xác định rõ phương pháp giám sát, bám sát vào từng nội dung công việc cụ thể và ấn định phương pháp giám sát cho phù hợp là yếu tố quyết định hiệu quả giám sát. Đại biểu HĐND cần lắng nghe tâm tư, nguyện vọng và ý kiến phản ánh của cử tri, căn cứ với chính sách, pháp luật, nghị quyết của HĐND và thực tiễn chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện ở cơ sở nơi đại biểu HĐND công tác mà chọn vấn đề cần giám sát. Để thực hiện tốt chức năng giám sát, cần lưu ý các vấn đề sau:

Một là, căn cứ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, nghị quyết của HĐND để đối chiếu với quá trình tổ chức triển khai thực hiện của cơ quan chấp hành, nếu có vấn đề gì không đúng, không phù hợp thì phải giám sát. Biện pháp giám sát có thể áp dụng là: gặp gỡ đơn vị chịu sự giám sát, chất vấn,

trao đổi và yêu cầu phải điều chỉnh. Nếu ngoài phạm vi quyền hạn thì phối hợp đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Hai là, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng và sự phản ánh chính đáng của cử tri, gặp gỡ các cơ quan chức năng để chất vấn, giám sát những điều mà cử tri phản ánh. Đơn vị chịu sự giám sát phải có trách nhiệm: Thứ nhất là trả lời trực tiếp (hoặc trả lời bằng văn bản) các chất vấn, yêu cầu, kiến nghị của đại biểu HĐND; hai là tạo mọi điều kiện thuận lợi để đại biểu HĐND các cấp tiến hành giám sát; cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung giám sát và giải trình các vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của mình khi được yêu cầu; thứ ba là chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp có hành vi cản trở hoặc không thực hiện những yêu cầu qua hoạt động giám sát của đại biểu HĐND.

Hội đồng nhân dân cấp xã là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng, quyền làm chủ của nhân dân địa phương, chịu trách nhiệm trước nhân dân và cơ quan nhà nước cấp trên. Để thực hiện đầy đủ vai trò chức năng của mình thì vai trò của người đại biểu HĐND vô cùng quan trọng, bên cạnh việc không ngừng nâng cao năng lực, trình độ, bản lĩnh chính trị vững vàng, đồng thời không ngừng nâng cao kỹ năng hoạt động của mình, góp phần xây dựng địa phương ngày càng giàu đẹp và văn minh./.

Chú thích:

1. Báo cáo năm 2023 Sở Nội vụ Hà Tĩnh

ĐẤU TRANH PHẢN BÁC...

(Tiếp theo trang 48)

pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Sở Nội vụ tham mưu cho ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân, các điểm, nhóm tôn giáo tổ chức các lễ trọng của tôn giáo, tổ chức các lớp bồi dưỡng, mục vụ, đại hội bồi linh, cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, thông báo các hoạt động tôn giáo bổ sung theo quy định; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Để làm tốt công tác quản lý nhà nước về tôn giáo cần tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo. Sở Nội vụ tiếp tục tham mưu cho ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị Ban Tôn giáo Chính phủ tiếp tục mở các lớp bồi dưỡng cho cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo cấp tỉnh, huyện, xã; mở các khóa bồi dưỡng chuyên sâu về kiến thức tôn giáo, đặc biệt là nghiệp vụ quản lý, xử lý, giải quyết đối với hoạt động của các tà đạo, đạo lạ và tổ chức mới nổi liên quan đến tôn giáo.

Thứ tư, tăng cường công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch phá hoại khối đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, chống phá cách mạng Việt Nam. Quan tâm, thực hiện thường xuyên công tác điều tra cơ bản, nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn trong thực hiện chính sách tín ngưỡng, tôn giáo nhằm phát hiện những hạn chế, bất cập trong quá trình thực hiện các chính sách theo điều kiện thực tiễn của địa phương, từ đó có những đề xuất trong điều chỉnh, bổ sung các chính sách đối với Trung ương và các cơ quan chuyên môn cấp trên. Các cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo nói riêng, toàn hệ thống chính trị nói chung, cần tăng cường công tác nắm tình hình từ đó đề ra các phương thức đấu tranh ngăn chặn hoạt động truyền đạo trái pháp luật, lợi dụng tôn giáo vì mục đích chính trị./.

PHÁT HUY THỂ MẠNH CỦA CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN MIỆNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG TRONG TÌNH HÌNH MỚI



ThS. THÁI THỊ HIỀN

Phòng Quản lý đào tạo và Nghiên cứu khoa học

Tóm tắt: Tuyên truyền là một bộ phận của công tác tư tưởng, giữ vai trò quan trọng trong xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Trong những năm qua, công tác tuyên truyền nói chung và tuyên truyền miệng nói riêng đã trở thành vũ khí sắc bén để truyền bá, giáo dục, cổ vũ, động viên cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân vượt qua mọi khó khăn, thử thách, hoàn thành sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, sự nghiệp cách mạng đang đối diện với nhiều khó khăn, thách thức, tiềm ẩn nhiều rủi ro, tác động mạnh đến công tác tư tưởng. Do đó, việc phát huy thể mạnh của công tác tuyên truyền miệng là yêu cầu cấp thiết góp phần thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trên tất cả lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất là nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng của Đảng.

Tuyên truyền miệng là một hình thức đặc biệt của công tác tuyên truyền, được đội ngũ cán bộ, đảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên tiến hành thông qua lời nói trực tiếp. Tuyên truyền miệng là vũ khí sắc bén, là công cụ hàng đầu trong truyền bá, phổ biến, giải thích những học thuyết, quan điểm lý luận, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước đến với đối tượng, nhằm xây dựng cho đối tượng được tuyên truyền thể giới quan, nhân sinh quan, thông qua đó có thái độ và hành động tích cực trong thực tiễn xã hội.

So với các hình thức tuyên truyền khác, tuyên truyền miệng có nhiều ưu thế nổi bật, vì không chỉ phát uy ưu thế của ngôn ngữ nói làm phương tiện để chuyển tải thông tin, mà còn có thể phát huy ưu thế của các yếu tố phi

ngôn ngữ và ưu thế của hình thức giao tiếp trực tiếp, cụ thể:

Thứ nhất, về ưu thế của ngôn ngữ nói: Ngôn ngữ nói mang tính phổ biến trong giao tiếp xã hội. Qua các công trình nghiên cứu cho thấy, hàng ngày có khoảng 2/3 lượng thông tin con người thu nhận được qua giao tiếp bằng lời nói trực tiếp. Bằng ngôn ngữ nói, cán bộ tuyên truyền có thể trình bày vấn đề một cách hệ thống; giải thích cặn kẽ, nhắc đi nhắc lại để hiểu rõ, ghi nhớ các khái niệm, phạm trù, quy luật, quan điểm, tư tưởng... với từng đối tượng, kể cả đối tượng không biết chữ. Lời nói có ưu thế là sử dụng linh hoạt, hiệu quả thông tin cao, có thể tác động mạnh mẽ vào nhận thức và tình cảm của con người, khơi dậy tính tích cực trong nhận thức của đối tượng, thúc đẩy quá trình hình thành niềm tin và cổ vũ hành động. Lời nói có thể

sử dụng trong mọi hoàn cảnh, mọi điều kiện, mọi lúc, mọi nơi, do đó, tuyên truyền miệng ít tốn kém kinh phí, không cần nhiều đến các phương tiện kỹ thuật phức tạp, nhưng hiệu quả tác động lại rất lớn.

Thứ hai, ưu thế trong việc sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ: Cùng với ngôn ngữ, trong tuyên truyền miệng, cán bộ tuyên truyền còn có thể sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ (bao gồm: cận ngôn ngữ và ngoại ngôn ngữ) như: giọng nói, ngữ điệu, âm điệu, trang phục, diện mạo, nét mặt, ánh mắt, nụ cười, cử chỉ, điệu bộ... làm phương tiện biểu đạt thông tin và sắc thái tình cảm. Những yếu tố phi ngôn ngữ này tác động vào kênh thị giác của người nghe, tăng cường sự chú ý của họ, do vậy sẽ thúc đẩy việc tiếp thu thông tin một cách tốt nhất. Các yếu tố phi ngôn ngữ hỗ trợ cho lời nói, làm tăng ý nghĩa của lời nói, biểu hiện xúc cảm, sự nhiệt huyết, sắc thái tình cảm của người tuyên truyền với vấn đề tuyên truyền, vì vậy, góp phần rất lớn vào hiệu quả của công tác tuyên truyền.

Thứ ba, ưu thế của hình thức giao tiếp trực tiếp: Qua công tác tuyên truyền miệng, báo cáo viên, tuyên truyền viên được tiếp xúc trực tiếp với đối tượng, do đó sẽ nắm bắt được hoàn cảnh và diễn biến tâm lý của đối tượng; nắm bắt được nhận thức, tư tưởng, thái độ của đối tượng đối với chủ trương, đường lối, chính sách; nắm được tâm tư, nguyện vọng, nhu cầu, lợi ích... của Nhân dân nên có thể vận dụng các thủ thuật tâm lý để tạo ra hiệu quả tác động lớn. Khi thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, tất cả thông tin đưa ra được hai bên trao đổi, bàn bạc, tranh luận kỹ lưỡng để đi đến chấp nhận hay không chấp nhận, đồng tình hay không đồng tình... Vì vậy, tuyên truyền miệng được ví như sợi dây nối liền Đảng với quần chúng, Nhà nước với Nhân dân, Trung ương, địa phương với cơ sở, cho nên đây chính là hình thức tuyên truyền đem lại sự truyền cảm cao, sức thuyết phục lớn.

Nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng của tuyên truyền miệng đối với công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, ngày 15/10/2007,

Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 17-CT/TW về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng trong tình hình mới. Sau 15 năm thực hiện Chỉ thị, công tác tuyên truyền miệng đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, hệ thống chính trị đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo phát huy vai trò, nâng cao hiệu quả, đổi mới nội dung, phương thức công tác tuyên truyền miệng, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của thực tiễn. Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên được tăng cường cả về số lượng và chất lượng, phát huy vai trò nòng cốt trong công tác tuyên truyền, góp phần đưa chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước vào đời sống xã hội.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn tình trạng một số cấp ủy chưa nhận thức, quan tâm đầy đủ về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác tuyên truyền miệng. Một số nơi chất lượng hoạt động của báo cáo viên, tuyên truyền viên còn hạn chế, thiếu sắc bén, linh hoạt, tính thuyết phục, tính chiến đấu chưa cao, chậm đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền; việc cung cấp và định hướng thông tin có lúc, có nơi chưa đầy đủ, kịp thời. Công tác bồi dưỡng nghiệp vụ, chế độ, chính sách đối với đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên chưa được quan tâm đúng mức.

Để nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả của công tác tuyên truyền miệng, ngày 05/02/2024, Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 30-CT/TW về công tác tuyên truyền miệng trong tình hình mới. Chỉ thị là cơ sở pháp lý hết sức quan trọng để các tổ chức đảng, chính quyền địa phương, các cơ quan, đơn vị tiếp tục đổi mới công tác tuyên truyền miệng, nhất là trong điều kiện hiện nay, khi các thế lực thù địch đang đẩy mạnh các hoạt động chống phá, lợi dụng sự phát triển của khoa học công nghệ và mạng lưới Internet, chúng đưa ra rất nhiều thông tin xuyên tạc, bịa đặt trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; diễn hình còn có những thông tin xuyên tạc

về vai trò của công tác tuyên truyền, cho rằng công tác tuyên truyền của Đảng và Nhà nước Việt Nam chẳng qua chỉ là “kỹ năng lừa gạt”, “ru ngủ nhân dân”, chỉ là một sự “tự hậu” và bản chất là “làm người ta mù mắt”... Những quan điểm sai trái, thù địch này được chúng rêu rao để nhằm dẫn dắt, lôi kéo, dụ dỗ, mua chuộc Nhân dân; qua đó phủ nhận sức sống trường tồn, giá trị thời đại của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phủ nhận tính ưu việt và những giá trị tích cực mà mỗi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước hướng về Nhân dân. Từ đó, làm mất niềm tin của Nhân dân vào vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý, điều hành của chính quyền. Do vậy, nếu không làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, nhất là tuyên truyền miệng để định hướng thông tin dư luận, tạo niềm tin cho Nhân dân thì sẽ có những nguy cơ khó lường, ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn vong của Đảng, Nhà nước và chế độ ta.

Thực trạng trên đặt ra yêu cầu cho các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức, cơ quan, đơn vị phải kịp thời xây dựng và triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nhằm tiếp tục phát huy ưu thế của công tác tuyên truyền miệng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Muốn vậy, cần quan tâm thực hiện tốt một số nội dung trọng tâm sau:

Thứ nhất, quán triệt đầy đủ, kịp thời Chỉ thị của Ban Bí thư về công tác tuyên truyền miệng trong tình hình mới. Muốn phát huy vai trò của các địa phương, cơ quan, đơn vị và mỗi cán bộ, đảng viên tham gia sâu rộng vào thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước đến với quần chúng nhân dân, thì cần phải làm cho họ hiểu rõ, nắm vững các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và trách nhiệm của bản thân trong việc thực hiện nhiệm vụ đó. Vì vậy, yêu cầu đặt ra cho các cấp ủy đảng, các địa phương, cơ quan, đơn vị là thông qua các hình thức khác nhau như: thông qua sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt chuyên môn hay các cuộc hội thảo, tọa đàm, các lớp tập huấn... để quán

triệt đầy đủ nội dung của Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 05/02/2024 của Ban Bí thư, trong đó yêu cầu làm rõ những kết quả đạt được, những hạn chế còn tồn tại và phân tích những nhiệm vụ, giải pháp mà Chỉ thị đã đề ra gắn với vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trên từng lĩnh vực công tác, từng nhiệm vụ chính trị được giao để vận dụng thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền miệng.

Thứ hai, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong tham gia thực hiện công tác tuyên truyền miệng. Bất kỳ hoạt động tuyên truyền nào cũng phải được tiến hành thông qua các tổ chức Đảng, đoàn thể, cộng đồng dân cư với những quy mô và mức độ khác nhau. Tuy nhiên, dù bằng cách thức nào và thông qua tổ chức nào thì đều phải bắt đầu từ những con người cụ thể. Vì vậy, không chỉ đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên mới là người có trách nhiệm, nghĩa vụ thực hiện nhiệm vụ này, mà mọi cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu phải có trách nhiệm tham gia và trở thành chủ thể đi đầu trong hoạt động tuyên truyền. Khẳng định về vấn đề này Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Chẳng những các người phụ trách tuyên truyền, những người viết báo, viết sách, những người nghệ sĩ là người tuyên truyền, mà tất cả cán bộ, tất cả đảng viên, hễ những người có tiếp xúc với dân chúng đều là người tuyên truyền của Đảng”⁽¹⁾.

Tuyên truyền là một nhiệm vụ hết sức khó khăn, đặc biệt đối với công tác tuyên truyền miệng sẽ phụ thuộc rất lớn vào trình độ, năng lực, kỹ năng ứng biến, xử lý linh hoạt các tình huống của chủ thể tuyên truyền. Vì vậy, mỗi cán bộ, đảng viên để phát huy vai trò, trách nhiệm của mình phải không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao trình độ, năng lực, nắm vững chủ trương, chính sách. Đặc biệt, khi được giao nhiệm vụ tuyên truyền một vấn đề cụ thể nào đó, phải nắm vững yêu cầu, nội dung của vấn đề cần tuyên truyền gắn với thực tiễn sinh động đang diễn ra ở cơ sở; xác định mục đích của việc tuyên truyền; nắm vững và tìm hiểu đối tượng tuyên truyền; xác định rõ

phương pháp, thời điểm, địa điểm thực hiện tuyên truyền và xây dựng đề cương tuyên truyền một cách chi tiết. Trong quá trình thực hiện tuyên truyền miệng phải thể hiện được sự nhiệt huyết, kết hợp hài hòa giữa ngôn ngữ nói và các yếu tố phi ngôn ngữ; phải khéo léo, linh hoạt trong trao đổi, chia sẻ các vấn đề; có khả năng điều tiết, kiềm chế cảm xúc, ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ để kiên trì thuyết phục đối tượng... Có như vậy, trước những tình huống phức tạp của tuyên truyền miệng, mỗi cán bộ, đảng viên mới có khả năng ứng biến và thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Thứ ba, đổi mới nội dung gắn với tăng cường tính định hướng, thuyết phục của công tác tuyên truyền miệng. Cùng với các hình thức và phương tiện thông tin đại chúng, tuyên truyền miệng đang góp phần quan trọng trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, làm cho hệ tư tưởng của Đảng chiếm vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội. Đây được xem là kênh thông tin chính thống giữ vai trò chủ yếu trong việc báo cáo, quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước; các vấn đề thời sự trong nước và quốc tế quan trọng mà dư luận đang quan tâm, qua đó định hướng thông tin cho người nghe. Mặt khác, thông qua các hoạt động trên, công tác tuyên truyền miệng có điều kiện nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người nghe để kịp thời phản ánh, kiến nghị với Đảng, Nhà nước nhằm bổ sung, hoàn thiện và thực hiện tốt hơn đường lối, chủ trương, chính sách đã đề ra. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay, tuyên truyền miệng là vũ khí sắc bén trong đấu tranh chống lại các âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch; là công cụ hữu hiệu để phản bác lại các thông tin xuyên tạc, bịa đặt; phê phán nhận thức, tư tưởng lạc hậu, lệch lạc, các tệ nạn xã hội, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên.

Vì vậy, để thực hiện tốt vai trò quan trọng của công tác tuyên truyền miệng, mỗi cán bộ, đảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên khi

thực hiện nhiệm vụ của mình phải tích cực tìm kiếm, lựa chọn nội dung bài nói làm sao để cung cấp cho người nghe những thông tin mới, thông tin chính xác, hấp dẫn, nhất là các vấn đề “nóng”, vấn đề “nhạy cảm” đang diễn ra ở địa phương cơ sở, nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của người dân. Những thông tin cung cấp phải đảm bảo tính tự tưởng, tính chiến đấu, tính xác định, tính nhất quán và có luận chứng, có cơ sở, căn cứ, có tư liệu, tài liệu, tuyệt đối không nói theo phán đoán chủ quan của chủ thể tuyên truyền.

Thứ tư, đa dạng hóa phương thức, kết hợp linh hoạt các hình thức tuyên truyền miệng. Hiện nay, ngoài phương thức tuyên truyền miệng trực tiếp, các cơ quan Trung ương và địa phương còn tiến hành tuyên truyền miệng theo phương thức trực tuyến. Đây là phương thức tuyên truyền miệng mới xuất hiện trong những năm gần đây trước sự phát triển của công nghệ thông tin truyền thông và yêu cầu áp dụng công nghệ hiện đại vào công tác tuyên truyền miệng. Tuyên truyền miệng trực tuyến có thể làm giảm phần nào những ưu thế của hình thức giao tiếp trực tiếp như: tính tương tác trực tiếp không cao, khả năng bao quát người nghe và quản lý, điều khiển sự chú ý của họ bị giới hạn một phần... Tuy nhiên, tuyên truyền miệng trực tuyến lại khắc phục được một số hạn chế của tuyên truyền miệng trực tiếp ở khả năng đưa thông tin nhanh, trên diện rộng, tức thời và đồng thời trên quy mô cả nước, ở tất cả các cấp, các ngành.

Trong điều kiện hiện nay, các thế lực thù địch thường xuyên lợi dụng mạng xã hội để đăng tải các thông tin xuyên tạc, bịa đặt nhằm kích động Nhân dân. Vì vậy, việc sử dụng phương thức tuyên truyền miệng trực tuyến có thể nhanh chóng tạo ra dư luận xã hội tích cực và sự đồng thuận cao trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân về các sự kiện, hiện tượng và những vấn đề được thông tin. Tuy nhiên, để phát huy thế mạnh của phương thức tuyên truyền này thì không chỉ áp dụng trong việc giới thiệu, quán triệt nghị quyết, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách,

pháp luật Nhà nước, mà cần phải được áp dụng nhiều hơn trong một số nhiệm vụ khác, nhất là trong việc đưa tin nhanh, trên diện rộng nhằm định hướng thông tin, định hướng dư luận xã hội về các sự kiện, hiện tượng, các vấn đề nảy sinh trong đời sống xã hội, đặc biệt là những vấn đề nhạy cảm, phức tạp, dễ xuất hiện các ý kiến khác nhau, các dư luận trái chiều. Ngoài ra, để phát huy ưu thế của công tác tuyên truyền miệng, cần kết hợp linh hoạt giữa tuyên truyền miệng với hình thức tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đại chúng; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo... nhằm nâng cao hiệu quả của công tác tuyên truyền miệng.

Thứ năm, kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, nhất là ở cơ sở. Đề chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đi vào đời sống xã hội, điều thiết yếu là phải có sự quán triệt, truyền bá rộng rãi đến với mọi giai cấp, tầng lớp trong xã hội. Vì vậy, vai trò chủ đạo của hoạt động này không ai khác ngoài đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên. Tuy nhiên, thực tế hiện nay cho thấy, việc xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, nhất là ở cấp cơ sở còn có những khó khăn, hạn chế nhất định như: chất lượng hoạt động của đội ngũ báo cáo viên ở một số cấp ủy chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu, mong muốn đặt ra; một số báo cáo viên chưa phát huy được vai trò, trách nhiệm; việc thực hiện thông tin hai chiều và nắm bắt dư luận, dự báo tình hình, định hướng tư tưởng có lúc, có việc chưa hiệu quả, chưa kịp thời; chế độ chính sách chi trả cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên chưa được quan tâm đúng mức nên nhiều người không thực sự tâm huyết với nhiệm vụ được giao...

Để phát huy vai trò của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên trong thực hiện công tác tuyên truyền miệng, cần tiếp tục nâng cao nhận thức cho các cấp ủy Đảng về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác tuyên truyền

miệng; quán triệt sâu sắc và tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức, củng cố, kiện toàn đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên từ tinh đến cơ sở theo hướng nâng cao chất lượng, lựa chọn những đồng chí có đủ phẩm chất, năng lực, có kỹ năng và có uy tín đảm đương nhiệm vụ này. Hàng năm, tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp, nhất là nghiệp vụ tuyên truyền, các kỹ năng tiếp cận, thu thập, xử lý thông tin, đối thoại, nắm bắt thông tin hai chiều; tiếp tục duy trì hội nghị báo cáo viên các cấp định kỳ hàng tháng; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện Quy chế hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên; quan tâm chế độ, chính sách để tạo động lực và gắn trách nhiệm cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Trong điều kiện hiện nay, thực hiện tốt công tác tuyên truyền miệng sẽ là công cụ quan trọng hàng đầu để định hướng tư tưởng, nhận thức và hành động cho toàn xã hội; góp phần thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Đồng thời, tuyên truyền miệng chính là phương thức để các tổ chức đảng, chính quyền địa phương định hướng, dẫn dắt các tổ chức đoàn thể, cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn đấu tranh chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch; lên án, phê phán các quan điểm sai trái, lệch lạc, những tư tưởng tiêu cực, nhận thức chưa phù hợp, những hành vi lệch chuẩn đạo đức, vi phạm pháp luật,... Từ đó tạo nên sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong Nhân dân, thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Nhân dân với Đảng và Nhà nước nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị ở mỗi địa phương, đơn vị./.

Chú thích:

1. CD-Rom Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, tập 5, tr341

MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG CHUYỂN ĐỔI TƯ DUY SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP SANG TƯ DUY KINH TẾ NÔNG NGHIỆP TẠI HÀ TĨNH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



ThS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY

Giảng viên Khoa Nhà nước và pháp luật

Tóm tắt: Trong mọi thời điểm, Đảng ta luôn xác định nông nghiệp là trụ đỡ của nền kinh tế góp phần nâng cao đời sống Nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tuy nhiên, để phát triển nông nghiệp một cách bền vững, đúng với vai trò và vị thế, cần có sự đổi mới về nhận thức và hành động theo hướng chuyển đổi tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp, góp phần hoàn thành mục tiêu đưa Hà Tĩnh trở thành tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2025.

Tư duy sản xuất nông nghiệp là quá trình nhận thức các quy luật khách quan về sinh học của cây trồng, vật nuôi và quy luật chuyển hóa của nguyên vật liệu sản xuất, sử dụng tài nguyên, vật liệu để gia tăng năng suất và sản lượng sản phẩm. Điểm hạn chế của tư duy sản xuất nông nghiệp là người nông dân không chú trọng đến nhu cầu thị trường, chỉ sản xuất thứ mình có thể làm ra chứ không sản xuất thứ thị trường cần; chạy theo năng suất và sản lượng nên, dễ dẫn đến lạm dụng tài nguyên, sử dụng nguyên vật liệu đầu vào gây ô nhiễm môi trường; ít tìm cách gia tăng giá trị nên dù tạo ra nhiều sản phẩm nhưng lợi nhuận thấp, thường xuyên diễn ra tình trạng “được mùa mất giá”; sau thu hoạch thường bán sản phẩm thô, ít chú ý đến xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, truy xuất nguồn gốc.

Tư duy kinh tế nông nghiệp là tư duy về việc sử dụng hiệu quả nguồn lực hữu hạn

trong nông nghiệp để sản xuất ra những sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường và đạt được lợi nhuận cao nhất có thể. Điều đó có nghĩa là hoạt động sản xuất không chỉ dừng lại ở gia tăng sản lượng mà phải tạo ra những giá trị gia tăng. Trong tư duy kinh tế nông nghiệp, thị trường sẽ là nhân tố tác động trở lại sản xuất, điều chỉnh sản xuất để phù hợp với thị trường.

Như vậy, tư duy sản xuất nông nghiệp là lấy sản lượng làm mục tiêu, còn tư duy kinh tế nông nghiệp là lấy giá trị gia tăng làm mục tiêu. Theo đó, chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp nghĩa là chuyển đổi tư duy tăng sản lượng sang tăng giá trị; chuyển đổi không cạnh tranh bằng số lượng, bằng khai thác tự nhiên mà hướng đến cạnh tranh bằng sản xuất ít, sản xuất tiết kiệm, giảm bớt sức ép môi trường, một nền nông nghiệp đem lại hiệu quả cao hơn. Quá trình chuyển đổi tư duy đó trong nông nghiệp

Việt Nam đang đặt ra những vấn đề cần có sự thống nhất trong nhận thức, đó là:

Một là, người nông dân phải căn cứ nhu cầu của thị trường để xác định chủng loại, tiêu chuẩn sản phẩm cần sản xuất. Theo tư duy này, người nông dân phải biết người tiêu dùng cần loại sản phẩm nông nghiệp hàng hóa nào, tiêu chuẩn như thế nào, từ đó, xác định chủng loại, tiêu chuẩn sản phẩm nông nghiệp hàng hóa phù hợp với nhu cầu người tiêu dùng của thị trường. Đồng thời, xem xét trên thị trường đã có ai cùng bán sản phẩm cùng loại, cùng thời điểm và cùng phân khúc khách hàng hay không, đặc trưng sản phẩm của họ thế nào, qua đó người nông dân tìm cách cạnh tranh với đối thủ hoặc tìm thị trường để sản xuất, tiêu thụ sản phẩm của mình.

Hai là, quá trình sản xuất nông nghiệp phải bảo đảm chất lượng để đạt tiêu chuẩn, yêu cầu của khách hàng. Đời sống con người ngày càng được cải thiện, thu nhập tăng, con người không chỉ nghĩ đến ăn no mà còn là ăn ngon, sạch, an toàn. Do đó, đã đến lúc người nông dân cần phải thay đổi tư duy sản xuất, làm ra những sản phẩm an toàn, trách nhiệm và không làm tổn hại đến sức khỏe cộng đồng, từ đó thay đổi cách nghĩ, cách làm, cách tổ chức quy trình sản xuất, thay đổi nguyên liệu đầu vào, thay đổi giống cây trồng, vật nuôi.

Ba là, khi làm kinh tế nông nghiệp luôn phải đặt ra bài toán cân đối giữa doanh thu và chi phí với mục tiêu cao nhất là lợi nhuận nên phải biết tính toán tìm cách giảm chi phí hợp lý trong quá trình sản xuất mà không ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng sản phẩm. Bắt đầu từ giá và chất lượng nguyên liệu, cải tiến quy trình để giảm chi phí trong sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến, vận chuyển như ứng dụng cơ giới hóa, áp dụng khoa học công nghệ... Quy mô càng nhỏ chi phí càng lớn. Vì vậy,

nông dân không thể cạnh tranh được nếu không liên kết những mảnh đất nhỏ, những mảnh vườn nhỏ thành đại điền lớn. Tư duy mới phải là tích tụ, tập trung ruộng đất, hình thành kinh tế tập thể để tận dụng những cơ hội tốt nhất trong mua chung, bán chung.

Bốn là, luôn luôn tìm cách tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp hàng hóa sau thu hoạch, như: phân loại, làm sạch, đóng gói, thiết kế nhãn hiệu hàng hóa, sau đó tiến hành sơ chế, chế biến và chế biến sâu, đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, truy xuất nguồn gốc...

Năm là, chủ động tiêu thụ sản phẩm với giá hợp lý, cụ thể là người nông dân phải chủ động giới thiệu, quảng bá và mang sản phẩm hàng hóa đến với người tiêu dùng chứ không phải để người tiêu dùng tìm đến mua sản phẩm của mình. Chủ động tìm kiếm khách hàng bằng nhiều kênh bán hàng hoặc liên kết tiêu thụ từ đó nâng cao doanh thu và gia tăng lợi nhuận.

Nhận thức được những vấn đề đặt ra đối với phát triển kinh tế nông nghiệp, cùng với các chính sách của Trung ương, tỉnh Hà Tĩnh đã chủ động ban hành nhiều chính sách hỗ trợ chuyển đổi tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, cụ thể như: Nghị quyết 06-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tập trung tích tụ ruộng đất; Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh ban hành một số chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025; Nghị quyết 51-NQ/HĐND của HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2022 - 2025... nhằm lãnh đạo phát triển ngành nông nghiệp Hà Tĩnh theo hướng bền vững, đi vào chiều sâu gắn với xây dựng tỉnh nông thôn mới. Thực hiện những chủ trương, chính sách

nêu trên, Hà Tĩnh bước đầu đã đạt được những kết quả tích cực trong chuyển đổi từ duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp:

Thứ nhất, thực hiện tập trung tích tụ ruộng đất đã đi vào chiều sâu, mang lại những thay đổi và hiệu quả rõ nét; những mảnh ruộng nhỏ lẻ, phân tán được cơ cấu lại thông qua dồn điền đổi thửa. Lũy kế đến nay, tổng diện tích phá bỏ thửa nhỏ, thành thửa lớn, tập trung, tích tụ ruộng đất toàn tỉnh đạt trên 10.669,63 ha, trong đó trên 4.185,09 ha tập trung, tích tụ ruộng đất theo hình thức chuyển đổi ruộng đất; 130,534 ha cho thuê quyền sử dụng đất và 224,39 ha góp ruộng đất để thành lập tổ hợp tác hoặc hợp tác xã. Ruộng đất được tích tụ, tập trung tạo điều kiện cho sản xuất theo hướng thâm canh “1 cánh đồng, 1 giống, 1 thời vụ, 1 quy trình canh tác”, áp dụng đồng bộ cơ giới hóa, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, khắc phục được tình trạng “manh mún, nhỏ lẻ”. Nhờ vậy, vụ Xuân, vụ Hè Thu năm 2023 liên tiếp được mùa, năng suất lúa xuân đạt cao nhất từ trước tới nay (59,85 tạ/ha), giá bán cao nhất trong những năm gần (tăng khoảng từ 10 - 15%), tổng sản lượng lương thực ước đạt 64,72 vạn tấn. Ngoài ra có gần 40 vùng nuôi trồng thủy sản tập trung với tổng diện tích trên 1.800 ha⁽¹⁾.

Thứ hai, nông nghiệp phát triển theo hướng an toàn, hình thành nhiều mô hình hữu cơ, tuần hoàn, liên kết chuỗi giá trị, tạo tiền đề hướng đến nông nghiệp sinh thái đáp ứng tốt hơn nhu cầu, thị hiếu của khách hàng trong xu thế hiện nay. Cụ thể, sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, an toàn, hữu cơ ngày càng được các địa phương, bà con nông dân Hà Tĩnh quan tâm. Đến nay, đã có 288 cơ sở có Giấy chứng nhận VietGAP, VietGAHP, GMP, HACCP, ISO... với 1.990,87 ha cây

trồng các loại, 03 cơ sở nuôi trồng thủy sản, 08 trang trại chăn nuôi được chứng nhận VietGAHP; 25 cơ sở chế biến nông sản, thủy sản có giấy chứng nhận HACCP, ISO và hình thành 53 mô hình nông nghiệp theo hướng hữu cơ, tuần hoàn cho hiệu quả trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và gần 200.000 m² sản xuất cây trồng trong nhà màng, nhà lưới và ứng dụng công nghệ tưới tiên tiến tiết kiệm nước (Israel); triển khai cấp và quản lý 50 mã số vùng trồng với tổng diện tích gần 585 ha bao gồm các loại cây trồng như lúa, cây ăn quả, chè và các loại cây trồng khác nhằm theo dõi, kiểm soát tình hình sản xuất, kiểm soát chất lượng sản phẩm và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, góp phần thay đổi tư duy sản xuất của người nông dân theo hướng hữu cơ an toàn⁽²⁾.

Thứ ba, liên kết hợp tác trong sản xuất theo hình thức kinh tế tập thể giúp phát huy tri thức, kinh nghiệm và nguồn lực của các thành viên để trở thành sức mạnh cộng đồng, thích ứng với điều kiện cạnh tranh thị trường, khắc phục được những hạn chế sản xuất cá thể, nông hộ nhỏ lẻ của người dân. Cụ thể trong lĩnh vực nông, lâm, ngư, diêm nghiệp tại Hà Tĩnh có 548 hợp tác xã, 2.390 tổ hợp tác. Vốn điều lệ bình quân của các hợp tác xã đạt 1.600 triệu đồng/HTX, doanh thu bình quân ước đạt 1.000 triệu đồng, thu nhập của người lao động bình quân đạt khoảng 47 triệu đồng/người/năm. Đến nay, có khoảng 33.500 thành viên tham gia hợp tác xã nông nghiệp; trong đó có một số hợp tác xã có số lượng thành viên lớn trên 1000 thành viên, như: HTX dịch vụ tổng hợp Quỳnh Lương - thị xã Hồng Lĩnh, HTX nông nghiệp Quang Trung - huyện Đức Thọ, HTX Vân Thủy - thị xã Hồng Lĩnh,... Đồng hành với Kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh, nhiều hợp tác xã nông nghiệp đã chủ động tiếp cận,

kết nối với công nghệ cao, chuyển đổi số trong điều hành quản lý, sản xuất cũng như kết nối thị trường thông qua các sàn giao dịch thương mại điện tử để tiêu thụ sản phẩm hàng hóa ra thị trường bên ngoài, điển hình như: HTX nuôi trồng thủy sản Xuân Thành - huyện Nghi Xuân, HTX Nga Hải huyện Nghi Xuân, HTX Nông nghiệp Gia Phúc - huyện Can Lộc, HTX rau, củ, quả và dịch vụ tổng hợp Thạch Hạ,... Ngày càng có nhiều những “ông chủ” nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác đủ năng lực tham gia vào kinh tế nông thôn, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, số hóa và quản lý chất lượng tiên tiến. Sản phẩm nông nghiệp Hà Tĩnh vì thế cũng từng bước tham gia vào các sàn thương mại điện tử như: Voso.vn, Postmart.vn, Sendo.vn, Shoppe.vn...

Bên cạnh đó, hiện nay toàn tỉnh đã có 03 liên hiệp hợp tác xã hoạt động trên lĩnh vực nông nghiệp, các liên hiệp hợp tác xã đã liên kết mở rộng quy mô, tạo ra các sản phẩm nông nghiệp có thương hiệu, giúp đỡ các HTX thành viên cùng phát triển, tiêu thụ sản phẩm, như: Liên hiệp HTX Tây Kim có quy mô tương đối lớn có 16 thành viên (12 hợp tác xã, 2 tổ hợp tác, 2 công ty) quản lý gần 22.000 ha, có khả năng xây dựng rừng đạt chứng chỉ FSC trên diện tích gần 8.000 ha; Liên hiệp hợp tác xã Ong và dịch vụ Nông nghiệp Vũ Quang đã xây dựng quy trình sản xuất mật ong theo tiêu chuẩn VietGAP, góp phần mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm mật ong Vũ Quang⁽³⁾.

Những kết quả tích cực nêu trên khẳng định nông nghiệp đang là một ngành kinh tế quan trọng của Hà Tĩnh, đóng góp 14,71% GRDP trong cơ cấu nền kinh tế (năm 2023). Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, phát triển nông nghiệp nói chung, nhất là chuyển đổi tư duy kinh tế nông nghiệp của Hà Tĩnh vẫn còn những khó khăn, bất cập như: một bộ phận không

nhỏ người nông dân còn thiếu năng lực và tâm thế làm chủ quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn; một bộ phận nông dân vẫn còn tâm lý cam chịu hoàn cảnh, trông chờ, ỷ lại vào sự chỉ đạo, hỗ trợ của chính quyền, thiếu khả năng sáng tạo, tinh thần tự chủ trong liên kết, phối hợp tổ chức sản xuất. Đây là những trở ngại tự thân, khiến nông thôn mặc dù có lực lượng lao động đông đảo nhưng vẫn có biểu hiện trì trệ, thiếu kỹ thuật, năng suất lao động và thu nhập thấp. Ngoài ra, nhiều nông dân có tâm lý giữ đất phòng thân, khiến quá trình tích tụ và tập trung đất nông nghiệp khó khăn và chậm chạp cùng với đó là phương thức sản xuất tự do, nhỏ lẻ đã trở thành thói quen, gây khó khăn trong liên kết sản xuất. Một số hợp tác xã có quy mô hoạt động còn nhỏ, thiếu vốn, thiếu đất, thiếu phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả; sản xuất manh mún, liên doanh liên kết lỏng lẻo; hoạt động của một số hợp tác xã chưa đi vào thực chất, thậm chí thành lập nhằm tăng số lượng hợp tác xã để đảm bảo các chỉ tiêu về tiêu chí nông thôn mới. Quá trình chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp diễn ra rất chậm, quy mô đầu tư nhỏ, hàm lượng công nghệ số chưa cao, phạm vi tác động và kết nối chưa đủ lớn; việc áp dụng công nghệ cao, chuyển đổi số vào sản xuất và quản lý sản xuất còn ít; chưa xây dựng được nhiều thương hiệu sản phẩm, giá trị cạnh tranh trên thị trường còn hạn chế...

Để đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn Hà Tĩnh theo hướng bền vững, chủ động ứng phó với những thách thức chung của toàn thế giới trong ngành nông nghiệp như biến đổi khí hậu, biến động thị trường, biến chuyển trong xu thế tiêu dùng, một trong những nhiệm vụ trọng tâm là thực hiện có hiệu quả việc chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp. Trước mắt, cần quan tâm thực hiện một số giải pháp cụ thể sau:

Thứ nhất, xây dựng người “nông dân mới” với ý chí, tư duy, trình độ và kỹ năng đáp ứng yêu cầu của quá trình chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp. Phát huy vai trò là chủ thể kinh tế nông nghiệp của người nông dân; tiếp tục hỗ trợ nông dân được đào tạo bổ sung kiến thức, nâng cao trình độ, huấn luyện kỹ năng, cập nhật kỹ thuật, công nghệ tiên tiến. “Nông dân mới” phải có ý chí mạnh mẽ, suy nghĩ tích cực, thay vì trông chờ ỷ lại, an phận, thu mình trong ngôi nhà, bờ ruộng, mảnh vườn, phải từng bước làm chủ được ngành nông nghiệp đang vận động nhanh theo hướng tiếp cận những tư duy mới trong thời đại kinh tế tri thức và ứng dụng những thành tựu trong kỷ nguyên cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Việc cung cấp tri thức, huấn luyện kỹ năng mới có thể giúp người nông dân tiếp cận cách thức sản xuất, kinh doanh hiệu quả, làm giàu bền vững. Đây là trách nhiệm của chính quyền, các ngành chuyên môn, đồng thời cũng là trách nhiệm xã hội, các nhà khoa học, chuyên gia, doanh nghiệp.

Thứ hai, tiếp tục đổi mới, đa dạng hoá các hình thức liên kết, hợp tác, tạo nên tạo nên sức mạnh cộng đồng; chú trọng tâm phát triển kinh tế tập thể với nòng cốt là hợp tác xã. Vai trò chủ thể của nông dân trong phát triển nông nghiệp, nông thôn không chỉ được bảo đảm bởi năng lực cá nhân đó mà còn phải được đảm bảo bởi năng lực tổ chức thông qua các pháp nhân, các hình thức liên kết, hợp tác (như hợp tác xã, liên minh hợp tác xã, hiệp hội các ngành, nghề, hội nông dân...), tạo nên sức mạnh tập thể, sức mạnh cộng đồng mà nếu chỉ tồn tại từng hộ gia đình riêng lẻ, tách biệt thì bao giờ cũng gặp thua thiệt, khó đủ khả năng ứng phó với thách thức và tận dụng được cơ hội phát triển trong nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế. Do

vậy, phát triển kinh tế nông nghiệp Hà Tĩnh cần cần tiếp tục khắc phục vấn đề manh mún, nhỏ lẻ bằng cách đưa kinh tế tập thể, với nòng cốt là hợp tác xã lên một vị trí tương xứng với tiến trình cơ cấu lại nền nông nghiệp để chính hợp tác xã là mảnh ghép của những hộ đang sản xuất nhỏ lẻ và làm cầu nối cho họ với doanh nghiệp và thị trường. Đồng thời thường xuyên thực hiện tổng kết, đánh giá để lựa chọn biểu dương, nhân rộng các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động hiệu quả trên địa bàn toàn tỉnh, xây dựng định hướng chiến lược phát triển lâu dài về phát triển kinh tế tập thể.

Thứ ba, phát huy tích hợp đa giá trị vào sản phẩm và dịch vụ nông nghiệp Hà Tĩnh. Đối với một sản phẩm thông thường cả người sản xuất và người tiêu dùng hiện nay thường chú trọng vào giá trị sử dụng là yếu tố cốt lõi để tạo ra giá trị sản phẩm, tuy nhiên giá trị tăng cao này thường không quá cao. Tích hợp đa giá trị là kết tinh tài nguyên vùng đất Hà Tĩnh, với các kỹ thuật, công nghệ chế biến tiên tiến và cả những bản sắc văn hóa - xã hội, tạo thành thương hiệu cho sản phẩm nông nghiệp, nông thôn Hà Tĩnh, hướng tới tạo ra sự khác biệt mà nơi khác không có được. Như vậy, người tiêu dùng sẽ không chỉ chi trả cho sản phẩm mà họ ăn, uống, mặc... mà còn chi trả cho các giá trị về nguồn gốc sản phẩm, bao bì, mẫu mã, thương hiệu sản phẩm, các giá trị gắn liền với văn hóa địa phương.

Thứ tư, tuyên truyền nâng cao nhận thức về ý nghĩa của việc chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp gắn với quá trình hoàn thiện các chính sách, cơ chế ưu đãi, hỗ trợ cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. cần tập trung tuyên truyền, nâng cao nhận thức để người dân chủ động thực hiện chuyển đổi ruộng đất nông nghiệp thành vùng tập trung, diện tích thửa

lớn; đơn giản hóa thủ tục hành chính, lồng ghép nhiều thủ tục với nhau thực hiện đồng thời với mục tiêu người sử dụng đất nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhanh gọn, ít phiền hà. Mặt khác, tỉnh cần nghiên cứu ban hành cơ chế ưu đãi đặc biệt cho doanh nghiệp xây dựng cánh đồng lớn; khuyến khích nông dân mua cổ phần trong các doanh nghiệp có hợp đồng với nông dân trên cánh đồng lớn hoặc có hợp đồng thuê đất của nông dân; song song với đó, phải có chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và tạo việc làm cho lao động dôi dư; tạo điều kiện vốn hóa đất đai cho những nông dân rời bỏ nông nghiệp tham gia lĩnh vực phi nông nghiệp.

Thứ năm, bổ sung, hoàn thiện chính sách hỗ trợ việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp. Cần có chính sách thu hút những sinh viên được đào tạo bài bản, có tâm huyết với nghề nông trở về Hà Tĩnh khởi nghiệp bằng các cơ chế ưu đãi vay vốn, tạo quỹ đất phát triển nông trại, ứng dụng khoa học - công nghệ kết hợp với giữ gìn, phát huy giá trị văn hoá địa phương. Đã có nhiều địa phương thực hiện hiệu quả nội dung này, điển hình như những chính sách phát triển vùng trồng chè Suối Giàng của tỉnh Yên Bái, tạo điều kiện cho những người trẻ có trình độ, năng lực tham gia chuỗi sản xuất chè cùng với người dân, tạo dựng một không gian văn hóa trà độc đáo, vừa giữ được bản sắc văn hóa, thu hút khách du lịch vừa mang lại thu nhập cho người dân. Tại Hà Tĩnh các Nghị quyết số 56/NQ-HĐND, số 91/2022/NQ-HĐND về hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 đã xác định các chính sách về đào tạo cho quản lý hợp tác xã, hỗ trợ người lao động tốt nghiệp cao đẳng, đại học về làm việc

tại hợp tác xã... tuy nhiên, việc thực hiện chính sách vẫn còn gặp nhiều khó khăn, đến nay chưa hỗ trợ cho các đối tượng một cách hiệu quả.

Để chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp cần có một sự thay đổi trong phạm vi lớn từ cơ chế vận hành của nhà nước đến sự thay đổi trong tư duy, nhận thức của người nông dân. Những kết quả bước đầu cho thấy, nền nông nghiệp và kinh tế nông thôn ở Hà Tĩnh đang thích ứng dần với cơ chế thị trường, tư duy kinh tế nông nghiệp đã bắt đầu bén rễ vào nhận thức xã hội, người nông dân và doanh nghiệp. Tư duy thay đổi, hành động thay đổi, hệ thống cơ chế, chính sách cũng sẽ có sự vận động phù hợp, khi đó, nông nghiệp không chỉ là nông nghiệp mà nông nghiệp đã tích hợp cho nhiều ngành, nhiều lĩnh vực từ đó mới cộng hưởng ra giá trị./.

Chú thích:

1,2. <https://sonongnghiep.hatinh.gov.vn/dau-an-nganh-nong-nghiep-ha-tinh-nam-2023>

3. Báo cáo Tổng kết hoạt động Ban chỉ đạo Đổi mới và Phát triển kinh tế tập thể tỉnh năm 2023, triển khai nhiệm vụ năm 2024

BẢO TỒN, PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA, GÓP PHẦN THỰC HIỆN THẮNG LỢI NGHỊ QUYẾT SỐ 18-NQ/TU VỀ XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VÀ CON NGƯỜI HÀ TĨNH TRONG GIAI ĐOẠN MỚI



ThS. LÊ THỊ THUY DUNG

Khoa Nhà nước và pháp luật

Tóm tắt: Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa là nhiệm vụ quan trọng, nhất là trong quá trình hội nhập, giao thoa văn hóa như hiện nay. Trên cơ sở kế thừa những tinh hoa văn hóa của các thế hệ trước,

Việc bảo tồn, phát huy làm cho giá trị các di sản văn hóa thấm sâu, lan tỏa trong đời sống xã hội. Đồng thời, từng bước khai thác, phát huy có hiệu quả di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch bền vững, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đây cũng chính là một trong những nhiệm vụ quan trọng góp phần triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh về xây dựng, phát triển văn hóa và con người Hà Tĩnh trong giai đoạn mới

Nghị quyết số 18-NQ/TU về xây dựng, phát triển văn hóa và con người Hà Tĩnh trong giai đoạn mới tiếp tục cụ thể hoá và làm sáng tỏ hơn những quan điểm, đường lối của Đảng về văn hóa, con người, đặc biệt nhấn mạnh yếu tố “con người” trong mối tương quan “văn hóa - con người” Hà Tĩnh. Mục tiêu xây dựng, phát triển văn hóa và con người Hà Tĩnh trong giai đoạn mới được Nghị quyết số 18-NQ/TU xác định: Xây dựng, phát triển toàn diện văn hóa và con người Hà Tĩnh thấm nhuần tinh thần dân tộc, giàu bản sắc quê hương, tiếp thu chọn lọc các giá trị văn hóa tiên tiến. Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân, thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng miền, địa bàn dân cư. Chăm lo xây dựng môi trường văn hóa trong gia đình, dòng họ, khu dân cư, cơ quan, đơn vị, trường học, doanh nghiệp. Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; phát triển các sản phẩm văn hóa, du lịch đặc

trung, giàu bản sắc; phát triển đa dạng các loại hình văn học, nghệ thuật. Tập trung đầu tư nguồn lực để văn hóa phát triển toàn diện, trở thành sức mạnh nội sinh, động lực đưa Hà Tĩnh phát triển nhanh, bền vững, sớm trở thành tỉnh khá của cả nước.

Để đạt mục tiêu trên, Nghị quyết 18 cũng đã đưa ra 6 nhiệm vụ, trong đó có nhiệm vụ: “Bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; đẩy mạnh số hóa di sản văn hóa. Huy động nguồn lực đầu tư xã hội nhằm phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Tạo dựng thương hiệu các sản phẩm văn hóa đặc trưng của Hà Tĩnh”.

Hà Tĩnh là vùng đất cổ, có bề dày truyền thống và lưu giữ một kho tàng di sản văn hóa phong phú và đa dạng. Về di sản văn hóa vật thể, theo số liệu báo cáo của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trong giai đoạn 2011 - 2023, tỉnh Hà Tĩnh đã tổng kiểm kê, đưa vào quản lý hơn 1.800 di tích lịch sử

văn hoá, danh lam thắng cảnh. Tính đến năm 2022, tỉnh Hà Tĩnh có 02 di tích quốc gia đặc biệt, 86 di tích xếp hạng cấp quốc gia, 550 di tích xếp hạng cấp tỉnh. Bên cạnh công tác nghiên cứu, xếp hạng và tu bổ tôn tạo di tích, tỉnh Hà Tĩnh còn phối hợp với các cơ quan nghiên cứu Trung ương tổ chức nhiều đợt khai quật khảo cổ học và thu được nhiều kết quả tích cực. Điển hình là các cuộc khai quật khảo cổ học ở Lũy đá cổ tại xã Kỳ Lạc, huyện Kỳ Anh, di chỉ khảo cổ học Cồn Sò tại xã Thạch Lạc, huyện Thạch Hà, di chỉ Phôi Phôi - Bãi Cọi tại xã Xuân Viên, cảng Hội Thống, huyện Nghi Xuân...

Hà Tĩnh cũng là nơi lưu giữ một kho tàng di sản văn hóa phi vật thể đa dạng về loại hình, phong phú về trữ lượng, đặc sắc về lịch sử, văn hóa, khoa học. Trong giai đoạn 2011 - 2023, tỉnh Hà Tĩnh đã lập hồ sơ đề cử thành công UNESCO ghi danh 03 di sản tư liệu (Mộc bản Trường học Phúc Giang, Hoàng hoa sứ trình đồ và Văn bản Hán Nôm làng Trường Lưu ở xã Kim Song Trường, huyện Can Lộc), 02 nghệ thuật trình diễn dân gian (Ca Trù, Dân ca Ví Giặm Nghệ Tĩnh), 01 tín ngưỡng thờ mẫu Tam phủ của người Việt; có 03 lễ hội truyền thống được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia (Lễ hội Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác, Lễ hội Cầu ngư Nhượng Bạt, Lễ hội Chiêu Trưng Đại vương Lê Khôi).

Nhận thức rõ lợi ích, tiềm năng to lớn của các di sản văn hóa trong tiến trình phát triển kinh tế, văn hóa, giao lưu hội nhập, những năm qua, tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành nhiều văn bản quan trọng, đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu nhiệm vụ chỉ đạo về công tác bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa như: Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 10/7/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về “Quy định quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh”; Quyết định số 836/QĐ-UBND, ngày 11/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban

Quản lý dịch vụ công ích và các điểm du lịch huyện Nghi Xuân trên cơ sở tổ chức lại Ban Quản lý Khu du lịch Xuân Thành và các công trình công cộng với Ban Quản lý di tích Đền Chợ Củi; Nghị quyết 93/2018/NQ-HĐND, ngày 18/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh, Ca trù, Truyện Kiều, Mộc bản Trường học Phúc Giang và Hoàng hoa sứ trình đồ, giai đoạn 2018 - 2025 và những năm tiếp theo.

Trên cơ sở các chủ trương, chính sách chung, ngành văn hóa đã tham mưu ban hành Kế hoạch phối hợp liên ngành giữa các Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố, thị xã với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh đoàn Hà Tĩnh... nhằm bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa. Bên cạnh đó, các cơ quan thanh tra thường xuyên tổ chức các đợt thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với việc sử dụng các nguồn vốn của nhà nước và xã hội hóa trong trùng tu, tôn tạo di tích, cũng như việc sử dụng nguồn thu công đức tại các di tích, kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và xử lý những hành vi vi phạm luật di sản văn hóa và các quy định pháp luật có liên quan trong công tác đầu tư tu bổ, tôn tạo các di tích.

Cấp ủy Đảng, chính quyền các địa phương đã thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, các cán bộ và tầng lớp nhân dân trong việc bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa; chú trọng khai thác các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch, góp phần nâng cao mức thu nhập của các gia đình, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, xây dựng môi trường văn hóa, con người, góp phần đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và tạo thành tiền đề cho sự phát triển các ngành công nghiệp văn hóa của tỉnh trong thời gian tới. Nhờ vậy, các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể trên địa bàn được bảo vệ và đầu tư nhiều hơn, phục vụ tốt cho công tác phát triển kinh tế

du lịch, giáo dục truyền thống văn hóa, lịch sử; nhiều công trình nghiên cứu về văn hóa, lịch sử có giá trị đã phát huy tác dụng trong đời sống xã hội; các cơ sở thờ tự tín ngưỡng dân gian được bảo quản, tôn tạo ngày càng khang trang hơn; nhiều di tích đã được đầu tư, trùng tu, tôn tạo, trở thành những điểm du lịch hấp dẫn du khách tham quan, tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước, đồng thời tạo việc làm cho người dân địa phương.

Triển khai thực hiện chương trình số hóa di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021-2030 của Chính phủ, Hà Tĩnh đã linh hoạt xây dựng kế hoạch, mục tiêu theo từng giai đoạn và có chiến lược thực hiện hiệu quả góp phần quan trọng tạo nên những bước tiến mới trong công tác bảo tồn, phát huy di sản của địa phương. Theo số liệu thống kê của sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Năm 2020, sở đã triển khai số hóa hồ sơ tư liệu di tích lịch sử văn hóa đã được xếp hạng trên địa bàn tỉnh. Bảo tàng tỉnh cũng đã triển khai số hóa hơn 8.000 tài liệu hiện vật, 8.600 trang tư liệu hồ sơ di tích và các hiện vật quý hiếm có giá trị lịch sử văn hóa, nghệ thuật mà Bảo tàng đang lưu giữ. Ngoài ra, năm 2021, Tỉnh đoàn Hà Tĩnh cũng đã phối hợp với sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai xây dựng 105 điểm công trình mã QR thông tin các di tích lịch sử văn hóa, các địa chỉ đỏ, di tích cách mạng tiêu biểu như: Khu lưu niệm Bác Hồ về thăm Hà Tĩnh, Khu di tích Tổng Bí thư Trần Phú, Khu di tích Tổng Bí thư Hà Huy Tập, Khu di tích Ngã ba Đồng Lộc, Khu tưởng niệm Xô viết Nghệ Tĩnh, Khu tưởng niệm Lý Tự Trọng, Khu di tích Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác, đền thờ Chế Thắng phu nhân Nguyễn Thị Bích Châu... để đưa thông tin đến với du khách và phục vụ cho thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên đến nghiên cứu, học tập. Việc thực hiện việc số hóa di sản trong xu thế phát triển du lịch hiện nay đã tạo ra cầu nối đưa các di tích, di sản đến gần hơn với cộng đồng, đóng góp tích cực vào quá trình bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, đưa di

sản trở thành sản phẩm của du lịch thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Bên cạnh những kết quả đạt được, ở một số địa phương, công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Đội ngũ cán bộ chuyên ngành văn hóa nói chung và di sản văn hóa nói riêng vẫn còn thiếu đặc biệt đội ngũ cán bộ, chuyên gia am hiểu về kỹ thuật chế tác và bảo quản, lưu giữ mộc bản; hoạt động quảng bá du lịch văn hóa, kết nối tour, tuyến du lịch để giới thiệu các di tích lịch sử văn hóa, gắn với phát triển kinh tế xã - hội trên địa bàn tỉnh chưa được quan tâm đầu tư; các địa phương chưa thực sự tạo được các sản phẩm, dịch vụ văn hóa - du lịch có thương hiệu mạnh, mang tính cạnh tranh và ấn tượng đối với du khách; hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo tại một số điểm di tích lịch sử đã được xếp hạng có biểu hiện thiếu lành mạnh, mê tín dị đoan, vẫn còn tình trạng một số di tích tự ý xây dựng, phục dựng nhưng chưa có ý kiến của cơ quan chuyên môn; công tác lập quy hoạch tổng thể đầu tư tu bổ di tích, lập quy hoạch khảo cổ, cấm mốc địa giới di tích ở hầu hết các địa phương triển khai còn chậm; mức độ ứng dụng thành tựu công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong lĩnh vực văn hóa còn hạn chế; việc thực hiện chuyển đổi số của các lĩnh vực bảo tàng, di sản còn chậm.

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế, từng nước nâng hiệu quả công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TU, thiết nghĩ trong thời gian tới cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, tuyên truyền sâu rộng và triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng về văn hóa, đặc biệt là Nghị quyết số 18-NQ/TU, trong tâm là quán triệt, thực hiện nghiêm túc

Xem tiếp trang 74

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NHÂN DÂN TRONG ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG



TS. NGUYỄN THỊ LAM

Khoa Xây dựng Đảng

Tóm tắt: Đấu tranh phòng, chống tham nhũng là cuộc đấu tranh nhằm chống lại các hành vi vi phạm pháp luật của những người có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan công quyền và doanh nghiệp. Phát huy vai trò tham gia tích cực của Nhân dân thông qua việc thực hiện quyền tố cáo và quyền giám sát sẽ giúp cung cấp nguồn thông tin phong phú để giúp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát hiện, xử lý đối với tình trạng tham nhũng, tiêu cực. Để phát huy vai trò của Nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng có hiệu quả, cần phải có hành lang pháp lý, tạo điều kiện để Nhân dân thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của mình.

Tham nhũng là hiện tượng xã hội tiêu cực, là khuyết tật bẩm sinh của quyền lực. Theo Công ước của Liên hợp quốc về phòng, chống tham nhũng năm 2003: “Tham nhũng là sự lợi dụng quyền lực của Nhà nước để trục lợi riêng”. Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018 của Việt Nam xác định: “Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi”. Công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng không chỉ là trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mà còn là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn dân. Điều 30 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Mọi người có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân”, bằng việc thực hiện quyền tố cáo theo quy định của pháp luật, Nhân dân góp một phần không nhỏ vào cuộc đấu tranh phòng, chống các hành vi tham nhũng của cán bộ, công chức, có chức vụ, quyền hạn, làm việc trong các cơ quan nhà nước.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đề cao ý dân, sức dân. Theo Người, “Dễ mười lần không dân cũng chịu. Khó trăm lần dân liệu cũng xong”. Vì vậy, dù bận rất nhiều công việc nhưng Người luôn dành thời gian về với dân, gặp gỡ quần chúng để học dân, hỏi dân, hiểu dân, nghe dân nói, thấy dân làm, để nắm vững tình hình của người dân. Nhân dân là lực lượng vô cùng đông đảo và có sức mạnh to lớn giúp cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện, xử lý có hiệu quả các vụ án, vụ việc tham nhũng. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn đề cao trách nhiệm của Nhân dân và các cơ quan đại biểu của Nhân dân trong đấu tranh phòng chống tham nhũng; lãnh đạo xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống tham nhũng, nhất là quy định rõ trách nhiệm của người dân trong việc tham gia phòng chống tham nhũng. Đại hội đại biểu lần thứ XIII Đảng đã nêu rõ quan điểm: “Nâng cao vai trò phát huy tính tích cực, chủ động và phối hợp của Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, Nhân dân, doanh nghiệp, báo

chí trong phát hiện, đấu tranh phòng, chống tham nhũng”¹. Đồng thời, động viên, khuyến khích, khen thưởng những tổ chức, cá nhân dám tố cáo hành vi tham nhũng, cơ chế bảo vệ những người tố cáo hành vi tham nhũng tránh sự trả thù hoặc trù dập, đồng thời chỉ ra một số biện pháp về thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát để phòng, chống tham nhũng và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Có cơ chế khuyến khích và bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng, lãng phí. Nâng cao hiệu quả công tác giám sát thanh tra, kiểm tra, làm tốt chức năng hỗ trợ thúc đẩy phát triển.

Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, trong những năm qua, Nhân dân đã tích cực sử dụng quyền tố cáo theo quy định của pháp luật, góp phần đấu tranh phòng, chống hành vi vi phạm pháp luật của cá nhân, tổ chức có chức vụ. Trong năm 2023, công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo đã đạt được một số kết quả:

Về tiếp công dân, đối với các cơ quan hành chính, trong năm 2023, có 391.512 lượt người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về 294.909 vụ việc, có 2.943 đoàn đông người. Tòa án nhân dân các cấp đã tiếp 285 lượt người về 253 vụ việc. Viện kiểm sát nhân dân các cấp và Kiểm toán nhà nước không có công dân đến khiếu nại, tố cáo.

Về giải quyết khiếu nại, các cơ quan hành chính đã giải quyết 17.463/21.374 vụ việc, đạt 81,7%. Tòa án nhân dân các cấp đã giải quyết 29/29 đơn. Viện kiểm sát nhân dân các cấp và Kiểm toán nhà nước không có vụ việc thuộc thẩm quyền.

Về giải quyết tố cáo, cơ quan hành chính đã giải quyết 6.618/7.666 vụ việc, đạt 86,3%. Tòa án nhân dân các cấp đã giải quyết 100/110 đơn. Viện kiểm sát nhân dân các cấp đã thụ lý, giải quyết 04 đơn. Kiểm toán nhà nước đã giải quyết 10/10 đơn.²

Trong thực hành các quyền dân chủ theo quy định của pháp luật, thông qua việc thực

hiện các quyền dân chủ ở cơ sở, Nhân dân đã thể hiện rõ nét vai trò chủ thể trong việc đấu tranh phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ công chức, viên chức nhà nước; chấn chỉnh phong cách, lề lối làm việc của cán bộ công chức theo hướng sát dân, trọng dân và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, đáp ứng nguyện vọng chính đáng của Nhân dân. Qua đó góp phần đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của Nhà nước ở cơ sở.

Hiện nay, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở cũng quy định cụ thể trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện giám sát của Nhân dân đối với việc sử dụng các loại quỹ của cán bộ công chức cấp xã. Theo đó, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu cần thiết cho Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; xem xét, giải quyết và trả lời kịp thời các khiếu nại tố cáo, kiến nghị của Nhân dân, kiến nghị của Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp xã hoặc báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình; Nhân dân có quyền được biết và giám sát về quyết toán ngân sách hàng năm của cấp xã; việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với cấp xã; các khoản huy động Nhân dân đóng góp và kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng của cán bộ công chức cấp xã, của cán bộ thôn, tổ dân phố; việc quản lý, sử dụng quỹ đất của cấp xã.

Tuy nhiên, việc phát huy dân chủ ở cơ sở ở một số nơi còn thiếu nề nếp, hiệu quả chưa cao. Vẫn còn một bộ phận cán bộ vi phạm quyền làm chủ của Nhân dân, sống xa dân, tham ô, tham nhũng, lãng phí; một số địa phương chậm cụ thể hóa luật thực

hiện dân chủ ở cơ sở để người dân tham gia giám sát; sự chỉ đạo phối hợp của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng chưa nhịp nhàng, đồng bộ; việc kiểm tra, giám sát, tổng kết, rút kinh nghiệm trong công tác phòng, chống tham nhũng chưa được quan tâm đúng mức.

Để tiếp tục phát huy được vai trò của các Nhân dân trong phòng, chống tham nhũng cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức của Nhân dân về trách nhiệm trong đấu tranh phòng chống tham nhũng. Cấp ủy Đảng các cấp tạo điều kiện thuận lợi nhất để Nhân dân thực hiện quyền giám sát của mình đối với các cơ quan Đảng, Nhà nước và đội ngũ cán bộ, đảng viên. Tuyên truyền để Nhân dân nhận diện rõ và có thái độ đấu tranh quyết liệt, không khoan nhượng đối với hành vi tham nhũng. Đề cao vai trò giám sát của Nhân dân, nhất là giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về nêu gương, kê khai tài sản, thu nhập, các biểu hiện suy thoái, biến chất, quan liêu, tham nhũng của cán bộ, công chức, đảng viên. Phát huy sức mạnh, trách nhiệm của Nhân dân tham gia tích cực vào giám sát, phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

Người dân cần chủ động nâng cao ý thức làm chủ của mình, tích cực tìm hiểu các quy định pháp luật, xây dựng ý thức tôn trọng pháp luật, hành động trên cơ sở pháp luật, có hành vi ứng xử tích cực trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đối với phòng, chống tham nhũng. Từ đó, người dân sẽ có hiểu biết, ý thức được trách nhiệm của mình trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, cần xây dựng cơ chế tạo điều kiện cho người dân giám sát và phát huy vai trò của mình trong thực hiện các quyền dân chủ. Công tác cải cách hành chính phải cần được đẩy mạnh, làm cho bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, phân định rõ ràng chức

năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Cần xóa bỏ cơ chế xin - cho và các thủ tục hành chính rườm rà, sách nhiễu Nhân dân. Thực tiễn đã cho thấy, trong cuộc chiến phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, nếu phát huy được vai trò tham gia tích cực của Nhân dân thông qua thực hiện quyền tố cáo và quyền giám sát đúng pháp luật thì đó sẽ là lực lượng to lớn, cung cấp nguồn thông tin phong phú để giúp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát hiện, xử lý có hiệu quả đối với tình trạng tham nhũng, tiêu cực. Đồng thời, Nhà nước đảm bảo thực hiện công khai, minh bạch tạo điều kiện cho công dân tiếp cận thông tin. Tăng cường minh bạch thông tin về hoạt động của cơ quan Nhà nước là một trong những cơ chế tăng cường sự tin cậy của Nhân dân vào chính quyền và cũng là một trong các biện pháp hạn chế tối đa tham nhũng, tiêu cực.

Thứ ba, nâng cao trách nhiệm đối thoại, giải trình của các cơ quan Nhà nước với Nhân dân. Tiếp cận thông tin một cách đầy đủ là cơ sở để Nhân dân nắm bắt được các hoạt động của cơ quan Nhà nước. Chỉ khi nắm bắt được đầy đủ thông tin thì người dân mới có cơ sở để đưa ra các yêu cầu cần giải trình của mình. Ngược lại, khi đã được tiếp cận đầy đủ thông tin cần thiết, người dân sẽ không thắc mắc, yêu cầu giải trình, kiến nghị, phản ánh. Bên cạnh đó, các thông tin được công khai sẽ khiến cho cán bộ, công chức ý thức cao hơn về trách nhiệm của mình trong việc cung cấp, giải thích thông tin cho người dân, chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của mình trước người dân.

Thứ tư, hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến sự tham gia của người dân trong phòng chống tham nhũng. Sự tham gia của người dân trong phòng chống tham nhũng thông qua các quy định pháp luật thể hiện rõ quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước trong cuộc đấu tranh phòng chống tham nhũng, đồng thời cũng nhằm xác định

rõ trách nhiệm của Nhân dân trong đấu tranh phòng chống tham nhũng. Cần làm rõ quyền làm chủ của Nhân dân trong xây dựng và quản lý Nhà nước thông qua các hình thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp. Quy định thêm nhiều hình thức tiếp thu rộng rãi về sự phản ánh, phát hiện của người dân như: thiết lập đường dây nóng, hộp thư kín, thực hiện tiếp dân, tăng cường đối thoại với dân... Quy định của pháp luật phải tạo ra cơ sở pháp lý bảo vệ người tố cáo để khuyến khích người dân tham gia trong phòng chống tham nhũng.

Để phát huy được vai trò của các tầng lớp Nhân dân trong phòng, chống tham nhũng cần quán triệt nguyên tắc “Dân là gốc”, dựa vào Nhân dân, phát huy vai trò, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của Nhân dân trong việc tham gia quản lý Nhà nước và xã hội, trong đó bao gồm quyền tham gia phòng, chống tham nhũng./.

Chú thích:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2011, t. 2, tr 146.

2. Báo cáo Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2023 của Thanh tra Chính phủ.

BẢO TỒN, PHÁT HUY... (Tiếp theo trang 70)

quan điểm “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, mục tiêu, động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội... Xây dựng, phát triển văn hóa và con người Hà Tĩnh trên cơ sở bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, chọn lọc, tiếp thu tinh hoa văn hóa dân tộc và thời đại”.

Thứ hai, phát huy vai trò tự quản, tự giác và chủ động của cộng đồng trong công cuộc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Khuyến khích, hỗ trợ các cá nhân tham gia bảo vệ di tích; các nghệ nhân, chủ thể văn hóa, là những người đang nắm giữ bảo tồn và truyền dạy các giá trị di sản văn hóa. Trao quyền cho cộng đồng trong quản lý di tích, danh thắng, tổ chức lễ hội, thực hành di sản văn hóa phi vật thể. Muốn vậy phải xử lý hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa Nhà nước và cộng đồng trong quá trình quản lý, khai thác và bảo vệ di sản. Phân định rõ vai trò, trách nhiệm và quyền lợi từ cả hai phía. Cần đảm bảo các hoạt động kinh tế lâu dài, cung cấp những lợi ích kinh tế và xã hội tới tất cả những người được hưởng lợi từ di sản, từ đó kích thích họ tự nguyện, tự giác bảo vệ di sản, tạo nên chất keo gắn kết cộng đồng với di sản.

Thứ ba, tăng cường đầu tư nguồn vốn (nguồn vốn của Nhà nước, nguồn vốn xã hội hóa) và nguồn nhân lực cho công tác bảo tồn các di tích lịch sử - văn hóa để bảo đảm giữ gìn bản sắc kiến trúc cổ trong quá trình trùng tu, tôn tạo. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng giao thông, nhất là các tuyến đường liên kết vùng, hạ tầng du lịch... tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời là điều kiện để tăng cường kết nối, giao lưu, hợp tác, phát triển văn hóa nói chung, bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa nói riêng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Thứ tư, đẩy mạnh hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch. Đa dạng hóa các hình thức quảng bá du lịch thông qua các phương tiện truyền thông, tổ chức các sự kiện mang tính văn hóa. Tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại trong hoạt động quản lý, kinh doanh du lịch, đào tạo nhân lực du lịch, nghiên cứu thị trường, xúc tiến, quảng bá du lịch, cũng như trong hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di tích, như lập ngân hàng dữ liệu di sản văn hóa, số hóa hoạt động quản lý di sản văn hóa. Thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc tế về quản lý, sử dụng, bảo tồn bền vững các giá trị văn hóa trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, hướng tới mục tiêu phát triển du lịch bền vững./.

CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN VÀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH KINH TẾ BIỂN Ở TỈNH HÀ TĨNH



ThS. NGUYỄN QUỲNH NGÀ

Khoa Xây dựng Đảng

Tóm tắt: Kinh tế biển có vai trò quan trọng trong tổng thể phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của đất nước; phát triển kinh tế biển có vai trò quan trọng trong tăng cường sức mạnh tổng hợp, thế và lực của quốc gia. Nhận thức được tầm quan trọng đó, phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh, luôn được Đảng ta quan tâm lãnh đạo. Với bờ biển dài 137km, Hà Tĩnh có tiềm năng lớn về phát triển kinh tế biển. Trong những năm vừa qua, thực hiện chủ trương của Đảng, kinh tế biển Hà Tĩnh đã có được những sự phát triển quan trọng, góp phần thực hiện mục tiêu đưa Hà Tĩnh trở thành tỉnh mạnh về biển, giàu từ biển.

Với chiều dài bờ biển hơn 3.200km, 2 quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa cùng hơn 2.500 đảo lớn nhỏ, biển là bộ phận cấu thành chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, gắn bó mật thiết với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Kinh tế biển và ven biển đóng góp tỉ lệ lớn vào tổng sản phẩm quốc nội, là nguồn thu ngoại tệ mạnh phục vụ phát triển đất nước. Đồng thời, việc phát triển kinh tế biển có vai trò quan trọng trong tăng cường sức mạnh tổng hợp, thế và lực của quốc gia cũng như nâng cao “thế trận lòng dân” trên các vùng biển, đảo. Vì vậy, kinh tế biển có vai trò quan trọng trong tổng thể phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của đất nước. Nhận thức được tầm quan trọng đó, phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh, luôn được Đảng ta quan tâm, chỉ đạo. Năm 2007, Hội nghị Trung ương lần thứ 4, Ban Chấp hành Trung ương Đảng

(khóa X) đã ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 09/02/2007 về “Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020”. Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW, tại Hội nghị Trung ương lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) tiếp tục ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018 về “Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Nghị quyết nêu rõ quan điểm: “Việt Nam phải trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh và an toàn; phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; tăng cường đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển, góp phần duy trì môi trường hòa bình, ổn định và phát triển..”.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, các cơ quan Trung ương, các địa phương có biển đã ban hành chương trình,

kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết. Ngày 05/3/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 26/NQ-CP về Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW. Sau hơn 5 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, nhận thức của toàn bộ hệ thống chính trị và người dân về vị trí, vai trò của biển, đảo đối với phát triển kinh tế, bảo vệ chủ quyền quốc gia đã được nâng lên. Chủ quyền an ninh quốc gia trên biển được giữ vững; công tác tìm kiếm cứu nạn, an toàn hàng hải được tăng cường; công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển được chủ động triển khai toàn diện; hệ thống kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư, nhất là đời sống vật chất và tinh thần của người dân vùng biển được cải thiện rõ rệt. Công tác quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên môi trường biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng ngày càng được chú trọng... Du lịch biển, đảo mang lại 70% doanh thu cho ngành du lịch cả nước; vận tải hàng hóa đạt 85,1 triệu tấn; sản lượng khai thác quy đổi ra dầu đạt 18,43 triệu tấn; sản lượng thủy hải sản khai thác đạt hơn 3,9 triệu tấn; nuôi trồng thủy hải sản đạt hơn 4,8 triệu tấn... Mạng lưới giao thông đã quan tâm đầu tư bảo đảm kết nối các trung tâm kinh tế lớn của cả nước; các khu công nghiệp, khu đô thị, các vùng biển với các bến cảng được xây dựng dựa trên hệ sinh thái kinh tế và tự nhiên, kết nối chiến lược Bắc - Nam, Đông - Tây giữa các vùng trong nước và với quốc tế; công tác bảo vệ môi trường, bảo tồn, phát triển bền vững đa dạng sinh học biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, phòng, chống thiên tai đã được tăng cường. Đến nay, cả nước có 12 khu bảo tồn biển đã được thành lập, với tổng diện tích hơn 206.000 ha, trong đó có 185.000 ha biển; Việt Nam cũng đã tham gia nhiều diễn đàn khu vực và thế giới về kinh tế biển xanh, chống rác thải nhựa biển, bảo vệ, bảo tồn các hệ sinh thái... qua đó từng

bước khẳng định vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Tuy nhiên, nhìn chung quy mô kinh tế biển của nước ta còn khiêm tốn, phát triển chưa tương xứng với tiềm năng; cơ cấu ngành nghề chưa hợp lý; hệ thống các cơ sở nghiên cứu khoa học - công nghệ biển, đào tạo nguồn nhân lực cho kinh tế biển; các cơ sở quan trắc, dự báo, cảnh báo biển, thiên tai biển, các trung tâm tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn... ở ven biển còn nhỏ, trang bị thô sơ, năng lực còn yếu; môi trường biển biến đổi theo chiều hướng xấu; đa dạng sinh học biển và nguồn lợi thủy sản đang sa sút nghiêm trọng, thiếu bền vững. Trong khi đó, phương thức quản lý biển mới, tiên tiến như quản trị theo không gian, quản lý tổng hợp vùng bờ còn chậm được áp dụng; tình trạng khai thác, sử dụng biển và hải đảo còn thiếu bền vững, vẫn còn tình trạng khai thác tận diệt; lãng phí tài nguyên biển làm suy giảm đa dạng sinh học và nguồn lợi thủy sản, gây ô nhiễm môi trường; đầu tư phát triển kinh tế, xây dựng kết cấu hạ tầng biển, đảo còn dàn trải, thiếu chiều sâu, chưa tạo đột phá và vươn ra vùng biển quốc tế.

Hà Tĩnh có bờ biển dài 137km, nguồn lợi thủy sản dồi dào, có ngư trường rộng lớn để phát triển ngành khai thác, đánh bắt, chế biến hải sản và nhiều bãi biển đẹp thích hợp cho phát triển du lịch... Để phát triển kinh tế biển, Nghị quyết số 36-NQ/TW tiếp tục là cơ sở quan trọng để các địa phương ven biển như tỉnh Hà Tĩnh lãnh đạo, chỉ đạo phát triển bền vững kinh tế biển hiệu quả hơn, đồng bộ hơn.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, Hà Tĩnh đã ban hành Chương trình hành động 1386-CTr/TU, với mục tiêu “Đưa Hà Tĩnh trở thành tỉnh mạnh về biển, giàu từ biển”. Đồng thời ban hành cơ chế, chính sách phát triển bền vững kinh tế biển tương đối đồng bộ; tập trung hoàn thiện các quy định, đổi mới, phát triển mô hình tăng

trường xanh, bảo vệ môi trường, quản lý tổng hợp và thống nhất về biển. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy hoạch, kế hoạch về phát triển bền vững kinh tế biển; rà soát, bổ sung, xây dựng hệ thống cơ chế, chính sách về biển theo hướng phát triển bền vững, đảm bảo phù hợp với Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam gắn với Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Lồng ghép, triển khai đồng bộ với các nhiệm vụ liên kết vùng theo Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 16/8/2004 của Bộ Chính trị về phát triển Bắc Trung bộ, duyên hải Trung bộ (nay là Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 03/11/2022).

Đến nay, hệ thống cơ chế, chính sách phát triển bền vững kinh tế biển của tỉnh Hà Tĩnh đến nay nhìn chung khá toàn diện, bao gồm: Quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng huyện quy hoạch xây dựng trung tâm logistics, du lịch, đô thị, thương mại ven biển quy hoạch các khu chức năng trong Khu kinh tế Vũng Áng; Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển mạnh; Đề án đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu gắn với phát triển dịch vụ logistics; Nghị quyết hỗ trợ các hãng tàu biển mở tuyến vận chuyển container qua cảng Vũng Áng; Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển thủy sản; Kế hoạch thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030; Các kế hoạch phòng chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU); Đề án phát triển Khu kinh tế Vũng Áng; Đề án xây dựng thị xã Kỳ Anh gắn với Khu kinh tế Vũng Áng trở thành thành phố trực thuộc tỉnh; Đề án xây dựng huyện Nghi Xuân đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu điển hình về văn hóa gắn với phát triển du lịch; các quy định về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

Sau hơn 5 năm triển khai Nghị quyết số 36-NQ/TW, kinh tế biển Hà Tĩnh đã có được những sự phát triển quan trọng, tạo ra được những động lực phát triển cho tỉnh nói riêng, cho cả nước nói chung. Các ngành kinh tế biển và ven biển có bước phát triển rõ nét.

Du lịch nói chung và du lịch biển nói riêng hiện đang phục hồi nhanh sau gần 2 năm đóng băng, năm 2022 đạt gần 1,6 triệu lượt khách và năm 2023 đạt gần 3,2 triệu lượt khách (phục hồi 83% so với năm 2019). Chú trọng phát triển loại hình du lịch biển kết hợp du lịch văn hóa, sinh thái và trải nghiệm nông thôn mới. Tập trung khai thác và phát triển hệ thống cảng biển;

Khu bến Vũng Áng và khu bến Sơn Dương được quy hoạch thuộc nhóm cảng biển số 2 theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam; phối hợp Bộ Giao thông vận tải hoàn thiện Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Giai đoạn 2018 - 2022, có hơn 18.500 lượt tàu, thuyền qua cảng, sản lượng hàng hóa đạt hơn 153 triệu tấn. Xuất khẩu tăng trưởng tích cực, duy trì trong nhóm dẫn đầu khu vực; kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2018 - 2023 đạt 9 tỷ USD, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt trên 51%/năm; riêng năm 2023 đạt 2,4 tỷ USD, cao nhất từ trước đến nay, trong đó xuất khẩu thép của Formosa chiếm 93% tổng kim ngạch. Các sản phẩm của tỉnh đã xuất khẩu trên 20 thị trường trong và ngoài khu vực Ban hành các chính sách huy động nguồn lực, phát triển Khu kinh tế Vũng Áng với mục tiêu trở thành cửa ngõ xuất nhập khẩu hàng hóa của Lào, các tỉnh Đông Bắc Thái Lan; đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu gắn với phát triển logistics, hỗ trợ các hãng tàu biển mở tuyến vận chuyển container. Tập trung đầu tư phát triển Khu kinh tế Vũng Áng và các khu, cụm công nghiệp ven biển. Khu kinh tế Vũng Áng với 06 khu công

nghiệp được quy hoạch 16; hiện có 153 dự án đầu tư còn hiệu lực, gồm 56 dự án đầu tư nước ngoài vốn đăng ký hơn 16 tỷ USD và 97 dự án đầu tư trong nước vốn đăng ký gần 56.000 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho hơn 18.000 lao động. Một số ngành công nghiệp ven biển với các dự án đầu tư lớn đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh cũng như của khu vực như luyện kim 17, điện năng 18 (chiếm 40-50% GRDP toàn tỉnh); hiện đang xúc tiến đầu tư một số dự án lĩnh vực năng lượng, công nghiệp ô tô tại Khu kinh tế Vũng Áng như Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng II, các nhà máy pin của Tập đoàn Vingroup... Năng lực bảo đảm quốc phòng, an ninh thực thi pháp luật trên biển, nhất là các vụ việc tại Khu kinh tế Vũng Áng, thị xã Kỳ Anh liên quan đến đất đai, sự cô môi trường biển... được tăng cường. Không để hình thành điểm nóng về an ninh trật tự tại các vùng biển và ven biển. Chủ động, tăng cường và mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển. Tăng cường quan hệ với các đối tác, các nước có tiềm lực về biển, các nước có chung lợi ích trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi và phù hợp luật pháp quốc tế. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động ngư dân không vi phạm chủ quyền, khai thác thủy, hải sản ở vùng biển nước ngoài. Tiếp tục xúc tiến đầu tư một số bến cảng tại cảng Vũng Áng theo thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Lào; phối hợp Bộ Giao thông vận tải xúc tiến đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Vũng Áng - Tân Ấp - Mụ Giạ.

Tiếp tục huy động nguồn lực, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư cho phát triển bền vững biển: Giai đoạn 2018 - 2023, huy động và bố trí trên 5.100 tỷ đồng từ nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh đầu tư hạ tầng đường giao thông ven biển, hệ thống đê biển, hạ tầng du lịch, khu kinh tế ven biển, công trình quân sự trên địa bàn ven biển, đảo.

Bên cạnh đó, quá trình phát triển kinh tế biển ở Hà Tĩnh vẫn còn bộ lộ một số hạn chế: Nhận thức về vị trí, vai trò của kinh tế biển trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của một bộ phận nhân dân, cán bộ, đảng viên chưa đầy đủ; cơ chế, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế biển còn thiếu đồng bộ, liên kết; dữ liệu về tài nguyên biển hạn chế và chưa được cập nhật thường xuyên; kinh tế biển chưa phát triển tương xứng với tiềm năng; công nghiệp ven biển với các sản phẩm chủ lực điện, thép đóng góp lớn vào tăng trưởng của tỉnh nhưng những năm gần đây bắt đầu tới ngưỡng tối đa, trong khi các yếu tố mới chưa thực sự tạo ra động lực tăng trưởng rõ rệt cho nền kinh tế; hạ tầng Khu kinh tế Vũng Áng và các khu, cụm công nghiệp ven biển chưa đồng bộ; quy mô sản xuất ngành thủy sản còn nhỏ; hạ tầng các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão, hạ tầng nuôi trồng thủy sản chưa đáp ứng nhu cầu sản xuất; một số hạ tầng ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai đang xuống cấp; hoạt động du lịch biển còn mang tính thời vụ, những năm vừa qua chịu tác động tiêu cực bởi dịch COVID-19; các sản phẩm, dịch vụ chưa có tính cạnh tranh cao; giải phóng mặt bằng, đầu tư một số dự án du lịch, dịch vụ ven biển nhìn chung còn chậm; chất lượng nguồn nhân lực ngành biển còn thấp, chưa phát huy được vai trò khoa học công nghệ trong phát triển kinh tế biển; công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực phát triển kinh tế biển chưa được tập trung. Để hiện thực hoá mục tiêu “Đưa Hà Tĩnh trở thành tỉnh mạnh về biển, giàu từ biển”, trong thời gian tới cần tiếp tục tuyên truyền, quán triệt triển khai Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết số 26/NQ-CP của Chính phủ và Chương trình hành động số 1386-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; đẩy mạnh triển khai Quy hoạch tỉnh; tập trung hoàn thiện hệ thống quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị và nông thôn, quy

hoạch xây dựng khu chức năng phục vụ kinh tế biển; đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp để khuyến khích phát triển doanh nghiệp và thu hút nguồn lực nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, nhất là cảng biển nước sâu, các ngành kinh tế biển, Khu Kinh tế Vũng Áng theo định hướng Quy hoạch tỉnh; ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ về kinh tế biển, đầu tư phát triển các xã vùng ven biển; phối hợp chặt chẽ với các địa phương trong vùng, tiểu vùng để hoàn thành các mục tiêu chung về phát triển kinh tế biển cũng như liên kết vùng; tập trung phát triển Khu kinh tế Vũng Áng trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh theo mục tiêu Đề án phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển mạnh đến năm 2030 theo Quyết định số 892/QĐ-TTg ngày 16/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó tiếp tục triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Văn bản số 6859/UBND-KT1 ngày 30/11/2022 của UBND tỉnh, nhất là các nhóm nhiệm vụ giải pháp về hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động liên kết hợp tác sản xuất kinh doanh, hội nhập quốc tế, bảo đảm an toàn, an ninh trong phát triển các cụm liên kết ngành kinh tế biển tại Khu kinh tế Vũng Áng; tiếp tục chuyển đổi cơ cấu và hiện đại hóa ngành nông nghiệp để phát huy tiềm năng từ biển; đẩy mạnh xuất khẩu gắn với phát triển dịch vụ logistics theo Nghị quyết số 11-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; tập trung phát triển nhân lực khoa học và công nghệ biển; nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế; kiên quyết đấu tranh bảo vệ chủ quyền và các lợi ích hợp pháp, chính đáng của quốc gia trên biển.

Thế kỷ 21 được xem là “Thế kỷ của đại dương”, vì vậy, Biển tiếp tục đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội cũng như vấn đề an ninh quốc gia. Để Việt Nam trở thành quốc gia mạnh

về biển, giàu lên từ biển, Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện thể chế phát triển bền vững kinh tế biển, ưu tiên hoàn thiện hành lang pháp lý, đổi mới, phát triển mô hình tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh quốc tế của các ngành kinh tế biển, các vùng biển, ven biển; hoàn thiện cơ chế quản lý tổng hợp và thống nhất về biển. Hà Tĩnh có tiềm năng về phát triển kinh tế biển, thực trạng hiện nay cho thấy, hoạt động kinh tế biển Hà Tĩnh vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, suy giảm hệ sinh thái và đa dạng sinh học biển trong tương lai. Vì vậy, Hà Tĩnh cần tiếp tục nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện và thực hiện một cách đồng bộ các giải pháp để đưa Hà Tĩnh trở thành tỉnh mạnh về biển, giàu từ biển theo hướng phát triển bền vững./.

Chú thích:

Tài liệu tham khảo:

1. Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
2. Giáo trình trung cấp LLCT Thực tiễn kinh nghiệm xây dựng và phát triển địa phương Hà Tĩnh, NXB Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, HN.2022
3. Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tĩnh (2023) Báo cáo số 4058: /SKHĐT-THV/v hoàn thiện báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW về kinh tế biển
4. Tỉnh ủy Hà Tĩnh - Báo cáo Sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

NÂNG CAO NĂNG LỰC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CỦA ĐẢNG BỘ CẤP XÃ, GÓP PHẦN XÂY DỰNG MỘT NỀN NÔNG NGHIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở HÀ TĨNH



ThS. TRẦN THỊ BÍCH THUY

Khoa Lý luận cơ sở

Tóm tắt: Biến đổi khí hậu (BĐKH) đã và đang tác động tiêu cực đến việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, nhất là trong sản xuất nông nghiệp của Việt Nam. Thích ứng với BĐKH là một trong những mục tiêu chiến lược của Việt Nam về phát triển carbon thấp, giảm tính dễ bị tổn thương, tăng khả năng chống chịu với BĐKH, phục vụ mục tiêu phát triển của đất nước. Vì vậy, nâng cao năng lực lãnh đạo, tổ chức thực hiện các kế hoạch hành động thích ứng với BĐKH của đảng bộ cấp xã, hướng tới xây dựng một nền nông nghiệp phát triển bền vững đang là những vấn đề đặt ra đối với hệ thống chính trị cấp cơ sở nói chung và tỉnh Hà Tĩnh nói riêng.

Trong vài chục năm gần đây, BĐKH đã gây ra những biến động dị thường về thời tiết, ảnh hưởng xấu đến sản xuất và đời sống ở nhiều nơi trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Nông nghiệp là lĩnh vực có mức độ rủi ro cao trước BĐKH, do đây là lĩnh vực có mức độ nhạy cảm cao với thiên tai và các hiện tượng khí hậu cực đoan. Hiện nay, nhiều hộ gia đình vẫn dựa vào nông nghiệp để đảm bảo an ninh lương thực, do vậy, BĐKH đang trở thành nguy cơ hiện hữu đối với mục tiêu xóa đói giảm nghèo và phát triển bền vững. Theo kết quả tính toán của Dự án “Hỗ trợ các quốc gia đang phát triển lồng ghép các hoạt động lĩnh vực nông nghiệp vào trong Kế hoạch thích ứng quốc gia (NAPs)” thì mức độ

ảnh hưởng của BĐKH đến lĩnh vực nông nghiệp là rất lớn.

Hà Tĩnh là một tỉnh thuộc khu vực Bắc Trung Bộ có diện tích tự nhiên 6.000 km² dân số gần 1,3 triệu người; là vùng “địa linh nhân kiệt” có nhiều di tích lịch sử, văn hoá và danh thắng nổi tiếng; có vị trí địa kinh tế hết sức quan trọng, kết nối với Lào và vùng Đông Bắc Thái Lan; có cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương gắn với khu kinh tế Vũng Áng, cửa khẩu Cầu Treo, hệ thống đường bộ, đường sắt Bắc - Nam và hành lang kinh tế Đông - Tây, với nhiều lợi thế để phát triển như lao động, đất đai, tài nguyên khoáng sản... Trong thời gian qua, với việc phát huy sức mạnh từ nội lực và sự hỗ trợ to lớn, quý báu của Trung ương và các nhà tài trợ quốc tế, Tỉnh có những bước

phát triển trên tất cả các mặt của đời sống kinh tế - xã hội. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đời sống đại bộ phận nhân dân ngày càng được cải thiện.

Do vị trí địa lý khu vực Hà Tĩnh nằm ở khu vực giao tranh của các hệ thống gió mùa, thuộc khu vực chuyển tiếp của 2 loại hình khí hậu miền Bắc và miền Nam nên khí hậu rất khắc nghiệt. Tỉnh Hà Tĩnh có diện tích hẹp ngang và chạy dài theo đường bờ biển nên những biến chuyển của BĐKH sẽ ảnh hưởng rất lớn đến thời tiết và khí hậu, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp. Do đặc thù về vị trí địa lý và địa hình, Hà Tĩnh thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai và BĐKH. Trong những thập kỷ gần đây, Hà Tĩnh chịu ảnh hưởng lớn của các hiện tượng thời tiết cực đoan như bão, gió Tây Nam khô nóng, hạn hán, mưa lớn gây lũ, ngập lụt và lũ quét... BĐKH đã tác động xấu đến chất lượng nguồn nước, làm suy giảm nguồn nước của các sông, gây xâm nhập mặn ở một số vùng cửa sông, ven biển, đồng thời mưa lớn kết hợp với nhiệt độ tăng cao làm tăng nguy cơ sạt lở đất và gây áp lực lớn lên các hồ chứa. Hầu hết các công trình hạ tầng của Tỉnh được thiết kế và xây dựng chưa xem xét đến các ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Thực tế qua đợt lũ năm 2010, một phần các trục giao thông chính, bao gồm quốc lộ 1A, cầu cống, giao thông nông thôn và đường sắt bị phá hủy, gây thiệt hại hàng ngàn tỷ đồng. Ở khu vực đô thị, lũ lụt diễn ra ở quy mô lớn, ảnh hưởng đến các hoạt động như cấp nước, giao thông, các bãi chôn chất thải rắn, sông ngòi, hồ ao,... gây ra ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, ảnh hưởng lớn đến đời sống, sinh kế của người dân.

Trong 2 thập kỷ qua, tình hình diễn biến thời tiết khá phức tạp với xu hướng nóng dần lên, ở Hà Tĩnh xuất hiện nhiều đợt nắng nóng kéo dài, mưa lớn và bất

thường, gây ra lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn ở nhiều nơi.

Về nhiệt độ: Trong 30 năm qua (1990 - 2020), nhiệt độ không khí trung bình năm ở khu vực tỉnh Hà Tĩnh có xu thế tăng với tốc độ tương đối đồng đều tại các trạm quan trắc trên cả vùng, từ $0,1 \div 0,2^{\circ}\text{C}/10$ năm. Trong đó nhiệt độ ở huyện Hương Khê có tốc độ tăng lớn nhất. Cũng giống như nhiệt độ trung bình năm, nhiệt độ trung bình các mùa xuân, hè, thu, đông tại tất cả các trạm đều thể hiện xu thế tăng nhẹ với tốc độ tăng tương ứng trong các mùa Xuân, Hè, Thu, Đông là: $0,1 \div 0,21^{\circ}\text{C}/10$ năm; $0,14 \div 0,24^{\circ}\text{C}/10$ năm; $0,18 \div 0,23^{\circ}\text{C}/10$ năm; $0,14 \div 0,21^{\circ}\text{C}/10$ năm. Tốc độ tăng của nhiệt độ trong mùa Hè, mùa Thu lớn hơn so với hai mùa còn lại. Thành phố Hà Tĩnh và huyện Hương Khê luôn là các địa điểm có tốc độ tăng của nhiệt độ lớn nhất cả tỉnh trong vòng 30 năm qua, trong khi đó huyện Kỳ Anh là nơi có tốc độ tăng của nhiệt độ nhỏ nhất.

Về lượng mưa: Nhìn chung, xu thế biến đổi lượng mưa năm ở các trạm không thể hiện một xu thế đồng nhất mà có sự xen kẽ giữa xu thế giảm và xu thế tăng. Trong khi một số trạm như Hà Tĩnh, Kỳ Anh thể hiện xu thế giảm lượng mưa năm với tốc độ giảm khoảng $44 \div 55,2$ mm/10 năm, thì xu thế tăng được nhìn thấy tại trạm Hương Khê. Tuy nhiên, tốc độ tăng ở Hương Khê (≈ 26 mm/thập kỷ) là nhỏ hơn so với tốc độ giảm ở các địa điểm khác trong vùng. Nhìn chung, lượng mưa có xu hướng giảm rõ rệt

Từ các số liệu quan trắc trong mấy thập niên gần đây cho thấy lượng mưa có xu thế tăng trong mùa Hè, giảm mùa Thu, Đông. Tình trạng nắng nóng đang có chiều hướng gia tăng. Nắng nóng gay gắt kéo dài, nhiệt độ tối cao tuyệt đối phổ biến từ $36-40^{\circ}\text{C}$, có thời điểm vượt ngưỡng 40°C . Trong khi đó, mưa có sự biến động lớn cả không gian và thời gian xuất hiện cũng như cường độ, hiện tượng mưa dầm trong vài thập kỷ gần

đây ít khi xuất hiện hơn, mùa mưa thường xuất hiện muộn và kết thúc sớm. Điều này đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

Năm 2020, toàn tỉnh có đến 3.900ha diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại do mưa, bão. Ngoài ra, hiện tượng nắng nóng kéo dài, rét đậm, rét hại, cũng làm tăng nguy cơ lây lan sâu bệnh, ảnh hưởng đến sinh trưởng của gia súc, gia cầm, làm giảm năng suất và sản lượng của cây trồng, vật nuôi...

Để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của ngành nông nghiệp đề ra trong Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và Nghị quyết số 04-NQ/TU của Tỉnh ủy về thực hiện Đề án xây dựng tỉnh đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết 06-NQ/TU của Tỉnh ủy về tập trung tích tụ ruộng đất; Nghị quyết 04-NQ/TU của Tỉnh ủy về tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế rừng và đất lâm nghiệp; Nghị quyết 51-NQ/HĐND của HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2022 - 2025..., một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới là nâng cao năng lực của đảng bộ cấp xã trong thực hiện kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu góp phần thực hiện cam kết tại COP 26, COP 28.

Có thể thấy rằng, ngay đầu nhiệm kỳ Đại hội XIX, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tĩnh đã ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 18/11/2020 về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục hậu quả thiên tai năm 2020. Bên cạnh tập trung cao cho các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm khắc phục thiệt hại, hồi phục sản xuất, ổn định đời sống Nhân dân, Nghị quyết cũng đề ra những giải pháp phòng, chống thiên tai theo các cấp độ rủi ro. Tiếp đó, ngày 13/4/2023, Tỉnh Hà Tĩnh đã phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh

Hà Tĩnh với quan điểm rất cụ thể, chi tiết, theo đó, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, đẩy mạnh công tác quán triệt, phổ biến kiến thức về công tác phòng, chống thiên tai cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, vừa cấp bách, vừa lâu dài của các cấp, các ngành và mỗi người dân.

Tuy nhiên, trong quá trình lãnh đạo đơn vị thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng, một số đảng bộ cấp xã chưa nhận thức đúng các tác hại to lớn do BĐKH gây ra. Trong các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội nói chung, lĩnh vực sản xuất nông nghiệp nói riêng, chưa đánh giá sát sao, cụ thể những tác động tiêu cực của BĐKH đối với các hạng mục chăn nuôi, trồng trọt, chế biến các sản phẩm từ nông nghiệp; chưa xây dựng các kịch bản đề ứng phó với BĐKH trong lĩnh vực nông nghiệp, dẫn đến quá trình lãnh đạo, chỉ đạo lúng túng, chưa kịp thời khi gặp những sự cố do BĐKH gây nên.

Để nâng cao năng lực nâng cao năng lực thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của đảng bộ cấp xã, góp phần xây dựng một nền nông nghiệp phát triển bền vững ở Hà Tĩnh, trước mắt cần quan tâm thực hiện một số nội dung sau:

Một là, tăng cường công tác tuyên truyền và nâng cao nhận thức của cán bộ và của người dân về các phương thức và phương án giảm nhẹ tác động của thiên tai, về tác động của BĐKH đến tự nhiên, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, nhất là lĩnh vực nông nghiệp nói riêng, về tính tất yếu phải ứng phó với BĐKH. Chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng, các hội đoàn thể tổ chức các lớp nâng cao kiến thức năng lực ứng phó với BĐKH cho nhân dân theo Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030,

tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Hai là, lãnh đạo xây dựng, xác định nhiệm vụ trọng tâm nhằm cụ thể hoá Kế hoạch hành động thích ứng với BĐKH phù hợp điều kiện của địa phương. Đảng bộ cấp xã phải cụ thể hóa kế hoạch của cấp trên, xác định được mục tiêu chung mà tỉnh Hà Tĩnh đã xác định cụ thể qua các văn bản chỉ đạo; huy động và sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn lực địa phương cho việc thực hiện Kế hoạch hành động thích ứng với BĐKH, đảm bảo sử dụng đúng mục tiêu và có hiệu quả nguồn vốn cho lĩnh vực nông nghiệp; chủ động huy động thêm nguồn lực và lồng ghép các hoạt động của Kế hoạch hành động thích ứng với BĐKH vào các hoạt động liên quan thuộc các chương trình, kế hoạch khác của địa phương mình; chủ động phối hợp với cơ quan liên quan trong thực hiện Kế hoạch hành động thích ứng với BĐKH, cung cấp thông tin, đề xuất giải quyết những vướng mắc, khó khăn và định kỳ hàng năm báo cáo kết quả chỉ đạo, thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) theo quy định.

Ba là, khuyến khích phát triển các mô hình sản xuất sạch, các công nghệ thân thiện với môi trường từ sản xuất nông nghiệp đến sinh hoạt nhằm giảm phát thải khí thải gây hiệu ứng nhà kính, ô nhiễm môi trường và tiết kiệm tài nguyên. Chú trọng xây dựng nền nông nghiệp tái sinh nhằm bảo tồn và khôi phục đất nông nghiệp, hệ sinh thái và các tài nguyên quan trọng như đất đai, đa dạng sinh học và nước, giảm sự phụ thuộc của nông dân vào các yếu tố đầu vào của nông nghiệp, cải thiện khả năng chống chịu của đất nông nghiệp đối với biến đổi khí hậu và mang lại lợi ích cho sinh kế của nông dân... chọn nông nghiệp công nghệ cao làm khâu đột phá của địa phương, xác định sản xuất nông nghiệp tuần hoàn, ứng dụng công nghệ cao là bước đi sống còn của các hợp tác xã trên địa bàn.

Bốn là, nâng cao hiệu quả quản lý và giải quyết các vấn đề tác động đến lĩnh vực nông nghiệp. Quan tâm đào tạo nguồn nhân lực, đào tạo cán bộ kỹ thuật có khả năng phân tích dự báo, đề ra các giải pháp ứng phó với BĐKH đảm bảo phát triển nền nông nghiệp bền vững phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương. Thường xuyên cập nhật các thông tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn để xác định các loại hình thời tiết cực đoan có nguy cơ cao xảy ra trên địa bàn xã ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp; thực hiện đánh giá rủi ro khí hậu... để ứng phó thời tiết cực đoan.

Năm là, tập trung rà soát lại các quy hoạch tổng thể phát triển lĩnh vực nông nghiệp với các phương án phải đối mặt với lũ, lụt và nước biển dâng. Đẩy mạnh việc thực hiện chương trình lựa chọn cây, con thích ứng với BĐKH. Việc quy hoạch, xây dựng các dự án nông nghiệp ở địa phương đều phải tính tới yếu tố BĐKH; đầu tư củng cố, bảo vệ và nâng cấp hệ thống đê, kênh mương thủy lợi theo kịch bản BĐKH để đủ sức chống chịu với các hiện tượng thời tiết cực đoan do BĐKH gây nên.

Sáu là, nâng cao năng lực HTX nông nghiệp được xác định là khâu đột phá của sản xuất nông nghiệp trong ứng phó với biến đổi khí hậu. Ngoài nhận được sự hỗ trợ về chính sách, vốn đầu tư, các HTX nông nghiệp từng bước thay đổi tư duy sản xuất, kinh doanh, chuyển từ truyền thống sang sáng tạo và áp dụng KHCN để làm chủ quy trình sản xuất, hướng đến một nền nông nghiệp bền vững. Đồng thời, vận dụng linh hoạt cơ chế chính sách hiện hành, phát huy khai thác sử dụng triệt để, đồng bộ các đề tài nghiên cứu khoa học liên quan biến đổi khí hậu trên địa bàn toàn tỉnh để khai thác và huy động tối đa tiềm năng đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính, phát triển kinh tế bền vững, nâng cao sức chống chịu./.

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ AN NINH MẠNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY



NGUYỄN TRỌNG MINH QUÂN

Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học

Tóm tắt: Ngày nay, với sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ, bên cạnh những lợi ích to lớn không thể phủ nhận thì các nguy cơ, thách thức đặt ra đối với an ninh mạng đang ngày càng hiện hữu. Ứng phó với những nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia là vấn đề cốt lõi, sống còn để bảo vệ, phát triển đất nước. Việt Nam đã ban hành Luật An ninh mạng nhằm đối phó với các nguy cơ này, tuy nhiên nhiều thách thức vẫn còn tồn tại. Vì vậy, tăng cường công tác quản lý an ninh mạng trong giai đoạn hiện nay chính là chìa khoá giải quyết những khó khăn trên nền tảng số của nước ta.

Một trong những phát kiến có thể nói là vĩ đại nhất trong lịch sử công nghệ - thông tin của loài người đó là mạng Internet. Từ khi mạng Internet ra đời, các vấn đề an ninh như tấn công mạng, đánh cắp thông tin, giả mạo, khủng bố... liên tục diễn ra, an ninh mạng ngày nay không chỉ dừng lại ở việc bảo mật thông tin của cá nhân, doanh nghiệp mà còn liên quan đến chính trị, kinh tế, pháp lý, trở thành thủ đoạn trong việc đối đầu giữa các nước. Các cuộc tấn công mạng với động cơ chính trị vào hệ thống thông tin trọng yếu của các nước ngày càng gia tăng, gây thiệt hại nghiêm trọng về kinh tế, quốc phòng và an ninh. Tội phạm mạng ngày càng nguy hiểm với nhiều thủ đoạn tinh vi, kỹ thuật cao, sử dụng các loại mã độc ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tấn công, xâm nhập. Không gian mạng đang trở thành môi trường thuận lợi để cá nhân, tổ chức khủng bố liên lạc, tuyển mộ lực lượng, gây quỹ, truyền bá tư tưởng chống đối cực đoan, kích động sự hận thù và bạo lực. Mạng Internet không chỉ là

phương tiện thiết yếu trong cuộc sống, mà nó còn đặt ra nhiều vấn đề mới cho an ninh quốc gia.

Nhiều quốc gia đã nhận thức rõ về những mối đe dọa đối với an ninh mạng, coi đây là thách thức mới, mối đe dọa mới có tầm quan trọng và nguy hiểm cao nên đã cụ thể hóa thành các văn bản chính sách, văn bản pháp luật như luật hoặc văn bản dưới luật tại hơn 80 quốc gia, tổ chức, liên minh quốc tế như Mỹ, Anh, Đức, Hà Lan, Pháp, Canada, Hàn Quốc,... nhằm tạo ra các thiết chế, cơ sở pháp lý chống lại các nguy cơ đe dọa đến an ninh quốc gia từ không gian mạng. Luật An ninh mạng (LANM) của Việt Nam đã được Quốc hội khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 5, gồm 7 chương, 43 điều, quy định những nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin an ninh quốc gia; phòng ngừa, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng; triển khai hoạt động bảo vệ an ninh mạng và quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân, chính

thức có hiệu lực từ 01/01/2019.

Hiện nay, Việt Nam có trên 77,93 triệu người sử dụng Internet, chiếm 79,1% tổng dân số; đứng trong top 10 quốc gia có lượng người dùng Facebook nhiều nhất thế giới với 66,2 triệu người; 55% dân số đang sử dụng điện thoại di động. Hàng năm, Việt Nam phải chịu khoảng 2200 cuộc tấn công mạng mỗi ngày, khoảng 13.900 sự cố an ninh mạng trong năm 2023⁽¹⁾, là một trong những quốc bị tấn công mạng nhiều nhất trên thế giới. Việt Nam đang phải đối mặt với vấn đề an ninh mạng ngày càng nghiêm trọng, đặc biệt là trong những năm gần đây. Việt Nam từ năm 2001 đến nay đã xảy ra hơn 840 vụ lộ, mất bí mật nhà nước, chủ yếu qua thông tin, liên lạc, báo chí, xuất bản, quan hệ quốc tế... Đây là con số đáng báo động đối với hệ thống thông tin của quốc gia và cũng đặt ra vấn đề bảo vệ thông tin bí mật Nhà nước bởi an ninh quốc gia ảnh hưởng tới mọi mặt của đời sống xã hội. Thực tế trong nước và thế giới cho thấy, một tin đồn thất thiệt về tình trạng tài chính, nhân sự cấp cao, giám đốc ngân hàng bỏ trốn hay bị bắt... đều trực tiếp hoặc gián tiếp gây tác động xấu tới sự ổn định của các tổ chức tài chính tín dụng có liên quan và có thể gây hiệu ứng lan tỏa tới toàn bộ nền kinh tế. Hệ quả càng lớn khi thông tin mập mờ, suy luận thiếu căn cứ, nguồn tin không rõ ràng và khó xác minh cụ thể, còn bản thân đơn vị, cơ quan chức năng chậm phản ứng xử lý chính thức, không minh bạch thông tin, chủ động công bố thông tin cần thiết.

Có thể nói, Việt Nam đã trở thành mục tiêu tấn công, xâm nhập và thu thập thông tin tình báo hàng đầu của các nhóm tội phạm, tin tặc trên không gian mạng. Các vụ tấn công mạng này càng tinh vi hơn với những hình thái mới của giới tội phạm mang tính chất quốc gia. Đồng thời, trong thời gian qua, các thế lực thù địch gia tăng hoạt động tấn công mạng nhằm thu thập thông tin, bí

mật nhà nước, bí mật nội bộ, chiếm quyền điều khiển, phá hoại hệ thống mạng thông tin; sử dụng Internet, nhất là các trang mạng xã hội với nhiều phương thức, thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt nhằm gây chia rẽ nội bộ, xâm phạm lợi ích, an ninh quốc gia. Hoạt động tuyên truyền phá hoại tư tưởng, phá hoại nội bộ trên không gian mạng của các thế lực thù địch diễn ra với quy mô, cường độ ngày càng lớn, có trọng tâm, trọng điểm; sử dụng các trang mạng, blog liên tục đăng tải các bài viết có nội dung xấu, độc hại; tổ chức các chiến dịch công kích, bôi nhọ nhằm hạ uy tín của lãnh đạo Đảng, Nhà nước... Những hoạt động đó đã tác động tiêu cực tới tư tưởng, nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân; gây tâm lý hoang mang, nghi ngờ, làm suy giảm lòng tin vào chế độ xã hội chủ nghĩa và vai trò lãnh đạo của Đảng, Nhà nước.

Trước tình hình trên, Đảng, Nhà nước ta đã luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng, ban hành nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật và giải pháp thúc đẩy ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin trong các lĩnh vực gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia trên không gian mạng; xây dựng không gian mạng an toàn, trở thành nguồn lực mạnh mẽ để xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. Chính phủ đã ban hành, sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật tạo hành lang pháp lý cho hoạt động quản lý nhà nước đối với hoạt động trên mạng xã hội, cụ thể: Luật An toàn thông tin mạng năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2018); Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng; Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP; Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt

động xuất bản... Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT ngày 19/8/2014 quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội; Thông tư số 38/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016 quy định chi tiết về việc cung cấp thông tin công cộng qua biên giới (Thông tư số 38/2016/TT-BTTTT). Bộ Công an đã chủ động nắm tình hình, kịp thời tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 25/5/2020 về tăng cường phòng ngừa, xử lý hoạt động lừa đảo chiếm đoạt tài sản qua mạng xã hội.

Các cơ quan thông tấn, báo chí, truyền hình đã tích cực đưa tin, bài, tăng thời lượng phát sóng, mở các chuyên trang, chuyên mục đấu tranh, phản bác các luận điệu sai trái, thù địch; các hành vi vi phạm pháp luật trên mạng xã hội. Nhiều chương trình truyền hình, báo chí có nội dung sâu sắc, bám sát thực tiễn như: Chương trình “Đôi diện” của VTV, “Nhìn thẳng nói đúng” của VOV; “Bình luận - Phê phán” của Báo Nhân dân; chuyên mục “Chống diễn biến hòa bình” của Báo Quân đội nhân dân và Báo Công an nhân dân... đã phản ánh những luận điệu xuyên tạc, lừa bịp của các thế lực thù địch, phản động chống phá Đảng, Nhà nước, dân tộc ta. Công tác kiểm tra, chấn chỉnh các công ty truyền thông hoạt động quảng cáo trên không gian mạng như Facebook, Youtube... được tăng cường. Bộ Thông tin và Truyền thông đã có văn bản yêu cầu các cơ quan báo chí, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ quảng cáo rà soát hoạt động hợp tác với mạng lưới quảng cáo xuyên biên giới, không để tái diễn tình trạng quảng cáo vi phạm. Đồng thời, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước có phương án kiểm soát các giao dịch thanh toán với nước ngoài. Bộ Thông tin và Truyền thông đã chỉ đạo các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ internet (ISP) tăng cường công tác ngăn chặn, xử lý. Mặt khác, trong trường hợp không xác định được nhân

thân của tổ chức, cá nhân vi phạm thì Bộ Thông tin và Truyền thông gửi yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ như Google, Youtube, Facebook... thực hiện các biện pháp ngăn chặn, gỡ bỏ theo quy định tại Thông tư số 38/2016/TT-BTTTT.

Những nguyên nhân cơ bản dẫn đến các hành vi vi phạm pháp luật trên mạng xã hội thời gian qua là do: (i) Nhận thức của xã hội, đặc biệt là của cơ quan, doanh nghiệp và cá nhân không đồng đều. Các chế tài ngăn ngừa, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về sử dụng mạng xã hội chưa đủ sức răn đe và thiếu hiệu quả. (ii) Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về an ninh mạng chưa hoàn thiện, bất cập, chưa theo kịp sự phát triển của thực tế. Nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu công tác phòng ngừa, đấu tranh, xử lý các hành vi vi phạm về sử dụng mạng xã hội. (iii) Tiềm lực quốc gia về an ninh mạng của Việt Nam còn hạn chế, chưa đủ mạnh; năng lực phòng, chống tội phạm tấn công mạng, thông tin xấu độc, vi phạm pháp luật trên mạng xã hội chưa thực sự đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. (iv) Lực lượng thực thi pháp luật còn thiếu, sự phối hợp giữa các lực lượng chức năng hiệu quả chưa cao; còn tình trạng một số mạng xã hội dựa trên nền tảng xuyên biên giới như Facebook chưa thực sự hợp tác chặt chẽ trong ngăn chặn, gỡ bỏ các nội dung vi phạm pháp luật, thông tin sai sự thật, kích động bạo lực... khi có yêu cầu của các cơ quan chức năng; (v) Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm có lúc, có nơi còn chưa quyết liệt, thực hiện xử phạt chưa nghiêm...

Trong thời gian tới, sự phát triển của những công nghệ mới mang tính đột phá về truyền dẫn internet sẽ có những tác động trực tiếp tới sự phát triển của truyền thông xã hội, đặt ra yêu cầu cần nâng cao hơn nữa hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước, bảo đảm an toàn thông tin trong các hoạt động truyền thông xã hội, theo đó, để tăng cường

sự lãnh đạo của Đảng, công tác quản lý của Nhà nước về an ninh mạng, chúng ta cần thực hiện hiệu quả một số giải pháp sau:

Thứ nhất, hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo hành lang pháp lý về an ninh mạng đáp ứng yêu cầu phòng ngừa, đấu tranh, xử lý các hành vi vi phạm về sử dụng mạng xã hội. Cần sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh trực tiếp hoạt động cung cấp, sử dụng thông tin trên mạng xã hội theo hướng: Bổ sung các quy định cụ thể về hoạt động cung cấp thông tin công cộng xuyên biên giới vào Việt Nam, nguồn chính sách hỗ trợ phát triển mạng xã hội; tăng các mức chế tài xử phạt bảo đảm tính răn đe...

Thứ hai, triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp nghiệp vụ trong đấu tranh ngăn chặn hoạt động, hành vi vi phạm pháp luật. Lực lượng chức năng có thẩm quyền cần chủ động nắm tình hình, phát hiện sớm các trang mạng xã hội, diện đối tượng thường xuyên đăng tải, phát tán các thông tin sai sự thật, xuyên tạc; đối tượng thường xuyên truy cập các trang mạng phản động, bình luận nói xấu chế độ, Đảng và Nhà nước..., trên cơ sở đó, có những biện pháp quản lý, phối hợp xử lý nghiêm minh các trang mạng xã hội sai phạm, đối tượng vi phạm nhằm răn đe, không để các đối tượng lợi dụng mạng xã hội để thực hiện hành vi vi phạm.

Thứ ba, xây dựng chế tài phù hợp với thông lệ quốc tế trong quản lý nhà nước đối với các phương tiện truyền thông xã hội nước ngoài cung cấp dịch vụ tại Việt Nam. Tăng cường quản lý thị trường cung cấp dịch vụ và ứng dụng trên các phương tiện truyền thông xã hội; kiên quyết thực hiện nguyên tắc các nhà mạng, cung cấp, khai thác dịch vụ mạng, nhất là các doanh nghiệp nước ngoài, phải có trách nhiệm tuân thủ luật pháp Việt Nam, tôn trọng chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia Việt Nam. Có chính sách đầu tư, hỗ trợ các phương tiện truyền

thông xã hội có nền tảng công nghệ trong nước phát triển; khuyến khích, tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức trong nước xây dựng mạng xã hội nội bộ.

Thứ tư, tăng cường các biện pháp tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết về pháp luật, ý thức, trách nhiệm khi tham gia các nền tảng truyền thông xã hội của mọi công dân. Định hướng giáo dục giá trị để giới trẻ biết và tránh được các biểu hiện lệch lạc về nhận thức và hành vi sai trái trên truyền thông xã hội; trang bị cho học sinh, sinh viên kỹ năng tự bảo vệ thông tin cá nhân, cách thức chốt lọc, tiếp nhận thông tin một cách đúng đắn, phù hợp. Phát huy vai trò của các tổ chức và cá nhân, nhất là những người điều hành website, blog, fanpage, các KOL (Key Opinion Leader), influencers, giới trẻ trong xây dựng môi trường internet, mạng xã hội lành mạnh⁽²⁾.

Thứ năm, các bộ, ban, ngành cần có sự phối hợp trong hoạt động quản lý nhà nước về bảo đảm an ninh mạng. Thanh tra Sở Thông tin và Truyền thông các địa phương cần phối hợp với lực lượng an ninh mạng và phòng, chống tội phạm công nghệ cao (Bộ Công an) phát hiện, xử lý nghiêm những vi phạm về đăng tin xấu, độc, vi phạm pháp luật, đặc biệt là xử lý các đối tượng có hành vi sai phạm, phát ngôn thiếu chuẩn mực trên mạng xã hội. Xây dựng hệ thống trao đổi thông tin liên ngành, đường dây nóng, lực lượng phản ứng nhanh xử lý thông tin xấu, độc trên mạng xã hội; kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành liên quan trong ứng phó. Đối với các vụ việc vi phạm từ sử dụng mạng xã hội gây ra hậu quả nghiêm trọng cần phải truy cứu trách nhiệm hình sự./.

Tài liệu tham khảo:

1. Mạnh Chung, “Liên tiếp các vụ tấn công mạng vào doanh nghiệp Việt: Chỉ là phần nổi của tảng băng”, Tạp chí điện tử VnEconomy, truy cập lần cuối: 13h34 ngày 15 tháng 5 năm 2024.

GẮN NỘI DUNG BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG VỚI CÔNG TÁC GIẢNG DẠY VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ĐỐI VỚI KHOA LÝ LUẬN CƠ SỞ, TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ - MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM



ThS. NGUYỄN XUÂN BÉ

Trưởng Phòng Quản lý đào tạo và Nghiên cứu khoa học

Tóm tắt: Nâng cao hiệu quả bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch thông qua công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại các trường chính trị cấp tỉnh là yêu cầu tất yếu và là nhiệm vụ thường xuyên trong giai đoạn hiện nay. Nội dung này càng có ý nghĩa to lớn đối với nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại khoa Lý luận cơ sở. Bởi lẽ, đây là khoa được phân công giảng dạy, nghiên cứu và vận dụng nội dung các bộ môn Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào quá trình xây dựng và hoạch định chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên đang tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng tại các trường chính trị tỉnh hiện nay.

Từ khóa: Bảo vệ nền tảng tư tưởng; giảng dạy; nghiên cứu khoa học; phân học; bài học.

Theo Quy định số 09-QĐi/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, khoa Lý luận cơ sở là 01 trong 05 khoa, phòng trong cơ cấu tổ chức bộ máy của các trường chính trị cấp tỉnh. Tại Hướng dẫn số 101-HD/HVCTQG, của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở (hệ trung cấp lý luận chính trị), Khoa Lý luận cơ sở được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện các phân học sau: Nội

dung cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; phối hợp với khoa Nhà nước và Pháp luật, Khoa Xây dựng Đảng thực hiện phân học Kiến thức bổ trợ và phân học Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam. Ngoài nhiệm vụ giảng dạy các phân học theo quy định, đội ngũ cán bộ giảng viên của khoa Lý luận cơ sở phải thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo quy chế của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh như: tổ chức thực hiện các đề tài, hội thảo/tọa đàm khoa học; nghiên cứu đánh giá và xây dựng các báo cáo tổng kết thực tiễn và hoạt động nghiên cứu thực tế để xây dựng, biên soạn các tài liệu đào tạo, bồi dưỡng gắn với chuyên môn, lĩnh vực được

giao. Đội ngũ giảng viên của khoa hiện nay gồm có 09 đồng chí, trong đó giảng viên cơ hữu có 5 đồng chí, giảng viên kiêm nhiệm có 04 đồng chí. Đội ngũ cán bộ, giảng viên của khoa cơ bản đáp ứng yêu cầu về chuyên ngành giảng dạy theo các phân học được giao, có bề dày kinh nghiệm trong giảng dạy cũng như các hoạt động nghiên cứu khoa học. Đã có nhiều công trình khoa học, nhiều chương trình tài liệu đào tạo, bồi dưỡng do đội ngũ của khoa tham gia biên soạn được đưa vào ứng dụng trong công tác giảng dạy của nhà trường, bước đầu được đánh giá khá hiệu quả, có chất lượng.

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao cho thấy, các phân học do khoa lý luận cơ sở chủ trì và phối hợp thực hiện, phần lớn là khoa học lý luận cơ bản, khoa học nền tảng như: các bộ triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác Lênin, CNXHKKH, Tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây là những phân môn có hàm lượng lý luận chính trị nền tảng rất cao, nội dung của nhiều bộ môn mang tính khái quát hóa, trừu tượng hóa lớn, đòi hỏi đội ngũ giảng viên giảng dạy ở những phân học này phải có kiến thức chuyên sâu về mặt lý luận, nhất là nghiên cứu chuyên sâu về tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, có khả năng vận dụng, liên hệ và lý giải một cách khoa học những nguyên lý đó phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội trong mỗi giai đoạn phát triển của lịch sử.

Yêu cầu đặt ra đối với nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên khoa lý luận cơ sở là hết sức nặng nề, không chỉ ở số lượng giờ giảng của mỗi giảng viên và các nhiệm vụ khoa học do khoa đảm nhận mà cao hơn là khả năng truyền giảng các bộ môn khoa học có tính chất nền tảng lý luận chính trị gắn với yêu cầu thực tiễn kinh tế- xã hội mới là vấn đề cần đạt đến. Các đề tài/ hội thảo không chỉ là những sản phẩm công trình khoa học thuần túy về mặt số lượng mà phải trở thành những công trình có giá trị, thực sự mang ý

nghĩa nhằm hướng tới tổng kết lý luận, nhất là những vấn đề mới, vấn đề đang còn nhiều tranh luận học thuật trong giới nghiên cứu lý luận. Đảng ta khẳng định, lấy chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng. Do đó, việc giảng dạy, nghiên cứu khoa học và hướng dẫn học viên lĩnh hội và vận dụng nội dung cơ bản của các bộ môn này vào quá trình lãnh đạo, quản lý và thực hiện nhiệm vụ chính trị gắn với từng ngành, lĩnh vực công tác không chỉ là nhiệm vụ trên cương vị của người giảng viên, mà hơn hết làm sao để công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học cần được xem như một mặt trận lý luận tư tưởng cốt yếu góp phần củng cố, bảo vệ và phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong bối cảnh tình hình mới. Để làm được điều đó, ngoài tri thức lý luận, phương pháp giảng dạy và khả năng liên hệ, so chiếu giữa lý luận với thực tiễn, người giảng viên phải trở thành những chiến sỹ thực thụ trên mặt trận tư tưởng, phải là những tuyên truyền viên, những chuyên gia chuyên sâu có khả năng truyền cảm hứng, đủ sức luận giải, phản bác, đấu tranh lập luận một cách vừa khoa học, vừa đảm bảo minh chứng thực tiễn sinh động cho những luận điểm, nguyên lý trong học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh gắn với quá trình lãnh đạo, điều hành và tổ chức thực hiện các phong trào trong mỗi giai đoạn cách mạng của Đảng ta.

Để tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, ngày 22/10/2018 Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 35 -NQ/TW về “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”. Đây chính là kết quả của quá trình nhận thức, là việc kịp thời đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng thông qua nghị quyết chuyên đề về công tác tư tưởng lý luận. Coi công tác tư tưởng, lý luận là mặt trận hàng đầu, là gốc rễ để hình thành nên đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Kề từ

khi ban hành Nghị quyết, cấp ủy, chính quyền từ Trung ương đến địa phương đã kịp thời cụ thể hóa, đưa nghị quyết vào cuộc sống thông qua nhiều cách thức lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, từ việc thành lập Ban chỉ đạo 35 Trung ương đến Ban chỉ đạo 35 các tỉnh, thành phố; từ việc tổ chức về các cuộc thi chính luận đến đổi mới hình thức cách thức tuyên truyền lý luận chính trị phù hợp với từng đối tượng cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Một trong những hình thức đổi mới, linh hoạt trong thực hiện nhiệm vụ của các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó là coi quá trình tích hợp nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng vào công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học là một nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt.

Đối với khoa lý luận cơ sở, Trường Chính trị Trần Phú, bước đầu nhiệm vụ này đã được đội cán bộ ngũ giảng viên nhận thức một cách sâu sắc, coi đây không chỉ là yêu cầu đặt ra trong giai đoạn trước mắt, không chỉ là phương pháp có tính chất tạm thời, mà xác định đây là nhiệm vụ cốt yếu, có tính chất thường xuyên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của người giảng viên. Có thể đánh giá rằng, tích hợp nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giảng dạy lý luận chính trị nói chung và các bộ môn Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng trong giai đoạn hiện nay để đem đến sự thuyết phục cả về mặt lý luận và thực tiễn là điều không phải dễ dàng. Bởi lẽ, thuần túy bản thân những khoa học này có tính hàn lâm và trừu tượng rất cao, việc làm rõ nội dung một nguyên lý và liên hệ nguyên lý đó với việc xây dựng và hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước để minh chứng cho tính chất khoa học, cách mạng và thực tiễn không phải giảng viên nào cũng thành công và không phải nội dung nào cũng nhuần nhuyễn ở tất cả các bài giảng, nhất là ở những lớp mà có nhiều đối tượng học viên công tác ở nhiều lĩnh vực khác nhau.

Qua quá trình giảng dạy, nghiên cứu khoa học và cùng tham gia các hoạt động chuyên môn tại khoa lý luận cơ sở, bước đầu có thể nhận thấy những khó khăn, bất cập mà phần lớn các giảng viên đều gặp phải trong quá trình tích hợp nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giảng dạy các bộ môn lý luận Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh như: (1) phần lớn các giảng viên chưa giành nhiều thời gian để nghiên cứu chuyên sâu, tổng thể các tác phẩm kinh điển liên quan đến nội dung bài giảng, phần học mà, có chăng chỉ dừng lại ở những trích dẫn đứt đoạn có tính chất minh họa phạm vi hẹp trong các giáo trình, tài liệu. Do đó, khi trình bày nội dung cơ bản của nguyên lý đó, giảng viên chưa thể lý giải sâu sắc, thuyết phục đầy đủ bản chất khoa học, cách mạng của nó, thậm chí chưa thấy được bối cảnh lịch sử để đi đến lý giải tại sao các nhà kinh điển lấy đó làm căn cứ thực tiễn hình thành nên học thuyết, nguyên lý của mình. (2) phần lớn giảng viên giảng dạy các bộ môn này chưa có thời gian nghiên cứu tổng thể chuyên sâu các bộ môn có chuyên ngành gần với bộ môn mình đang giảng dạy, thậm chí đặt ra yêu cầu đòi hỏi nghiên cứu sâu hơn về các bộ môn khoa học xã hội như lịch sử, văn hóa, văn học, địa lý, cao hơn nữa là kiến thức về kinh tế, chính trị học, xây dựng đảng.... để khi giảng dạy, phân tích, minh chứng có thể liên hệ rộng ra các tri thức khoa học có liên quan, có như thế mới đảm bảo tính thuyết phục trong quá trình truyền thụ của mình. Đây là yêu cầu khó, cần có quá trình lâu dài nhưng không phải người giảng viên nào cũng thực hiện được, nhất là những giảng viên có tuổi nghề còn ít. (3) khi nói về tích hợp nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đòi hỏi giảng viên cần thực hiện đồng thời hai nội dung đó là, bên cạnh việc trình bày luận giải một cách khoa học, chính xác, đảm bảo tính logic, hệ thống các nguyên lý, lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đồng thời người giảng viên phải có hệ thống tri thức,

sự hiểu biết và cập nhật kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, những thông tin có tính thời sự thường nhật đã đang diễn ra trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội của đất nước, địa phương. Tuy vậy, hầu hết giảng viên chỉ mới dừng lại nghiên cứu nội dung cơ bản về mặt lý luận, có chăng chỉ một vài sự kiện chính trị - kinh tế rời rạc, chấp vá không có tính chất điển hình, hoặc có thể nói đúng về sự kiện nhưng chưa thật sự gắn với nội dung lý luận mà mình đang luận giải. Điều này, đòi hỏi người giảng viên phải vừa rèn luyện phương pháp tư duy logic, bước đầu có thể là logic hình thức sau đó tiến lên logic biện chứng. (4) khi chúng ta nói về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch thì trước hết cần hiểu đâu là quan điểm sai trái, đâu là quan điểm thù địch, vì có những quan điểm sai trái nhưng chưa hẳn là thù địch; có thể có những người đưa ra quan điểm sai trái chưa hẳn là những thế lực thù địch, phản động đối với Đảng. Thậm chí, chúng ta cần phân tích và minh chứng bằng thực tiễn quá trình chuyển hóa từ quan điểm sai trái sang quan điểm thù địch để từng bước ngăn chặn, đẩy lùi khi mới bắt đầu manh nha. Mặt khác, hiện nay, phần lớn giảng viên chưa có phương pháp tích hợp có tính hệ thống các luận điểm sai trái, thù địch theo từng bộ môn, theo từng phân ngành cụ thể, do đó sẽ rất lúng túng khi tìm cách luận giải, bảo vệ, đấu tranh. Nhiều luận điểm của các thế lực, phản động đưa ra giảng viên có thể nắm bắt kịp thời và nhận diện rõ âm mưu, hàm ý nhưng phần lớn chưa thể huy động đầy đủ kiến thức lý luận khoa học theo phân môn có tính hệ thống để đủ sức luận giải, phản bác luận điểm đó một cách thuyết phục, hiệu quả. (5) nguồn giảng viên ở trường chính trị nói chung và ở Trường Chính trị Trần Phú nói riêng cơ bản là xuất thân từ sinh viên các trường đại học, các học viện chưa từng giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thực tiễn, thậm chí chưa có thời gian công tác ở

các đơn vị, địa phương thuộc các cơ quan trong hệ thống chính trị các cấp, lại ít được tham gia sâu vào các phong trào cơ sở, các hoạt động lãnh đạo, quản lý và tổ chức triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, chính vì vậy việc “đổi” kiến thức thực tiễn về lãnh đạo, quản lý cũng như kỹ năng xử lý các tình huống thực tiễn là điều không thể tránh khỏi đối với mỗi giảng viên.

Để góp phần từng bước khắc phục những khó khăn, bất cập nói trên nhằm nâng cao hiệu quả việc tích hợp nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch vào công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học đối với giảng viên khoa Lý luận cơ sở, cần quan tâm thực hiện đồng bộ, thường xuyên một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

Thứ nhất, tăng cường công tác sinh hoạt, trao đổi chuyên môn theo từng bài học, phần học, trong đó tập trung nhấn mạnh đến cách thức, phương pháp tích hợp nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng gắn với nội dung giảng dạy của mỗi giảng viên. Mỗi giảng viên phải tự nghiên cứu, tổng hợp và cung cấp các luận điểm, nội dung có tính chất sai trái, thù địch; những luận điểm đi ngược lại những nguyên lý khoa học của Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nội dung chống phá cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta để cùng thảo luận đi đến thống nhất lựa chọn căn cứ lý luận khoa học, thực tiễn để minh chứng, phản bác các luận điểm và nội dung đó. Đồng thời, xác định cách thức, phương pháp tích hợp vào nội dung nào của bài học, phần học để đảm bảo tính khoa học, thể hiện được tính logic và tăng sức thuyết phục đối với học viên.

Thứ hai, giành thời gian nghiên cứu chuyên sâu nội dung các tác phẩm kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các tác phẩm bàn về công tác xây dựng Đảng của các lãnh tụ qua các thời kỳ để nắm vững kiến thức có tính chất hệ thống, tổng thể từ đó mới có cơ sở lý luận vững chắc đủ sức lý

giải, lập luận và đưa ra các luận điểm phản bác lại các quan điểm sai trái, thù địch một cách có hiệu quả. Việc nghiên cứu các tác phẩm kinh điển có thể nghiên cứu theo từng luận điểm, chủ đề, nhất là bám sát các nội dung cơ bản của bài học, các mục, tiết học hoặc những nội dung mà các thể lực, phản động thường sử dụng để chống phá Đảng và Nhà nước ta trên mặt trận tư tưởng, lý luận. Trong quá trình tích hợp, cần xem xét đến yếu tố thuộc về bối cảnh lịch sử, để có thể lập luận, lý giải sao cho người nghe nhận thức được những nguyên nhân khách quan, giới hạn của lịch sử chưa cho phép những nội dung, quan điểm của các nhà kinh điển đi đến tận cùng giới hạn của chân lý khoa học. Quá trình tích hợp cần sử dụng đồng thời nhiều phương pháp, trong đó không thể không sử dụng phương pháp đối chiếu, so sánh để thấy được sự kế thừa, bổ sung, phát triển những luận điểm lý luận phù hợp từng giai đoạn lịch sử nhân loại nói chung cũng như lịch sử Việt Nam nói riêng.

Thứ ba, lãnh đạo khoa cần chủ động xây dựng kế hoạch nghiên cứu thực tế gắn với nội dung đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học của khoa, trong đó tập trung nghiên cứu chuyên sâu về công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; tình hình phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, đơn vị để từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu thực tế của khoa, giúp giảng viên chủ động trong khai thác phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Qua nghiên cứu thực tế, cần kịp thời tổ chức các phiên sinh hoạt chuyên đề gắn với nhiệm vụ tích hợp và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Để nội dung phiên sinh hoạt thật sự có chất lượng, hiệu quả, lãnh đạo khoa cần có những gợi mở, định hướng để đội ngũ giảng viên trao đổi, thảo luận cung cấp các dữ liệu đã được nghiên cứu, tổng hợp từ hoạt động thực tế. Trong đó, cần đưa ra những luận điểm lý luận đem so sánh đối chiếu với dữ liệu thực tiễn mới thấy được bản chất khoa học, chân lý, giá trị lịch sử của nội dung luận điểm đó.

Ngoài nội dung chủ động nghiên cứu thực tế, cần sớm đề xuất Ban Giám hiệu phối hợp với các địa phương, đơn vị, các sở, ban ngành cấp tỉnh đề đội ngũ giảng viên của khoa định kỳ được làm việc, dự thính một số phiên họp, hội nghị nhất là các hội nghị tổng kết công tác xây dựng Đảng; hội nghị sơ, tổng kết các nghị quyết chuyên đề của cấp ủy các cấp.

Thứ tư, đi liền với luận giải và minh chứng khoa học để bảo vệ những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, giảng viên cần lồng ghép công tác giáo dục chính trị tư tưởng, phẩm chất đạo đức, tư cách người cán bộ, đảng viên trong giai đoạn hiện nay. Coi đây là một trong những nhiệm vụ của công tác tư tưởng, lý luận nhằm hình thành, xây dựng và củng cố vững chắc niềm tin, lý tưởng cộng sản trong mỗi cán bộ, đảng viên. Xét đến cùng, đạo đức cách mạng là gốc rễ của người cán bộ, đảng viên, dù cho có am hiểu tường minh lý luận đến chừng nào, mà tư tưởng chính trị bị suy thoái, phẩm chất đạo đức, tư cách người cán bộ, đảng viên bị xuống cấp thì việc tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết 35 nói chung và việc tích hợp nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng vào công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học nói riêng sẽ không có giá trị và đạt được mục đích như kỳ vọng của chúng ta.

Tích hợp nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đối với công tác giảng dạy các bộ môn Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là yêu cầu tất yếu đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị trong giai đoạn hiện nay. Làm tốt nội dung này cũng chính là góp phần không nhỏ vào công tác xây dựng Đảng về tư tưởng, lý luận. Do đó, việc thực hiện các nhiệm vụ nói trên cần được quán triệt, triển khai một cách nghiêm túc trong thời gian tiếp theo.

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC BOI DƯỠNG CHUẨN MỰC ĐẠO ĐỨC, VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG, CON NGƯỜI HÀ TĨNH TẠI CÁC TRUNG TÂM CHÍNH TRỊ CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH



ThS. HỒ THANH

Phó Trưởng phòng QLĐT và NCKH

Tóm tắt: Bồi dưỡng chuẩn mực đạo đức, văn hóa truyền thống, con người là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn, góp phần thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng về tư tưởng, đạo đức. Xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ và nội dung đào tạo, bồi dưỡng theo quy định, trong những năm vừa qua, các Trung tâm chính trị cấp huyện tỉnh Hà Tĩnh đã thực hiện có hiệu quả việc lồng ghép nội dung bồi dưỡng chuẩn mực đạo đức, văn hóa truyền thống, con người cho các đối tượng học viên, góp phần thực hiện công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị cơ sở ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”. Đạo đức là một hệ giá trị, là những chuẩn mực, quy tắc đánh giá, điều chỉnh hành vi ứng xử giữa cá nhân với cá nhân, cá nhân với xã hội trong xã hội, được hình thành và phát triển trong đời sống xã hội; được xã hội thừa nhận, lĩnh hội, bảo vệ và lan truyền trong cộng đồng. Mỗi cộng đồng xã hội với một hệ chuẩn mực đạo đức, làm nền tảng cho sự tồn tại và phát triển đời sống, phản ánh, nuôi dưỡng phẩm hạnh con người, giữ vai trò phát triển bản chất Người, theo tiêu chí chân - thiện - mỹ. Hiện nay, Đảng ta đang đẩy mạnh việc xây dựng Đảng về đạo đức, học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, khơi dậy khát vọng tự lực, tự cường, phát huy các giá trị đạo đức truyền thống yêu quê hương, đất nước; đoàn kết, anh dũng trong cải tạo thiên nhiên và chống giặc ngoại xâm; cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất; ham học hỏi và giàu lòng nhân nghĩa, thủy chung...

Nhận thức rõ về vị trí, vai trò trang bị, bồi

đắp những chuẩn mực đạo đức của cán bộ, thanh, thiếu niên đối với sự phát triển và nhiệm vụ được giao, trong những năm qua, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, các ngành, người đứng đầu cơ quan, đơn vị ở cấp huyện, cấp xã tỉnh Hà Tĩnh đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng chuẩn mực đạo đức cho học viên đạt được nhiều kết quả quan trọng. Theo đó, những chuẩn mực đạo đức “trung với Đảng, với nước, hiếu với dân”, “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”; cần thận, nhẫn nại, tận tâm với công việc, phục vụ nhân dân; gương mẫu “nói đi đôi làm”; không hiếu danh; không kiêu ngạo... đã được các Trung tâm chính trị cấp huyện ở Hà Tĩnh quan tâm lồng ghép thông qua việc thực hiện các chương trình trung đào tạo, bồi dưỡng thuộc chức năng, nhiệm vụ như: Sơ cấp lý luận chính trị - hành chính; bồi dưỡng các chương trình lý luận chính trị, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên trên địa bàn huyện; Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới về chuyên môn, nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng, quản lý nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội và

một số lĩnh vực khác cho cán bộ đảng (là cấp ủy viên cơ sở), cán bộ chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở; bồi dưỡng chính trị cho đối tượng phát triển đảng; lý luận chính trị cho đảng viên mới; nghiệp vụ công tác đảng cho cấp ủy viên cơ sở; tuyên truyền, giáo dục Lịch sử Đảng và Lịch sử đảng bộ địa phương; tổ chức thông tin về tình hình thời sự, chính sách... Bên cạnh đó, nhiều chuẩn mực đạo đức tốt đẹp trong nền công vụ, trong xã hội, đặc biệt là các chuẩn mực đạo đức, văn hoá trên các lĩnh vực của các danh nhân như Thánh sư địa lý Tả Ao, Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác, Dinh điền sứ Nguyễn Công Trứ, Cao Thắng, Hoàng Xuân Hãn, Lê Văn Thiêm; tài năng trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật như Nguyễn Du, Huy Cận, Xuân Diệu, Nguyễn Phan Chánh, nhà nghiên cứu Nguyễn Đăng Chi, Hồ Tôn Trinh, Hoàng Ngọc Hiến...; tấm gương hào kiệt trong các cuộc chống ngoại xâm như: Mai Thúc Loan, Đặng Tất, Đặng Dung, Nguyễn Biểu, Nguyễn Xí, Hoàng hậu Bạch Ngọc, La Sơn phu tử Nguyễn Thiệp, Phan Đình Phùng, Ngô Đức Kế, Tổng Bí thư Trần Phú, Tổng Bí thư Hà Huy Tập, Lý Tự Trọng, Phan Đình Giót, 10 liệt nữ Thanh niên xung phong Ngã ba Đồng Lộc... cũng được chú trọng tuyên truyền, tôn vinh, lan toả trong quá trình hiện thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng tại các Trung tâm chính trị cấp huyện.

Sau đào tạo, bồi dưỡng các chương trình của Trung tâm chính trị cấp huyện học viên sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và trình độ; có thái độ tích cực học tập nâng cao trình độ văn hóa; có ý thức và tự giác chấp hành pháp luật; thành thạo nghiệp vụ; tận tâm với công việc, phục vụ nhân dân, ra sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, việc đào tạo, bồi dưỡng chuẩn mực đạo đức còn một số hạn chế, bất cập như: Một số cấp ủy, chính quyền, nhất là người đứng đầu chưa quan tâm đúng mức việc giáo dục lý luận chính trị nói chung và công tác đào tạo, bồi dưỡng chuẩn mực đạo đức nói riêng; đội ngũ giảng viên, báo cáo viên chưa được bồi dưỡng, cập nhật những nội dung, nghiệp vụ, kỹ năng trong đào

tạo, bồi dưỡng chuẩn mực đạo đức cho học viên đáp ứng yêu cầu thực tiễn hiện nay; một số học viên, nhất là cán bộ trẻ thiếu nhẫn nại, chưa cẩn thận trong công việc; thiếu sự thống nhất giữa trách nhiệm pháp lý, trách nhiệm chính trị và trách nhiệm đạo đức trong thực thi công vụ; còn có biểu hiện hiếu danh, kiêu ngạo, bè phái, thiếu gương mẫu nói không đi đôi làm; một số chuẩn mực đạo đức đang ở dạng hàn lâm, cô đọng, chưa được cụ thể hóa để phù hợp với những tình huống cụ thể khác nhau trong thực thi công vụ, trong thực tiễn lao động, sản xuất và sinh hoạt đời sống hiện nay; nhiều chuẩn mực đạo đức, văn hóa truyền thống, con người Hà Tĩnh nói riêng và Việt Nam nói chung chưa được giảng viên, học viên khai thác đầy đủ, trọn vẹn về giá trị góp phần thực hiện xây dựng Đảng về đạo đức.

Nhằm tiếp tục thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, đặc biệt là đào tạo, bồi dưỡng những chuẩn mực đạo đức cho học viên tại các Trung tâm chính trị cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, trước mắt cần triển khai thực hiện tốt một số nội dung sau:

Thứ nhất: Cấp ủy, chính quyền, các đơn vị xây chương trình, kế hoạch hỗ trợ nguồn kinh phí để các Trung tâm chính trị cấp huyện thực hiện đào tạo, bồi dưỡng chuẩn mực đạo đức, truyền thống văn hóa... Lồng ghép truyền thụ những chuẩn mực đạo đức thông qua việc trao đổi về chuyên môn, nghiệp vụ, pháp luật, quản lý nhà nước, tình hình thời sự trong và ngoài nước, tuyên truyền về các sự kiện lớn của địa phương, của đất nước, về học tập tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, về biển đảo, về Lịch sử đảng bộ địa phương...

Thứ hai: Đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng chuẩn mực đạo đức, truyền thống văn hóa. Bổ sung, hoàn thiện chương trình, giáo trình, chú trọng lồng ghép trong đào tạo, bồi dưỡng chuẩn mực đạo đức, truyền thống văn hóa cho các đối tượng học viên cụ thể. Phân loại các đối tượng học viên tạo thuận lợi cho quá trình đào tạo, bồi dưỡng các chương trình và lồng ghép đào tạo, bồi dưỡng chuẩn mực đạo đức, truyền thống văn hóa. Chú trọng lồng ghép các nội dung học

tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với việc thực hiện nhiệm vụ công tác của cơ quan, đơn vị, địa phương; cuộc thi chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch; cuộc thi tìm hiểu truyền thống văn hóa, danh nhân của quê hương, đất nước để tôn vinh, phát huy giá trị đạo đức tốt đẹp trong thực tiễn hiện nay.

Thứ ba: Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ giảng viên các Trung tâm chính trị cấp huyện để nâng cao hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng chuẩn mực đạo đức, truyền thống văn hóa. Tăng cường công tác kiểm tra và lưu giáo án của giảng viên; đổi mới hình thức ra đề thi, kiểm tra; xây dựng quy chế quản lý đề thi, đề kiểm tra; xây dựng và hoàn thiện hệ thống sổ sách theo dõi và quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng theo quy định chuẩn, nhất là đào tạo, bồi dưỡng chuẩn mực đạo đức cho học viên. Nghiên cứu các nội dung chuẩn mực đạo đức và phương pháp phù hợp để trang bị cho các đối tượng cụ thể: cán bộ, công chức, viên chức, thanh thiếu niên, người cao tuổi, cựu chiến binh, công nhân, nông dân... Xây dựng hệ thống câu hỏi ôn tập, bài tập tự luận, trắc nghiệm về đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội... để nâng cao hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng chuẩn mực đạo đức cho học viên.

Thứ tư: Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của học viên trong tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuẩn mực đạo đức, truyền thống văn hóa. Thực hiện, quán triệt thực hiện chuẩn mực đạo đức, truyền thống văn hóa trong thực thi công vụ, trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ, trong cuộc sống. Tạo điều kiện cho người học phát huy tính sáng tạo, chủ động trong thể hiện quan điểm cá nhân trong thực hiện chuẩn mực đạo đức thông qua chương trình báo cáo ngoại khóa, báo cáo chuyên đề, tình hình, nhiệm vụ chính trị địa phương, xem phim tư liệu, kể chuyện tâm gương đạo đức Hồ Chí Minh...

Thứ năm: Thường xuyên đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng chuẩn mực đạo đức cho học viên tại các Trung tâm chính

trị cấp huyện. Thực hiện tốt cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong theo dõi, đánh giá việc vận dụng chuẩn mực đạo đức trong thực thi công vụ và trong cuộc sống của đội ngũ cán bộ, công chức. Thực hiện siết chặt kỷ luật, kỷ cương theo tinh thần Quy định số 144-QĐ/TW, ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị quy định chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên giai đoạn mới, Công điện số 968/CD-TTg, ngày 16/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp; Kết luận số 29-KL/TU, ngày 22/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao đạo đức công vụ trong cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Xây dựng, thực hiện chuẩn mực về đạo đức và xây dựng Đảng về đạo đức có mối quan hệ biện chứng lẫn nhau, bổ sung và hoàn thiện lẫn nhau; là nội dung có giá trị lâu dài và bền vững trong xây dựng, phát triển con người nói chung và công tác xây dựng Đảng nói riêng. Đây là một trong những nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, nhất là trong nền kinh tế thị trường, quá trình hội nhập kinh tế mạnh mẽ hiện nay ở nước ta. Vì vậy, đòi hỏi sự quan tâm vào cuộc của cả hệ thống chính trị, của cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể từ trung ương đến cơ sở, trong đó Trung tâm chính trị cấp huyện đóng vai trò quan trọng.

Tài liệu tham khảo:

1. Luật Cán bộ, công chức, năm 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 và Luật Viên chức số 58/2010/QH12.
2. Quy định số 208-QĐ/TW ngày 08/11/2019 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trung tâm chính trị cấp huyện.
3. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh, *Đảng bộ Hà Tĩnh qua các kỳ đại hội (1930 - 2020)*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, năm 2020.

PHÁT HUY VAI TRÒ NÊU GƯƠNG CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN TRONG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC GÓP PHẦN THỰC HIỆN VIỆC HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH, CHUYÊN ĐỀ NĂM 2024 Ở HÀ TĨNH



ThS. PHAN CHÍ QUYẾT

Khoa Xây dựng Đảng

Tóm tắt: Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là nhiệm vụ sống còn để bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, phục vụ Nhân dân, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực sẽ góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ngày càng trong sạch, vững mạnh. Trong giai đoạn hiện nay, học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là việc làm có ý nghĩa quan trọng giúp nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm, tinh thần nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu mỗi cơ quan, đơn vị trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến vấn đề tham nhũng và coi đây là một trong những căn bệnh cần phòng, chống. Theo Người: “Đứng về phía cán bộ mà nói, tham ô là: ăn cắp của công làm của tư, đục khoét của nhân dân... Đứng về phía nhân dân mà nói, tham ô là: ăn cắp của công, khai gian, lậu thuế”⁽¹⁾. Do đó, bản chất của tham nhũng là xấu, là “trộm cướp”, lấy “của công” làm “của tư”; gian lận tham lam, không quý trọng của công, không thương tiếc tiền gạo do mồ hôi nước mắt của đồng bào, xương máu của chiến sĩ làm ra. Người cũng cho rằng, biểu hiện trực tiếp của tham nhũng là ăn cắp của công hay của Nhân dân làm của tư. Cán bộ bớt xén, tiêu ít mà khai nhiều; lợi dụng của công, của Chính phủ

để làm quỹ riêng cho địa phương, đơn vị mình cũng là tham nhũng. Mặt khác, tham nhũng cũng gắn với các biểu hiện tiêu cực, chẳng hạn như một cán bộ được Chính phủ và Nhân dân trả lương hàng tháng nhưng lại thiếu trách nhiệm, đứng núi này trông núi nọ, làm việc chậm chạp, ăn cắp giờ của Chính phủ, của Nhân dân, không làm tròn nhiệm vụ theo chức trách của mình, “Có người nói: không giữ quỹ, không giữ tiền, không có quyền thì là không tham ô. Cái nắm tiền, cái có quyền mà ăn cắp là trực tiếp. Còn gián tiếp như trên, sự thực cũng là tham ô”⁽²⁾. Người cũng sớm nhận diện và căn dặn cán bộ, đảng viên cần phòng, chống những biểu hiện tiêu cực như: địa phương chủ nghĩa, bè phái, quân phiệt quan liêu, hẹp hòi, ham chuộng hình thức,

lỗi làm việc bàn giấy, vô kỷ luật, kỷ luật không nghiêm, ích kỷ, hủ hóa,... Theo Người, tham nhũng gây ra nhiều tác hại nghiêm trọng: Tham nhũng phá hoại đạo đức cách mạng, làm hỏng tinh thần trong sạch và ý chí vượt khó của cán bộ; phá hoại tinh thần, phí phạm sức lực, tiêu hao của cải của Chính phủ và của Nhân dân một cách vô ích, có hại đến công việc cải thiện đời sống Nhân dân. Có những người trong lúc tranh đấu thì hăng hái, trung thành, không sợ nguy hiểm, cực khổ, không sợ quân địch, nghĩa là có công với cách mạng. Song đến khi có ít nhiều quyền lực trong tay thì nảy sinh tính kiêu ngạo, xa xỉ, phạm vào tham ô, lãng phí, quan liêu, không tự giác mà biến thành người có tội với cách mạng. Người nhắc nhở: “Cán bộ nào mà tham ô, hủ hóa là có tội to với Đảng và Chính phủ, có tội to với nhân dân và có tội to cả với anh chị em cán bộ khác”⁽³⁾; “Việc tệ nhất là tham ô. Tham ô tức là gián tiếp giết chết đồng bào bị đói và bị nạn”⁽⁴⁾; tham nhũng là bạn đồng minh của thực dân, phong kiến, là kẻ thù của Nhân dân và Chính phủ vì nó làm chậm trễ công cuộc kháng chiến và kiến quốc của dân tộc ta; là kẻ thù khá nguy hiểm, vì nó không mang gươm, mang súng mà nó nằm trong các tổ chức để làm hỏng công cuộc kháng chiến, kiến quốc, gây ảnh hưởng xấu đến công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cản trở, phá hoại sự nghiệp xây dựng đất nước, tiến lên chủ nghĩa xã hội của Nhân dân ta.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, có năm việc phải làm, trước hết, phải đẩy lùi chủ nghĩa cá nhân. Người ví, chủ nghĩa cá nhân là một thứ “vi trùng rất độc”, nó là thứ “bệnh mẹ”, do nó mà sinh ra các thứ “bệnh con”; cá nhân chủ nghĩa mà ngại gian khổ, khó khăn, sa vào tham ô, hủ hóa, lãng phí, xa hoa... Thứ hai, phải tẩy sạch bệnh quan liêu. Muốn trừ sạch nạn tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, thì trước hết phải tẩy sạch

bệnh quan liêu. Thứ ba, phải đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thứ tư, phải phát động phong trào thi đua tiết kiệm, chống lãng phí; thường xuyên kiểm tra, giám sát, tổng kết kinh nghiệm. Thứ năm, phải phát huy dân chủ, phải dựa vào sức mạnh của quần chúng nhân dân thì mới thành công, phải “làm cho quần chúng khinh ghét tệ tham ô, lãng phí, quan liêu; biến hàng ức, hàng triệu con mắt, lỗ tai cảnh giác của quần chúng thành những ngọn đèn pha soi sáng khắp mọi nơi, không để cho tệ tham ô, lãng phí, quan liêu còn chỗ ẩn nấp”⁽⁵⁾.

Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực có ý nghĩa hết sức quan trọng, không chỉ tiếp tục nâng cao nhận thức, quyết liệt hơn trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở các cấp, các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên và Nhân dân, mà còn góp phần xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp đề ra. Nhận thức được tầm quan trọng đó, ngày 08/12/2023, Tỉnh ủy Hà Tĩnh đã ban hành Kế hoạch số 224-KH/TU về thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2024, với nội dung chuyên đề toàn khóa: “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong cán bộ, đảng viên”.

Trong những năm qua, công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của Đảng và Nhà nước nói chung, đối với tỉnh Hà Tĩnh nói riêng, đã ngày càng đi vào chiều sâu, thể hiện quyết tâm chính trị mạnh mẽ, tạo bước chuyển biến rõ rệt để giữ vững sự

ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước. Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đã được thực hiện một cách bài bản, đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả theo đúng quan điểm “không có vùng cấm, không có ngoại lệ, bất kể người đó là ai và không chịu sức ép của bất kỳ cá nhân nào”⁽⁶⁾. Trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực được cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở thực hiện nghiêm túc; việc cụ thể hóa các tư tưởng chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư - Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được triển khai đầy đủ, kịp thời; Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng tỉnh cũng đã quan tâm chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, báo chí và Nhân dân trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và bám sát chức năng, nhiệm vụ, phát huy vai trò, trách nhiệm trong tham mưu, chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Tuy vậy, quá trình chỉ đạo xử lý ở một số vụ án, vụ việc, công tác giám định, định giá tài sản còn gặp khó khăn, vướng mắc; tiến độ, kết quả giải quyết còn chậm, một bộ phận cán bộ, đảng viên, đặc biệt là cán bộ giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý, thậm chí giữ chức vụ quan trọng trong hệ thống chính trị đã không nghiêm túc, gương mẫu trong tự rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chạy theo những cám dỗ vật chất, địa vị mà quên đi lời thề với Đảng, với Nhân dân, trở thành những “con sâu”, những mầm mống gây hại nghiêm trọng đến sự nghiệp cách mạng mà toàn Đảng, toàn dân đang dày công thực hiện. Thực tiễn đó cũng đặt ra yêu cầu cấp bách về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đặc biệt là mỗi cán bộ, đảng viên phải tự nhìn nhận, tự soi, tự sửa, tự tu dưỡng bản thân, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của

đảng viên trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong mỗi địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn toàn tỉnh.

Để công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong cán bộ, đảng viên đạt hiệu quả thiết thực, củng cố niềm tin của nhân dân, đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên trong toàn hệ thống chính trị phải thường xuyên tự soi, tự sửa, thực hành nêu gương, phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương của cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu, góp phần thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 224-KH/TU, ngày 08/12/2023 của Tỉnh ủy Hà Tĩnh về thực hiện Chuyên đề toàn khóa năm 2024, trước mắt cần quan tâm một số nội dung sau:

Một là, tăng cường tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Trong những năm qua, cạnh nhiều gương cán bộ, đảng viên, nhân dân, dũng cảm đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, vẫn còn bộ phận cán bộ, công chức, chưa nhận thức đúng, đầy đủ trách nhiệm của mình trong nhiệm vụ quan trọng này; có lúc nhận thức đúng nhưng vì nhiều lý do (không muốn ảnh hưởng đến thành tích của cơ quan, đơn vị, có biểu hiện bao che cho cấp dưới vi phạm, sợ ảnh hưởng, liên lụy đến bản thân...) nên đã không phát huy hết ý thức, trách nhiệm của mình trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Vì vậy, phải tiếp tục tăng cường tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên, về mục đích, ý nghĩa, sự cần thiết phải đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực để thực sự phát huy vai trò, trách nhiệm của mỗi cá nhân. Khắc phục tình trạng vô cảm, thờ ơ, thiếu trách nhiệm hoặc né tránh việc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cơ quan, đơn vị, tổ chức của mình. Tuyên truyền, giáo dục phải bằng

hiều hình thức, biện pháp thiết thực, gắn tuyên truyền Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước với các tấm gương tiêu biểu, dũng cảm trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; tuyên truyền, giáo dục Nghị quyết Trung ương đối với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; quy định của Trung ương, của Tỉnh về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Đưa việc tuyên truyền, học tập Nghị quyết, văn bản quy phạm pháp luật vào nội dung chương trình học tập, nghiên cứu của các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức hằng năm, các kỳ sinh hoạt chi bộ, cơ quan nhằm nêu cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên; phát động phong trào học tập, làm theo tấm gương dũng cảm đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí tiêu cực đã được Đảng, Nhà nước biểu dương, khen thưởng, gắn với việc thực hiện việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Hai là, mỗi cán bộ, đảng viên trong các cơ quan, đơn vị cần thực hiện tốt quy định về trách nhiệm nêu gương để việc nêu gương trở thành nội dung bắt buộc. Cán bộ, đảng viên phải càng gương mẫu, nhất là người đứng đầu các cấp, người có chức vụ càng cao phải càng gương mẫu. Mỗi chi bộ, đơn vị cần xây dựng cách thức để kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả của thực hiện quy định nêu gương của cán bộ, đảng viên trong thực hiện các nhiệm vụ nói chung và trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực nói riêng. Mỗi cán bộ, đảng viên cần tự giác, gương mẫu, đi đầu trong quán triệt và bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu, lý tưởng, đường lối đổi mới của Đảng; kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Sẵn sàng hy sinh lợi ích cá nhân vì lợi ích chung của Đảng, của Nhà nước và Nhân dân; thực hiện nghiêm

quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về những điều đảng viên không được làm. Có lối sống trong sạch, lành mạnh, thực sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư. Gương mẫu chấp hành Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước, Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, sự phân công, điều động của tổ chức. Đi đầu thực hiện nề nếp, chế độ sinh hoạt đảng, các quy chế, quy định của tổ chức, cơ quan, đơn vị và địa phương nơi cư trú. Kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, lối sống vụ lợi, thực dụng, cơ hội, ích kỷ, lợi ích nhóm; tự giác nêu gương, tác phong khiêm tốn, giản dị, sâu sát thực tế, gần gũi, thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng, lợi ích chính đáng của cấp dưới, nhân dân, quan tâm tới đồng nghiệp. Kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện vô cảm, quan liêu, cửa quyền, hách dịch và các hành vi những nhiều gây phiền hà cho Nhân dân.

Ba là, cán bộ, đảng viên không ngừng tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, nêu cao trách nhiệm, danh dự, lòng tự trọng của người đảng viên: “Nâng cao ý thức tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng suốt đời, thường xuyên “tự soi”, “tự sửa” và nêu cao danh dự, lòng tự trọng của người đảng viên”⁽⁷⁾. Theo đó, mỗi cán bộ, đảng viên phải thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện về đạo đức cách mạng; tự giác, gương mẫu trong việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Việc nêu gương của cán bộ, đảng viên phải theo phương châm “trên trước, dưới sau”, “trong trước, ngoài sau”, “học đi đôi với làm theo”; cấp ủy viên nêu gương cho đảng viên, đảng viên nêu gương cho quần chúng; cán bộ cấp trên nêu gương cho cán bộ cấp dưới; thủ trưởng cơ quan, đơn vị nêu gương cho công chức, viên

chức và người lao động. “Việc tự giác nêu gương để khẳng định vai trò lãnh đạo, tính tiên phong, gương mẫu “trên trước, dưới sau”, “đảng viên đi trước, làng nước theo sau”. Từ việc nêu gương của mỗi cán bộ, đảng viên hướng tới việc xây dựng tập thể nêu gương, đơn vị nêu gương để từng bước lan tỏa giá trị của người cán bộ, đảng viên và của tổ chức đến với quần chúng nhân dân. Có như vậy, tình trạng tham nhũng, tiêu cực mới từng bước được đẩy lùi.

Bốn là, cán bộ, đảng viên thực sự gương mẫu đi đầu trong thực hiện Nghị quyết của Đảng, Pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Tiếp tục nghiên cứu, quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Cấp ủy các cấp, nhất là việc thực hiện thực hiện Kết luận số 54-KL/TW ngày 09/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 03/10/2017 của Ban Bí thư, trong đó phát huy vai trò giám sát, phản biện của báo chí, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân với việc thực hiện quy định nêu gương của cán bộ, đảng viên gắn với thực hiện Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến, tự chuyển hóa”. Đảng ta nhấn mạnh: “Coi trọng công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng, kết hợp với việc phát huy vai trò giám sát của báo chí và Nhân dân với việc thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên”, “Thực hiện có hiệu quả việc giám sát của cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, cán bộ chủ chốt”. Thông qua đó, có thể kiểm soát, hạn chế tình trạng lợi dụng

chức vụ, quyền hạn của một bộ phận cán bộ, đảng viên để tham ô, trục lợi hoặc có những biểu hiện tiêu cực.

Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là nhiệm vụ sống còn để bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, phục vụ nhân dân, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ngày càng trong sạch, vững mạnh. Để công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ngày càng hiệu quả, phải kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa với chủ động phát hiện, xử lý; phải huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, trong đó đặc biệt coi trọng vai trò, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong mỗi cơ quan, đơn vị có ý thức tự soi, tự sửa, gương mẫu đi đầu thì công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng sẽ đạt hiệu quả cao và thiết thực./.

Chú thích:

(1) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 7, Nxb CTQG-ST, H.2011, tr.355-356.

(2) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 8, Nxb CTQG-ST, H.201, tr.6.

(3) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 10, Nxb CTQG-ST, H.2011, tr.210.

(4) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 9, Nxb CTQG-ST, H.2011, tr.439.

(5) Hồ Chí Minh Toàn tập, Sđd, t 13, tr. 419

(6) Phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị toàn quốc về công tác phòng, chống tham nhũng ngày 12-12-2022.

(7) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2021, t.II, tr. 237.

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - GIẢI PHÁP GÓP PHẦN XÂY DỰNG TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ ĐẠT CHUẨN



ThS. TRẦN THỊ THÚY HƯỜNG

Khoa Xây dựng Đảng

Tóm tắt: Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực, hiện đại là một tất yếu khách quan nhằm đạt được mục tiêu của công tác giảng dạy lý luận chính trị và những yêu cầu của thực tiễn công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong giai đoạn hiện nay. Đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị góp phần tạo chuyển biến mạnh mẽ chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng Trường Chính trị Trần Phú đạt chuẩn.

Ngày 13/11/2018, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII ban hành Quy định số 09-QĐ/TW “về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”, trong đó khẳng định trường chính trị cấp tỉnh là đơn vị sự nghiệp trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp và thường xuyên của ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy. Trường chính trị cấp tỉnh có chức năng: tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp cơ sở, cán bộ, công chức, viên chức ở địa phương về lý luận chính trị - hành chính; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiến thức và chuyên môn, nghiệp vụ về công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; kiến thức về một số lĩnh vực khác; tham gia tổng kết thực tiễn, nghiên

cứu khoa học về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương.

Xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ của trường chính trị tỉnh và đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, ngày 19/5/2021, Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XIII) ban hành Quy định số 11-QĐ/TW về trường chính trị chuẩn. Triển khai thực hiện, chỉ đạo của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh Trần Phú đã tiến hành rà soát các điều kiện theo các nhóm tiêu chuẩn trong Quy định số 11-QĐ/TW chỉ về xây dựng trường chính trị chuẩn. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã xây dựng và tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt Đề án số 02-ĐA/TU, ngày 09/01/2023 về “Xây dựng Trường Chính trị Trần Phú đạt chuẩn mức 1 giai đoạn 2022 - 2025 và định hướng đến năm 2030”.

Theo Quy định số 11-QĐ/TW, để xây dựng trường chính trị chuẩn cần đáp ứng trên nhiều phương diện, như nội dung chương trình và quản lý đào tạo, bồi dưỡng; về chuẩn hóa trong công tác nghiên cứu khoa học; về tổ chức bộ máy; về xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ giảng viên; về cơ sở vật chất - kỹ thuật, tài chính. Trong đó, nội dung trọng tâm là nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận chính trị, trọng tâm là đổi mới chương trình, giáo trình, dự giờ, thao giảng, đổi mới phương pháp giảng dạy... Đổi mới phương pháp dạy học giúp cho các trường chính trị nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Phương pháp giảng dạy, theo nghĩa chung nhất, đó là cách thức hoạt động, tác động giữa người dạy trực tiếp hoặc gián tiếp với người học cùng nhằm thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và nội dung giảng dạy. Trong đó, người giảng viên có thể sử dụng nhiều phương pháp, kết hợp những phương pháp truyền thống và phương pháp hiện đại trong quá trình giảng dạy.

Đổi mới phương pháp giảng dạy thực chất không phải là sự thay thế các phương pháp giảng dạy truyền thống bằng các phương pháp giảng dạy mới. Đó là đổi mới cách tiến hành các phương pháp, trên cơ sở khai thác triệt để ưu điểm của các phương pháp truyền thống và vận dụng linh hoạt một số phương pháp mới và kết hợp sử dụng các phương tiện, trang thiết bị dạy học hiện đại nhằm phát huy tối đa tính tích cực, chủ động và sáng tạo của người học. Phương pháp dạy học tích cực hướng đến việc lấy người học làm trung tâm, giúp người học tiếp tục tự học, bổ sung, mở rộng và nâng

cao kiến thức, rèn luyện về phương pháp tư duy, khả năng vận dụng giải quyết tình huống thực tiễn. Như vậy, mục đích cuối cùng của đổi mới phương pháp giảng dạy là làm thế nào để học viên thực sự tích cực, chủ động, sáng tạo, tự giác và có những tìm tòi, trăn trở trong quá trình lĩnh hội kiến thức để không bị động tiếp cận một chiều. Giảng viên chỉ đóng vai trò là người dẫn dắt vấn đề và hướng dẫn học viên nghiên cứu. Việc thường xuyên áp dụng hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực để nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận chính trị chính là đổi mới phương pháp giảng dạy.

Trong những năm qua, đội ngũ giảng viên của trường chính trị Trần Phú đã không ngừng nỗ lực để thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm đạt kết quả tốt nhất trong giảng dạy và học tập lý luận chính trị của cả giảng viên và học viên. Ban Giám hiệu nhà trường và các khoa chuyên môn luôn quan tâm và chú trọng việc cử giảng viên đi tham dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng về đổi mới phương pháp dạy học mới theo hướng tích cực và hiệu quả. Qua đó, mỗi giảng viên đều nâng cao nhận thức về việc phải đổi mới phương pháp giảng dạy từ phương pháp truyền thống sang phương pháp giảng dạy mới với cùng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và sử dụng nhiều hình ảnh và các số liệu, biểu đồ minh họa... Giảng viên chọn lựa và áp dụng những phương pháp khác nhau phù hợp với các đối tượng người học và nội dung mỗi chuyên đề, chương trình đào tạo, bồi dưỡng.

Những phương pháp giảng dạy tích cực thường được đội ngũ giảng viên Trường Chính trị Trần Phú áp dụng trong giảng dạy lý luận chính trị hiện nay là: Phương pháp lấy ý kiến ghi lên bảng; phương pháp tình huống; phương pháp hỏi - đáp;

phương pháp làm việc nhóm; phương pháp sàng lọc; phương pháp phỏng vấn nhanh; phương pháp hỏi ý kiến chuyên gia... Việc lồng ghép và sử dụng nhiều phương pháp giảng dạy tích cực đã làm cho bài giảng phong phú, sinh động hơn, góp phần nâng cao chất lượng các bài giảng cho giảng viên, bước đầu tạo được hứng thú cho người học. Học viên được tham gia vào nội dung bài học nhiều hơn, chính vì vậy, tính tích cực, chủ động tham gia học tập của học viên được phát huy. Qua việc tham gia thảo luận để giải quyết các tình huống cụ thể gắn với nội dung bài giảng đã làm cho học viên dễ hiểu bài và có thể vận dụng được trong thực hiện nhiệm vụ ở cơ quan đơn vị. Việc trao đổi trực tiếp giữa giảng viên và học viên cũng giúp cho giảng viên nâng cao nhận thức các vấn đề thực tiễn, khắc phục các nhược điểm trong giảng dạy làm cho chất lượng bài giảng không ngừng nâng cao.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, vẫn còn có những buổi học chủ yếu chỉ thuyết trình, ngôn ngữ, ngữ điệu diễn đạt của giảng viên còn đều đều, sử dụng phương pháp chưa khoa học, phù hợp với đối tượng và nội dung bài giảng, chưa có tính thuyết phục, chưa phát huy được tính tích cực hưởng ứng của học viên, thậm chí dẫn đến tình trạng mệt mỏi, nhàm chán cho học viên, làm giảm chất lượng bài giảng. Nguyên nhân dẫn tới tình trạng trên là do việc áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực trong giảng dạy lý luận chính trị nói chung và ở Trường Chính trị Trần Phú nói riêng còn một số khó khăn như sau:

Một là, về cơ sở vật chất nhà trường đã từng bước hoàn thiện hơn, tuy nhiên phòng học và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để đáp ứng cho việc giảng dạy phương pháp tích cực hiện nay của trường cũng chưa thể

đáp ứng đầy đủ và cách bố trí hội trường làm cho việc áp dụng phương pháp dạy học gặp nhiều bất tiện. Mặt khác, lớp được mở tại một số trung tâm bồi dưỡng chính trị hoặc ở các sở, ban, ngành do về cơ sở vật chất không đồng bộ nên rất khó để áp dụng phương pháp dạy học tích cực.

Hai là, hiện nay ở một số lớp số lượng học viên trong lớp khá đông đến từ nhiều cơ quan đơn vị và ở nhiều độ tuổi, trình độ khác nhau, đa số học viên vừa học vừa làm, ít có thời gian nghiên cứu trước tài liệu, vì vậy có phần bị động trong quá trình tham gia các hoạt động của phương pháp dạy học tích cực, sự nhiệt tình của một số học viên chưa cao, đôi lúc rất khó hợp tác với giảng viên. Do vậy, việc áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực cũng phần nào bị hạn chế.

Ba là, một số giảng viên vẫn chưa đổi mới phương pháp giảng dạy do khối lượng kiến thức lớn mà thời lượng giảng hạn chế nên vẫn dùng phương pháp thuyết trình là chủ đạo. Giảng viên là chủ thể truyền thụ kiến thức còn học viên là khách thể tiếp nhận tri thức chỉ nghe giảng và chép bài một cách thụ động.

Từ những kết quả đã đạt được và những hạn chế nêu trên, để tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm góp phần đưa Trường Chính trị Trần Phú đạt chuẩn trong thời gian tới cần thực hiện tốt một số giải pháp cơ bản sau đây:

Thứ nhất, cần tăng cường bồi dưỡng cập nhật kiến thức cho giảng viên về việc sử dụng các phương pháp mới và nâng cao nhận thức cho đội ngũ giảng viên về tầm quan trọng của việc áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực trong giảng dạy lý luận chính trị tại trường chính trị tỉnh.

Thứ hai, cần ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang bị và hoàn thiện các trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy như máy vi tính, máy chiếu, bảng lật, bảng ghim, tư liệu, bố trí hội trường phù hợp để thuận tiện trong sử dụng phương pháp dạy học tích cực.

Thứ ba, nhà trường cần xây dựng các tiêu chí cụ thể để đánh giá chất lượng giảng viên, trong đó việc đổi mới phương pháp dạy học là một tiêu chí quan trọng. Những tiêu chí cụ thể có thể là: Giảng viên phải nắm chắc nội dung môn học; giảng viên phải làm chủ được nội dung, các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; giảng viên phải có kế hoạch về việc học tập; giảng viên phải có hiểu biết về việc đánh giá học viên; giảng viên phải có hiểu biết về các nguồn chương trình và công nghệ; giảng viên phải có thái độ cộng tác với đồng nghiệp và học viên; giảng viên phải có khả năng phân tích và phản ánh trong thực tiễn giảng dạy... Bên cạnh những tiêu chí này, Nhà trường cần căn cứ vào quy chế đào tạo và các nội quy, quy định khác để đánh giá giảng viên. Mỗi tiêu chí đánh giá cần được xác định qua việc lấy phiếu phản hồi từ học viên, từ nhận xét của lãnh đạo khoa chuyên môn và từ đồng nghiệp. Việc đánh giá có thể theo hình thức bỏ phiếu kín hoặc phản ánh qua các cuộc họp chuyên môn của khoa.

Thứ tư, trong sinh hoạt chuyên môn ở từng khoa cần định hướng một cách thống nhất về cách tiếp cận nội dung kiến thức và áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực ở từng chuyên đề, từng tiết giảng để đội ngũ giảng viên có sự chủ động trong việc thiết kế và thực hành các bài giảng của mình. Các giảng viên trong khoa chuyên môn tích cực trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm cho nhau trong việc áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực.

Thứ năm, mỗi giảng viên nghiên cứu kỹ bài giảng để lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy một cách khoa học, có hiệu quả. Giảng viên phải thành thạo trong các kỹ năng lên lớp từ bước chuẩn bị bài giảng đến cách tổ chức lớp học, bố trí thời lượng, đặt câu hỏi, tổ chức và khuyến khích học viên thảo luận, dẫn dắt thảo luận, nhận xét, đánh giá... Giảng viên phải đặt mình là những kiến trúc sư thiết kế bài giảng thật bài bản trong chuyên môn của mình, phải sử dụng thành thạo, hiệu quả các phương tiện giảng dạy hiện đại, tuy nhiên cũng không nên quá lạm dụng có thể gây phản tác dụng.

Thứ sáu, tăng cường công tác thao giảng, dự giờ. Việc thường xuyên thực hiện công tác thao giảng, dự giờ của các giảng viên của cả trong và ngoài khoa chuyên môn góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên có điều kiện trao đổi kinh nghiệm, học tập, giúp đỡ lẫn nhau trong việc nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, thúc đẩy phong trào thi đua “dạy tốt, học tốt”, nâng cao chất lượng giảng dạy.

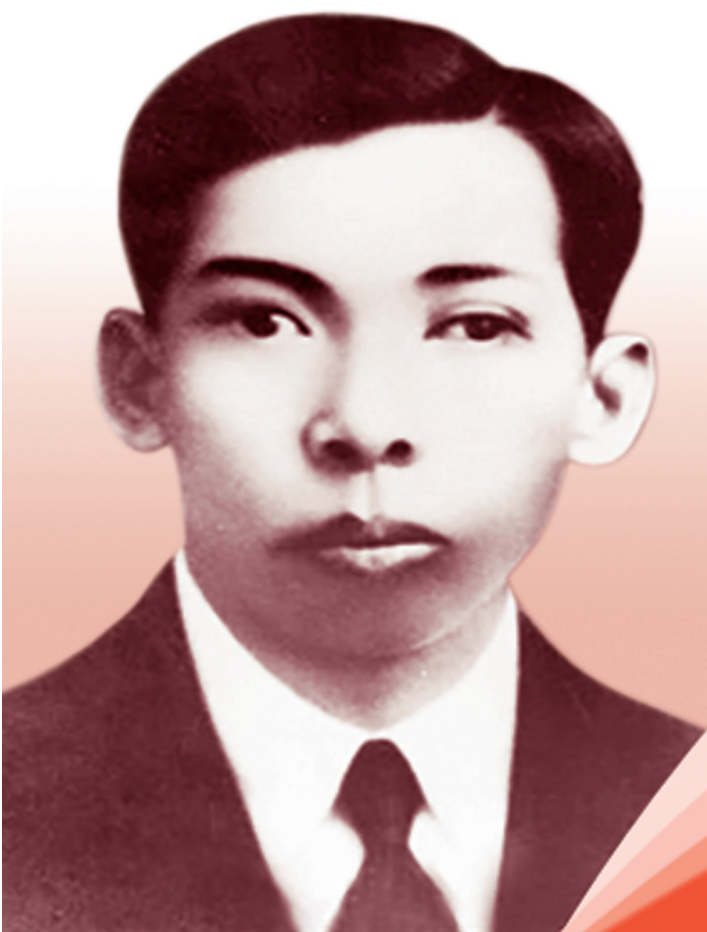
Có thể khẳng định, chất lượng bài giảng là yếu tố quan trọng hàng đầu quyết định chất lượng đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị. Việc nâng cao chất lượng bài giảng là yêu cầu đặt ra cần phải giải quyết của tất cả các trường chính trị. Hiện nay, cùng với việc thực hiện đồng bộ các tiêu chí để đưa Trường Chính trị Trần Phú đạt chuẩn, việc đổi mới phương pháp giảng dạy sẽ là một giải pháp quan trọng góp phần vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường, góp phần xây dựng Trường đạt chuẩn theo quy định./.



THÔNG TIN

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ HÀ TĨNH



Đồng chí Trần Phú
Tổng Bí thư đầu tiên,
nhà lý luận xuất sắc
của Đảng

Số 49
4/2024

Kỷ niệm 120 năm
ngày sinh Tổng Bí thư Trần Phú
(1/5/1904 - 1/5/2024)



Lễ tuyên dương gương điển hình học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, giai đoạn 2021-2023 (01/3/2024)



Tọa đàm khoa học “Phát huy ý chí cách mạng của Tổng Bí thư Trần Phú trong xây dựng và phát triển đất nước giai đoạn hiện nay” (14/3/2024)

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

*

HỘI THẢO TRIỂN KHAI ĐỀ TÀI KHOA HỌC “NGHIÊN CỨU ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC KHAI THÁC MỎ SẮT THẠCH KHÊ TỚI CỘNG ĐỒNG CƯ DÂN CÁC VÙNG VEN BIỂN HUYỆN THẠCH HÀ VÀ VÙNG LIÊN QUAN



Ts. Nguyễn Trọng Tír báo cáo đề dẫn Hội thảo “Nghiên cứu ảnh hưởng của việc khai thác mỏ sắt Thạch Khê tới cộng đồng dân cư các vùng ven biển huyện Thạch Hà và vùng liên quan”



Giáo sư, viện sĩ Nguyễn Huy Mỹ - Viện Hàn lâm khoa học tự nhiên Liên bang Nga phát biểu tại Hội thảo khoa học cấp tỉnh “ Nghiên cứu ảnh hưởng của việc khai thác mỏ sắt Thạch Khê tới cộng đồng cư dân các xã ven biển huyện Thạch Hà và vùng liên quan (27/3/2024)



Đoàn viên Công đoàn Trường Chính trị Trần Phú tham gia hiến máu nhân đạo (28/01/2024)



Chiến sỹ lực lượng tự vệ Trường Chính trị Trần Phú tại Hội thao bắn đạn thật năm 2024, đạt hoa bắn giỏi (20/3/2024)